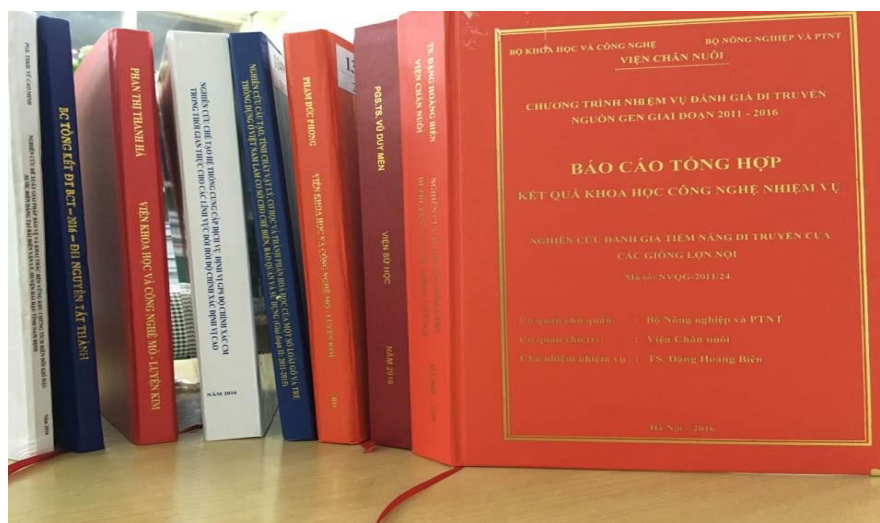


THÔNG BÁO

KẾT QUẢ THỰC HIỆN

NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ



SỐ 4
2021



BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC THÔNG TIN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUỐC GIA
National Agency for Science and Technology Information

THÔNG BÁO
KẾT QUẢ THỰC HIỆN
NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
(Định kỳ 1 số/tháng)

BAN BIÊN TẬP

<i>Trưởng ban:</i>	THS. VŨ ANH TUẤN
<i>Phó Trưởng ban:</i>	ThS. Võ Thị Thu Hà ThS. Trần Thị Hoàng Hạnh
<i>Ủy viên thư ký:</i>	ThS. Nguyễn Thị Thưa CN. Nguyễn Thị Thúy Diệu CN. Nguyễn Thu Hà

MỤC LỤC

<i>Danh mục các bảng tra</i>	<i>Trang</i>
Lời giới thiệu	ii
Danh mục kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN đã đăng ký/giao nộp theo lĩnh vực nghiên cứu	3
Thông tin thư mục kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN đã đăng ký/giao nộp	8
<u>Phụ lục</u> : Thủ tục đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN	92

LỜI GIỚI THIỆU

Triển khai thực hiện việc thông tin về kết quả thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ được quy định trong Luật Khoa học và Công nghệ; Nghị định số 11/2014/NĐ-CP ngày 18/02/2014 của Thủ tướng Chính phủ về hoạt động thông tin khoa học và công nghệ; Thông tư số 14/2014/TT-BKHHCN ngày 11/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về việc thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ, Cục Thông tin khoa học và công nghệ Quốc gia là cơ quan nhà nước có thẩm quyền về đăng ký, lưu giữ, phổ biến thông tin KQNC, biên soạn và phát hành xuất bản phẩm: ***“Thông báo kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ”***.

Xuất bản phẩm ***“Thông báo kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ”*** được xuất bản nhằm giới thiệu với bạn đọc thông tin thư mục cơ bản về kết quả thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp từ cấp quốc gia (cấp nhà nước), cấp bộ/ngành, cấp tỉnh/thành và cấp cơ sở trên cả nước, thuộc tất cả các lĩnh vực khoa học và công nghệ được đăng ký và giao nộp tại Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia. Thông tin trong xuất bản phẩm này được rút ra từ Hệ thống Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia do Cục Thông tin khoa học và công nghệ Quốc gia xây dựng và có thể tra cứu trực tuyến theo địa chỉ: <http://sti.vista.gov.vn>. Định kỳ xuất bản xuất bản phẩm là 1 số/tháng nhằm thông báo kịp thời thông tin các kết quả nghiên cứu các cấp đã đăng ký và giao nộp tại Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia.

Trân trọng giới thiệu.

Mọi thông tin phản hồi về Xuất bản phẩm, xin liên hệ theo địa chỉ:

CỤC THÔNG TIN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUỐC GIA

Số 24-26 Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

ĐT: (024) 39349116- Fax: (024) 39349127- E-mail: quanly@vista.gov.vn

Website: <http://www.vista.gov.vn/>

**DANH MỤC KẾT QUẢ THỰC HIỆN
NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ ĐÃ ĐĂNG KÝ/ GIAO NỘP
THEO LĨNH VỰC NGHIÊN CỨU**

1. Khoa học tự nhiên	9
101. Toán học và thống kê.....	9
10101. Toán học cơ bản	9
10102. Toán học ứng dụng.....	11
10103. Thống kê.....	13
102. Khoa học máy tính và thông tin	14
10201. Khoa học máy tính	14
10202. Khoa học thông tin	14
103. Vật lý	16
10302. Vật lý các chất cô đặc.....	16
10303. Vật lý hạt và trường.....	18
10304. Vật lý hạt nhân	18
10305. Vật lý plasma và chất lỏng	19
10306. Quang học.....	20
10309. Khoa học vũ trụ	21
104. Hóa học	22
10402. Hoá vô cơ và hạt nhân.....	22
10405. Điện hóa (pin khô, pin, pin nhiên liệu, ăn mòn kim loại, điện phân) ..	22
105. Các khoa học trái đất và môi trường liên quan	22
10513. Thủy văn; Tài nguyên nước	22
106. Sinh học.....	23
10605. Hoá sinh; phương pháp nghiên cứu hoá sinh.....	23
10609. Di truyền học	24
10615. Đa dạng sinh học	24

2. Khoa học kỹ thuật và công nghệ.....	24
201. Kỹ thuật dân dụng	24
20102. Kỹ thuật xây dựng	24
20104. Kỹ thuật giao thông vận tải	25
20105. Kỹ thuật thủy lợi.....	27
202. Kỹ thuật điện, kỹ thuật điện tử, kỹ thuật thông tin	29
20203. Tự động hoá (CAD/CAM, v.v...) và các hệ thống điều khiển, giám sát; công nghệ điều khiển số bằng máy tính (CNC),..	29
20204. Các hệ thống và kỹ thuật truyền thông	33
20207. Cơ điện tử; hệ vi cơ điện tử (MEMS),..	34
203. Kỹ thuật cơ khí, chế tạo máy	34
20301. Kỹ thuật cơ khí nói chung	34
20302. Chế tạo máy nói chung.....	35
20303. Chế tạo máy công cụ	35
20304. Chế tạo máy động lực.....	36
20305. Kỹ thuật cơ khí và chế tạo máy nông nghiệp.....	36
20307. Kỹ thuật cơ khí và chế tạo ô tô và giao thông.....	38
20310. Kỹ thuật cơ khí và chế tạo máy xây dựng.....	39
20314. Kỹ thuật và công nghệ liên quan đến hạt nhân	39
204. Kỹ thuật hóa học	40
20401. Sản xuất hóa học công nghiệp nói chung (nhà máy, sản phẩm).....	40
20403. Kỹ thuật hoá dược	40
20404. Kỹ thuật hoá vô cơ	42
20405. Kỹ thuật hoá hữu cơ	43
20406. Kỹ thuật hoá dầu	43
205. Kỹ thuật vật liệu và luyện kim.....	43

20501. Kỹ thuật nhiệt trong luyện kim	43
20502. Kỹ thuật và công nghệ sản xuất kim loại và hợp kim đen	44
20507. Vật liệu xây dựng	45
20514. Vải, gồm cả sợi, màu và thuốc nhuộm tổng hợp.....	45
207. Kỹ thuật môi trường.....	46
20701. Kỹ thuật môi trường và địa chất, địa kỹ thuật.....	46
20702. Kỹ thuật dầu khí (dầu mỏ, khí đốt)	48
20704. Viễn thám	49
20705. Khai thác mỏ và xử lý khoáng chất.....	49
3. Khoa học y, dược	49
301. Y học cơ sở.....	49
30101. Giải phẫu học và hình thái học.....	49
30103. Miễn dịch học.....	50
30108. Vi sinh vật học y học.....	50
302. Y học lâm sàng	51
30202. Sản khoa và phụ khoa.....	51
303. Y tế.....	51
30301. Khoa học về chăm sóc sức khỏe và dịch vụ y tế (bao gồm cả quản trị bệnh viện, tài chính y tế,..)	51
304. Dược học	52
30403. Dược liệu học; cây thuốc; con thuốc; thuốc Nam, thuốc dân tộc	52
30404. Hoá dược học	53
305. Công nghệ sinh học trong y học.....	54
30501. Công nghệ sinh học liên quan đến y học, y tế.....	54
30503. Công nghệ liên quan đến xác định chức năng của ADN, protein, enzym và tác động của chúng tới việc phát bệnh; đảm bảo sức khỏe (bao	

gồm cả chẩn đoán gen, các can thiệp điều trị trên cơ sở gen (dược phẩm trên cơ sở gen.....	55
4. Khoa học nông nghiệp	56
401. Trồng trọt	56
40102. Thổ nhưỡng học	56
40103. Cây lương thực và cây thực phẩm.....	56
40104. Cây rau, cây hoa và cây ăn quả.....	58
40106. Bảo vệ thực vật.....	58
402. Chăn nuôi.....	59
40202. Di truyền và nhân giống động vật nuôi.....	59
40203. Thức ăn và dinh dưỡng cho động vật nuôi.....	61
40204. Nuôi dưỡng động vật nuôi.....	61
40206. Sinh trưởng và phát triển của động vật nuôi	62
405. Thủy sản.....	62
40501. Sinh lý và dinh dưỡng thủy sản.....	62
40502. Di truyền học và nhân giống thủy sản.....	63
40504. Nuôi trồng thủy sản	63
406. Công nghệ sinh học nông nghiệp	65
40601. Công nghệ gen (cây trồng và động vật nuôi); nhân dòng vật nuôi;.....	65
5. Khoa học xã hội	65
502. Kinh tế và kinh doanh	65
50201. Kinh tế học; Trắc lượng kinh tế học; Quan hệ sản xuất kinh doanh....	65
50202. Kinh doanh và quản lý	67
503. Khoa học giáo dục.....	75
50301. Khoa học giáo dục học nói chung, bao gồm cả đào tạo, sư phạm học, lý luận giáo dục,..	75
504. Xã hội học	78

50404. Dân tộc học.....	78
50405. Xã hội học chuyên đề; Khoa học về giới và phụ nữ; Các vấn đề xã hội Nghiên cứu gia đình và xã hội; Công tác xã hội.....	79
505. Pháp luật.....	80
50501. Luật học.....	80
506. Khoa học chính trị.....	81
50601. Khoa học chính trị.....	81
50602. Hành chính công và quản lý hành chính.....	81
50603. Lý thuyết tổ chức; Hệ thống chính trị; Đảng chính trị.....	82
507. Địa lý kinh tế và xã hội.....	83
50702. Địa lý kinh tế và văn hoá.....	83
50703. Nghiên cứu quy hoạch, phát triển đô thị.....	84
6. Khoa học nhân văn.....	85
601. Lịch sử và khảo cổ học.....	85
60199. Các vấn đề lịch sử và khảo cổ học khác.....	85
602. Ngôn ngữ học và văn học.....	85
60201. Nghiên cứu chung về ngôn ngữ.....	85
60205. Nghiên cứu văn học Việt Nam, văn học các dân tộc ít người của Việt Nam.....	86
60207. Lý luận văn hoá; Nghiên cứu văn hoá nói chung.....	86
60210. Ngôn ngữ học ứng dụng.....	87
603. Triết học, đạo đức học và tôn giáo.....	88
60302. Lịch sử và triết học của khoa học và công nghệ.....	88
60305. Nghiên cứu tôn giáo.....	90
Phụ lục.....	92

**THÔNG TIN THƯ MỤC VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN
NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ ĐÃ ĐĂNG KÝ/ GIAO NỘP**

CHÚ GIẢI

① 74479.1-2020. ② Nghiên cứu đề xuất một số khu vực có thể phục hồi và tái tạo hệ sinh thái rạn san hô phục vụ du lịch sinh thái biển Khánh Hòa/ Võ Sĩ Tuấn, TS. Nguyễn Văn Long; CN. Phan Kim Hoàng; ThS. Thái Minh Quang; ThS. Phan Thị Kim Hồng; ThS. Mai Xuân Đạt; ThS. Phạm Sĩ Hoàn; ThS. Phạm Bá Trung; CN. Hứa Thái Tuyên; TS. Hoàng Xuân Bền - Khánh Hòa - Viện Hải dương học Nha Trang, 2018 - 01/2015 - 08/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố) ④

③ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨

⑩—Tổng quan về các điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội, đa dạng sinh học ở vùng biển Khánh Hoà. Đánh giá hiện trạng hệ sinh thái rạn san hô ở các khu vực có tiềm năng sử dụng cho mục tiêu du lịch sinh thái biển. Điều tra hiện trạng sử dụng và quản lý tài nguyên tại các khu vực tiềm năng. Phân tích các yếu tố tích cực và hạn chế liên quan đến phục hồi rạn san hô và phát triển du lịch sinh thái và đề xuất các khu vực có thể phục hồi và tái tạo rạn san hô nhằm sử dụng cho du lịch sinh thái. Xây dựng mô hình phục hồi, tái tạo rạn san hô với sự tham gia quản lý của doanh nghiệp.

Số hồ sơ lưu: KHA-2019-002

①	Mã tra cứu
②	Số xuất bản phẩm - Năm xuất bản
③	Tên nhiệm vụ
④	Chủ nhiệm nhiệm vụ và cán bộ tham gia nghiên cứu
⑤	Thời gian thực hiện nhiệm vụ
⑥	Cấp nhiệm vụ
⑦	Nơi viết báo cáo
⑧	Cơ quan chủ trì nhiệm vụ
⑨	Năm viết báo cáo
⑩	Tóm tắt nội dung nghiên cứu

1. Khoa học tự nhiên

101. Toán học và thống kê

10101. Toán học cơ bản

76247. 04-2021 **Thớ hình thức tổng quát của một đại số địa phương/** TS. Đoàn Trung Cường, ThS. Phạm Hồng Nam - Hà Nội - Viện Toán học, 2019 - 08/2016 - 08/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu liên hệ giữa kỳ dị của thớ hình thức tổng quát của một đại số địa phương và cấu trúc của đại số đó. Từ đó xây dựng liên hệ giữa sự tồn tại của một số cấu xạ song hữu tỷ đặc biệt với tính chất kỳ dị của vành. Ứng dụng những kết quả về cấu trúc của thớ hình thức tổng quát để thiết lập một dạng mở rộng của định lý chuẩn bị Weierstrass cho trường hợp chiều cao, dẫn đến đánh giá u bất biến của một số lớp trường hàm và trường Hensel.

Số hồ sơ lưu: 17109

76257. 04-2021 **Về cấu trúc của môđun hữu hạn sinh trên vành thương của vành Cohen-Macaulay Noether địa phương/** GS. TSKH. Nguyễn Tự Cường, PGS. TS. Phạm Hùng Quý; PGS. TS. Nguyễn Thị Hồng Loan; TS. Phạm Hữu Khánh; ThS. Nguyễn Tuấn Long; ThS. Trần Đức Dũng - Hà Nội - Viện Toán học, 2019 - 01/2018 - 01/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu để giải quyết từng phần hoặc trọn vẹn những vấn đề nảy sinh trong quá trình nghiên cứu nhiều năm về trước về cấu trúc của

modun hữu hạn sinh trên lớp vành thương của vành Cohen-Macaulay. Nhằm đóng góp vào hiểu biết sâu hơn về cấu trúc các đại số trong chuyên ngành giao hoán. Đóng góp những hiểu biết sâu hơn về các cấu trúc modun trên vành giao hoán Noether có đặc số dương nhằm giúp cho sự phát triển của chuyên ngành đại số giao hoán nói chung cũng như cho sự phát triển và nâng cao uy tín quốc tế của chuyên ngành này của Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 17114

76260. 04-2021 **Số học, Hình học, Đối đồng điều Galoa và Biểu diễn của nhóm đại số/** GS. TS. Nguyễn Quốc Thắng, TS. Đào Phương Bắc; TS. Ngô Thị Ngoan; TS. Nguyễn Duy Tân - Hà Nội - Viện Toán học, 2019 - 12/2017 - 12/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Thiết lập một số nguyên lý Hasse hay địa phương - toàn cục mới cho nhóm đại số và các không gian thuần nhất. Nghiên cứu nguyên lý địa phương toàn cục áp dụng cho lý thuyết đẳng tính thể phát triển bởi Kottwitz. Nghiên cứu, phát triển 1 số công cụ trong đối đồng điều Galoa như lý thuyết tích Massey và ứng dụng để nghiên cứu lý thuyết Galoa... Nghiên cứu về đối đồng điều Galois của nhóm lũy đơn trên không hoàn thiện nói chung và trường hàm toàn cục nói riêng. Nghiên cứu về tính triệt tiêu của tích Massey, tính Koszul của đối đồng điều Galois của trường và một số vấn đề liên quan như xây dựng các mở rộng Galois với nhóm Galois lũy đơn. Thiết lập một số tính chất hữu

tỷ trong lý thuyết bất biến hình học trên trường không đóng đại số làm cơ sở cho lý thuyết số học của bất biến hình học.

Số hồ sơ lưu: 17138

76268. 04-2021 **Tối ưu đa trị với tiêu chuẩn véc tơ và tiêu chuẩn tập và các vấn đề liên quan/** GS. TSKH. Phạm Hữu Sách, TS. Nguyễn Thế Vinh; TS. Thái Doãn Chương; PGS. TS. Tạ Quang Sơn; TS. Lê Anh Tuấn - Hà Nội - Viện Toán học, 2020 - 12/2017 - 12/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Thiết lập một số quy tắc dưới vi phân suy rộng theo hướng và theo tập cho lớp hàm không trơn và ứng dụng, đặc biệt là ứng dụng nghiên cứu các điều kiện tối ưu véc - tơ, tính đối ngẫu, tính chính quy và tính ổn định. Nghiên cứu sự tồn tại nghiệm và các thuật toán mới (như thuật toán chiếu mới, thuật toán miền tin cậy...) giải một số bài toán cân bằng/ tối ưu véc tơ. Chú trọng các bài toán trong đó các tính chất truyền thống như tính liên tục, tính đơn điệu... chỉ cần hạn chế trên một tập hợp con của miền xác định của hàm mục tiêu.

Số hồ sơ lưu: 17125

76276. 04-2021 **Chỉ số chính quy Castelnovo-Mumford và cấu trúc của vành Rees/** TS. Cao Huy Linh, PGS. TS. Nguyễn Chánh Tú; TS. Lưu Bá Thắng; TS. Nguyễn Phú Hoàng Lâm; ThS. Văn Đức Trung - Thừa Thiên - Huế - Trường Đại học Sư phạm - Đại học Huế, 2020 - 08/2016 - 08/2018. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu chỉ số chính quy của vành phân bậc liên kết ứng với ideal tham số trong một số trường hợp đặc biệt. Chứng minh tính không dương của hệ số Hilbert của ideal tham số với một số điều kiện đặc biệt của vành ban đầu và vành phân bậc liên kết. Đưa ra mối quan hệ giữa tính triệt tiêu của hệ số Hilbert và độ sâu của vành phân bậc liên kết. Mô tả tính toán một cách tường minh ideal định nghĩa (ideal các phương trình) của một ideal cho trước thỏa mãn một số điều kiện đặc biệt. Từ đó chứng minh tính Cohen-Macaulay của đại số Rees. Nghiên cứu về các mặt và đường cong tham số hữu tỷ cùng những ứng dụng của nó thông qua ma trận biểu diễn, một khái niệm mới được đề cập gần đây.

Số hồ sơ lưu: 17136

76286. 04-2021 **Cấu trúc của vành thông qua tính bất biến của các môđun/** TS. Trương Công Quỳnh, TS. Phan Thế Hải; TS. Đinh Đức Tài; TS. Nguyễn Khánh Tùng; ThS. Nguyễn Thị Thu Hà; ThS. Trần Hoài Ngọc Nhân - Đà Nẵng - Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng, 2019 - 12/2017 - 12/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Lớp các vành tựa nội xạ và modun tựa nội xạ đóng vai trò quan trọng trong việc nghiên cứu lý thuyết vành và modun. Khái niệm modun tựa nội xạ được Johnson Wong giới thiệu và nghiên cứu năm 1961. Một modun là tựa nội xạ nếu nó bất biến qua tất cả các tự đồng cấu của bao nội xạ của nó. Năm 1969, các tác giả Dickson- Fuller đã chứng minh một modun không phân tích được trên một

K-đại số với K một trường là tựa nội xa nếu và chỉ nếu nó bất biến qua tất cả các tự đẳng cấu của bao nội xa đó.

Số hồ sơ lưu: 17141

76574. 04-2021 **Đánh giá Carleman và các ứng dụng/** TS. Nguyễn Anh Tú, - Hà Nội - Viện Toán học, 2019 - 05/2016 - 02/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Thiết lập các tính chất định tính cho nghiệm của phương trình elliptic hoặc parabolic và áp dụng của chúng trong các bài toán ngược. Đánh giá độ lớn vật chìm trong môi trường có dẫn suất phức. Chứng minh các tính chất thác triển duy nhất định tính cho phương trình elliptic cấp hai với hệ số suy biến. Đánh giá độ ảm xấp xỉ của phương pháp biến đổi optics áp dụng cho phương trình nhiệt.

Số hồ sơ lưu: 17293

10102. Toán học ứng dụng

76274. 04-2021 **Nghiên cứu các tính chất định tính của nghiệm bài toán cân bằng và các vấn đề liên quan/** PGS. TS. Lâm Quốc Anh, TS. Trần Quốc Duy; TS. Trần Ngọc Tâm; ThS. Đặng Thị Mỹ Vân; TS. Nguyễn Văn Hưng; ThS. Phạm Thanh Dực; ThS. Võ Minh Tâm - Cần Thơ - Trường Đại Học Cần Thơ, 2020 - 12/2017 - 12/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Đề tài nghiên cứu tính ổn định của lớp các mô hình có liên quan đến bài toán cân bằng theo các nghĩa khác nhau, bao gồm các dạng nửa liên tục, liên tục theo nghĩa Berge và theo nghĩa Hausdorff, tính liên tục

Hölder/ Lipschitz; sự hội tụ của dãy các tập nghiệm của các bài toán nhiều. Đề xuất và nghiên cứu điều kiện về sự đặt chỉnh cho các bài toán đang xét cũng là mục tiêu nghiên cứu của đề tài. Xây dựng và phát triển nhóm nghiên cứu trẻ trong lĩnh vực tối ưu hoá và ứng dụng, bao gồm các giảng viên toán của các trường đại học, cao đẳng ở khu vực Đồng bằng sông Cửu long. Đào tạo thế hệ kế thừa, giúp cho việc nghiên cứu toán học được diễn ra liên tục, nhiều thế hệ, và góp phần thu hẹp khoảng cách về nghiên cứu khoa học cơ bản của khu vực Đồng bằng sông Cửu long so với các khu vực có hoạt động nghiên cứu khoa học lớn mạnh trong nước. Đóng góp các kết quả mới cho sự phát triển của toán học thuộc các chủ đề liên quan đến nội dung nghiên cứu, góp phần nâng cao uy tín và chỉ số ảnh hưởng của toán học Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 17130

76342. 04-2021 **Nâng cao độ chính xác mô hình số địa hình DEM thông qua làm trơn bằng thuật toán mạng nơron Hopfield và Địa thống kê/** PGS. TS. Nguyễn Quang Minh, TS. Lã Phú Hiến; ThS. Phạm Thanh Thạo; ThS. Nguyễn Thị Thu Hương - Hà Nội - Trường Đại học Mỏ - Địa chất, 2019 - 04/2015 - 03/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu cấu trúc mạng nơ ron Hopfield và kiến thức địa thống kê nhằm nâng cao độ chính xác mô hình số độ cao DEM: tập trung nghiên cứu cấu trúc mạng nơ ron Hopfield, các hàm mục tiêu, hàm

điều kiện và hàm năng lượng và quá trình tối ưu hóa mạng nơ ron sử dụng hàm năng lượng. Nghiên cứu các thuật toán địa thống kê, variogram và tính chất của variogram, tính chất của hàm variogram có giá trị bằng 0 và tác động của hàm variogram có giá trị bằng 0 trong làm trơn các bề mặt địa lý. Nghiên cứu về mô hình số độ cao DEM, các phương pháp thành lập mô hình số độ cao DEM dạng grip, và đặc điểm của DEM được thành lập theo từng phương pháp. Nghiên cứu tổng quan về các phương pháp làm trơn bề mặt địa hình DEM khác nhau đang sử dụng hiện nay. Thiết kế cấu trúc mạng nơ ron Hopfield sử dụng hàm variogram 0 để nâng cao chính xác mô hình số DEM dạng grid. Nghiên cứu tích hợp hàm variogram 0 làm hàm mục tiêu cho mạng nơ ron Hopfield, xây dựng hàm điều kiện cho thuật toán mạng nơ ron Hopfield sử dụng làm trơn và nâng cao độ chính xác mô hình DEM. Lập chương trình phần mềm cho thuật toán mạng nơ ron Hopfield với hàm mục tiêu lập theo hàm variogram 0.

Số hồ sơ lưu: 17212

76361. 04-2021 **Phát triển phương pháp biến đổi Fourier và giải tích trong tính toán tính chất đặc trưng của vật liệu không đồng nhất tuần hoàn hoặc ngẫu nhiên/** TS. Tô Viết Thành, TS.Tô Quý Đông; TS.Lê Bá Anh; TS.Trần Ích Tách - Hà Nội - Học viện Kỹ thuật Quân sự, 2019 - 04/2017 - 04/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu các vấn đề lý thuyết theo mô hình đa cấp độ của vật liệu không đồng nhất cũng như các phương pháp tính toán hướng đến phục vụ thiết kế vật liệu chất lượng cao, tối ưu hóa tính toán mô phỏng với các mô hình cấu trúc vật liệu khác nhau. Phát triển bộ code tính toán trên cơ sở phương pháp biến đổi nhanh Fourier (FFT) để nghiên cứu xác định các tính chất đặc trưng của vật liệu không đồng nhất tuần hoàn hoặc ngẫu nhiên. Bộ code tính toán được viết trên phần mềm Matlab, so sánh với kết quả của phương pháp phần tử hữu hạn (FEM).

Số hồ sơ lưu: 17240

77005. 04-2021 **Ứng dụng của tích phân môivic vào lý thuyết các bất biến Donaldson-Thomas môivic/** TS. Lê Quý Thường, TS. Nguyễn Phú Hoàng Lâm; CN. Nguyễn Thị Bích Ngọc - Hà Nội - Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, 2018 - 01/2016 - 01/2018. (Đề tài cấp Bộ)

Chứng minh giả thiết đồng nhất tích phân trong trường hợp tổng quát, việc giả thiết đồng nhất tích phân được chứng minh trong trường hợp càng tổng quát thì nền tảng lý thuyết bất biến Donaldson-Thomas môivic càng vững chắc. Tập chung mô tả đa thức Alexander của các đường cong phẳng xạ ảnh phức bằng các công cụ Đại số giao hoán và Hình học đại số. Đề xuất một số phương pháp mới nghiên cứu đa thức Alexander của đường cong sử dụng lược đồ Hilbert.

Số hồ sơ lưu: 17397

10103. Thống kê

76356. 04-2021 Nghiên cứu xây dựng bộ công cụ thu thập thông tin phục vụ tự đánh giá chất lượng thống kê nhà nước/ ThS. Hoàng Thu Hiền, ThS. Phạm Hùng Sơn; TS. Hoàng Thị Thanh Hà; CN. Đậu Thị Quỳnh Trang; ThS. Nguyễn Chí Hùng; CN. Lê Thị Thu Nga; CN. Ngô Thị Thu Sang; CN. Nguyễn Thị Kim Oanh - Hà Nội - Viện Khoa học Thống kê, 2019 - 07/2018 - 11/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Cơ quan Tổng cục (Cơ quan Thống kê Trung ương) tiến hành đánh giá chất lượng thống kê đối với toàn bộ các hoạt động thống kê do các đơn vị thuộc cơ quan Tổng cục. Các cơ quan thống kê thuộc đối tượng tự đánh giá cần chuẩn bị trước việc tư liệu hóa một cách hệ thống các hoạt động thống kê do đơn vị thực hiện; rà soát các quy định, thủ tục, quy trình, chính sách ... Đề xuất với tổng cục thống kê cần triển khai sớm việc xây dựng đơn vị quản lý chất lượng thống kê, có chức năng, nhiệm vụ cụ thể; xây dựng kế hoạch đào tạo nhân lực về chất lượng thống kê, đánh giá chất lượng thống kê; đưa việc quản lý chất lượng thống kê là nhiệm vụ hàng đầu của các cơ quan thống kê, có tổ chức sơ kết, tổng kết và thi đua trong thực thi nhiệm vụ; tổ chức tuyên truyền đến công chức, viên chức toàn ngành về chất lượng thống kê, xây dựng chuẩn mực đạo đức của người làm công tác thống kê, xây dựng văn hóa chất lượng thống kê...

Số hồ sơ lưu: 17229

76447. 04-2021 Sự hội tụ và tốc độ hội tụ của tổng các biến ngẫu nhiên/ PGS. TS. Lê Văn Thành, TS. Võ Thị Hồng Vân; ThS. Nguyễn Ngọc Huy; ThS. Vũ Thị Ngọc Ánh; ThS. Nguyễn Thị Thủy; ThS. Nguyễn Trần Thuận - Nghệ An - Trường Đại học Vinh, 2019 - 08/2016 - 02/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tìm được tốc độ tối ưu trong định lý giới hạn trung tâm đối với character ratios. Đồng thời, thiết lập được bất đẳng thức Berry - Esseen dạng không đều và độ lệch vừa dạng Cramer. Thiết lập được sự hội tụ và nghiên cứu được tốc độ hội tụ đối với tổng có trọng số các biến ngẫu nhiên dưới các điều kiện phụ thuộc khác nhau, vận dụng được vào các bài toán ứng dụng trong thống kê toán học.

Số hồ sơ lưu: 17264

76577. 04-2021 Xây dựng mô hình ra quyết định đa tiêu chuẩn mờ tích hợp mới: ứng dụng trong đánh giá năng lực giảng viên tại Đại học Quốc gia Hà Nội/ TS. Lưu Quốc Đạt, TS. Trương Thị Thùy Dương; PGS. TS. Vũ Đức Thanh; PGS. TS. Nguyễn Anh Thu; TS. Cảnh Chí Dũng; ThS. Nguyễn Xuân Thảo; ThS. Nguyễn Thị Phan Thu - Hà Nội - Trường Đại học Kinh tế, 2019 - 04/2017 - 04/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu về lý thuyết tập mờ và các mô hình ra quyết định đa tiêu chuẩn: Tổng quan về lý thuyết tập mờ, số mờ; tổng quan các mô hình ra

quyết định đa tiêu chuẩn mờ; phân tích và đánh giá các mô hình ra quyết định đa tiêu chuẩn mờ. Xây dựng các mô hình ra quyết định đa tiêu chuẩn tích hợp mờ mới, cụ thể: Xây dựng mô hình quyết định đa tiêu chuẩn tích hợp mờ (kết hợp phương pháp điểm lý tưởng - TOPSIS và phương pháp phân tích thứ bậc - AHP) để đánh giá năng lực giảng viên tại Đại học Quốc gia Hà Nội; xây dựng phương pháp TOPSIS sử dụng tập “Neutrosophic” khoảng và phức, kết hợp biến ngôn ngữ để đánh giá năng lực giảng viên tại Đại học Quốc gia Hà Nội; xây dựng mô hình ra quyết định đa tiêu chuẩn tích hợp QFD và TOPSIS; Ứng dụng các mô hình đề xuất để đánh giá năng lực giảng viên tại Đại học Quốc gia Hà Nội; Ứng dụng các mô hình đề xuất để giải quyết các vấn đề khác trong kinh tế và quản trị.

Số hồ sơ lưu: 17298

102. Khoa học máy tính và thông tin

10201. Khoa học máy tính

74182. 04-2021 **Một số phương pháp phân cụm dữ liệu sử dụng tập mờ loại hai và ứng dụng/** PGS. TS. Ngô Thành Long, GS. TSKH. Phạm Thế Long; TS. Nguyễn Đình Dũng; TS. Phạm Văn Nhã; ThS. Đặng Trọng Hợp; ThS. Trương Quốc Hùng; ThS. Mai Đình Sinh - Hà Nội - Học viện Kỹ thuật Quân sự, 2019 - 04/2017 - 04/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Phát triển một số thuật toán phân cụm dữ liệu sử dụng tập mờ hay tập mờ loại hai – khoảng (giá trị

khoảng), kết hợp với một số kỹ thuật tính toán mềm. Một số thuật toán phân cụm được tiếp cận gồm phân cụm mờ hợp tác, đồng-phân cụm mờ và phân cụm mờ tính toán hạt, phân cụm mờ bán giám sát. Ứng dụng một số thuật toán phân cụm mờ đề Mã số hồ sơ Ngày nhận báo cáo (Do Cơ quan điều hành Quỹ ghi) 3 xuất vào phân tích và xử lý ảnh vệ tinh, phân loại ảnh đa phổ hay siêu phổ... Bên cạnh đó, đề tài hỗ trợ hình thành nhóm nghiên cứu tiên tiến trong nước liên quan đến logic mờ loại hai.

Số hồ sơ lưu: 16348

10202. Khoa học thông tin

74183. 04-2021 **Nghiên cứu xây dựng kho dữ liệu dùng chung cho các dịch vụ công trực tuyến của Bộ Công Thương/** CN. Đỗ Thị Thủy, ThS. Đinh Tuấn Anh; CN. Hoàng Ninh; CN. Nguyễn Anh Vũ; CN. Nguyễn Thị Thùy Giang; CN. Nguyễn Phương Ly; CN. Nguyễn Diệu Hương; CN. Trần Bích Ngọc; CN. Vũ Quỳnh Trang - Hà Nội - Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số, Bộ Công Thương, 2019 - 01/2018 - 12/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu tổng hợp tài liệu, kinh nghiệm triển khai áp dụng mô hình kho dữ liệu của các nước trên thế giới và nhu cầu, khả năng áp dụng thực tế; Phân tích, đánh giá thực trạng triển khai kho dữ liệu dùng chung tại Việt Nam hiện nay; Đề xuất mô hình kho dữ liệu dùng chung cho các dịch vụ công trực tuyến của Bộ Công Thương. Nghiên

cứu phân tích các kinh nghiệm triển khai thành công mô hình kho dữ liệu dùng chung của các nước trên thế giới; Khảo sát, phân tích thực trạng dịch vụ công trực tuyến tại Bộ Công Thương. Đánh giá khả năng kết nối các cơ sở dữ liệu dịch vụ công trực tuyến khác nhau thành khối dữ liệu thống nhất; Đề xuất mô hình kho dữ liệu dùng chung cho các dịch vụ công trực tuyến của Bộ Công Thương qua đó cung cấp dữ liệu tổng quan để lãnh đạo Bộ Công Thương đưa ra quyết định, chính sách phát triển phù hợp.

Số hồ sơ lưu: 16354

74199. 04-2021 **Nghiên cứu xây dựng Bộ chỉ số an toàn thông tin cho các hệ thống công nghệ thông tin của Bộ Giao thông vận tải/** ThS. Phùng Văn Trọng, TS. Hồ Đức Thắng; ThS. Lê Thùy Dung; TS. Phùng Văn Ôn; ThS. Đặng Chiến Công; ThS. Hoàng Mạnh Cường; ThS. Lê Đức Toàn; ThS. Phùng Văn Thọ; KS. Ngọc Anh Trung; KS. Phạm Công Chính; CN. Nguyễn Thị Kiều Giang - Hà Nội - Trung tâm Công nghệ thông tin, 2019 - 01/2018 - 12/2018. (Đề tài cấp Bộ)

Định nghĩa các cấu phần quan trọng và các rủi ro cần phải nhận diện của một mô hình an toàn thông tin (ATTT) tổng thể; Định lượng hóa các tiêu chí giúp cho việc quản lý ATTT một cách khoa học hơn, tránh tình trạng cảm tính, chủ quan, không có định hướng; Giúp đánh giá chính xác, khách quan, dễ hiểu về hiện trạng công tác ATTT, hiệu quả đầu tư về ATTT; cung cấp bức tranh

toàn cảnh về tình hình bảo đảm ATTT trong toàn Bộ Giao thông vận tải (GTVT); định hướng và hỗ trợ việc đầu tư có trọng điểm; Cung cấp một công cụ hữu ích, tương thích với các tiêu chuẩn quốc tế về ATTT và phù hợp với điều kiện đặc thù và định hướng phát triển của ngành GTVT; Nâng cao nhận thức, trách nhiệm về bảo đảm ATTT cho đội ngũ cán bộ, công chức viên chức và người lao động trong ngành GTVT.

Số hồ sơ lưu: 16351

76223. 04-2021 **Nghiên cứu, phát triển hệ thống phân tích vết truy cập dịch vụ cho phép phát hiện, cảnh báo hành vi bất thường và nguy cơ mất an toàn thông tin trong Chính phủ điện tử/** TS. Hoàng Xuân Dâu, TS. Nguyễn Ngọc Diệp; TS. Phạm Hoàng Duy; ThS. Nguyễn Mạnh Sơn; TS. Ngô Quốc Dũng; TS. Đỗ Xuân Chợt; ThS. Nguyễn Thị Thanh Thủy; ThS. Trần Mạnh Thắng; ThS. Nguyễn Ngọc Quân; PGS. TSKH. Hoàng Đăng Hải - Hà Nội - Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông, 2019 - 10/2017 - 09/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng, phát triển hệ thống thu thập và phân tích nhật ký vết truy cập dịch vụ hỗ trợ phát hiện, cảnh báo hành vi bất thường và nguy cơ mất an toàn thông tin và triển khai thử nghiệm tại cơ quan cấp Tỉnh/Thành phố/Bộ dựa trên các giải pháp đã đề xuất. Giải pháp thu thập vết truy cập các máy chủ trong hệ thống mạng Chính phủ điện tử (CPĐT) tại các cơ quan cấp Tỉnh/Thành phố/Bộ; Giải pháp phân tích vết truy cập với quy mô lớn

nhằm trích xuất các thông tin có giá trị hỗ trợ phát hiện, cảnh báo hành vi bất thường và đảm bảo an toàn thông tin cho hệ thống mạng Chính phủ điện tử tại cơ quan cấp Tỉnh/Thành phố/Bộ.

Số hồ sơ lưu: 17123

76272. 04-2021 Nghiên cứu xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thiết bị ra đa hoạt động trong dải tần 76-77 GHz dùng cho phương tiện vận tải trên mặt đất/ ThS. Bùi Ngọc Dũng, ThS. Ứng Văn Nguyên; KS. Phạm Thanh Bình; KS. Lê Hồng Thái; ThS. Ngô Đức Tiến - Hà Nội - Cục Viễn thông, 2019 - 04/2019 - 11/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Áp dụng quy chuẩn kỹ thuật về thiết bị ra đa hoạt động trong dải tần 76-77 GHz dùng cho phương tiện vận tải trên mặt đất được sử dụng trong công tác quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa đối với các thiết bị ra đa có khối thu phát tích hợp hoặc khối thu/phát riêng biệt hoạt động trong dải tần số 76 GHz – 77 GHz dùng cho phương tiện vận tải trên mặt đất như xe chở khách, xe buýt, xe tải, phương tiện đường sắt, xe điện, tàu, phương tiện xây dựng và máy bay khi chờ bay.

Số hồ sơ lưu: 17146

103. Vật lý

10302. Vật lý các chất cô đặc

76269. 04-2021 Nghiên cứu ảnh hưởng của tham số cấu trúc lên đặc tính và hiệu năng làm việc của linh kiện quang tử cấu trúc mirco và nano/ PGS. TS. Ngô Quang Minh, ThS. Hoàng Thu

Trang; ThS. Nguyễn Văn Ân; ThS. Phạm Văn Đại; ThS. Mẫn Hoài Nam - Hà Nội - Viện Khoa Học Vật Liệu, 2020 - 12/2017 - 12/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu tính chất quang (tuyến tính và phi tuyến) của một số vật liệu (kim loại, điện môi, bán dẫn) dùng để chế tạo linh kiện quang tử cấu trúc micro và nano. Nghiên cứu lý thuyết hiệu ứng cộng hưởng plasmon (dẫn truyền và định xứ) tại bề mặt cấu trúc nano plasmonic. Nghiên cứu nguyên lý hoạt động của một số linh kiện quang tử cấu trúc micro và nano trong xử lý thông tin, cảm biến, chuyển đổi năng lượng quang-điện (pin mặt trời) sử dụng cấu trúc tinh thể quang tử 1D và 2D. Ưu, nhược điểm của việc ứng dụng hiệu ứng cộng hưởng plasmon để nâng cao hiệu suất làm việc của linh kiện quang tử cấu trúc micro và nano. Tính toán và mô phỏng để nghiên cứu ảnh hưởng của các tham số cấu trúc lên đặc tính và hiệu năng làm việc của linh kiện quang tử xử lý thông tin, cảm biến, chuyển đổi năng lượng quang-điện, sử dụng cấu trúc tinh thể quang tử 1D và 2D và hiệu ứng cộng hưởng plasmon bề mặt. Tính toán và mô phỏng một số ứng dụng của hiệu ứng cộng hưởng plasmon bề mặt trong các linh kiện quang tử phản ứng, pin mặt trời và xử lý thông tin. Chế tạo thử nghiệm một số cấu trúc linh kiện quang tử dựa trên các kết quả tính toán và mô phỏng. Đo đạc và đánh giá các tham số, đặc tính và hiệu năng làm việc của linh kiện và so sánh với tính toán và mô phỏng

Số hồ sơ lưu: 17127

76271. 04-2021 **Các tính chất vận chuyển của hệ hai chiều, graphene và kích thích tập thể trong cấu trúc lớp đôi/** PGS. TS. Nguyễn Quốc Khánh, ThS. Võ Văn Tài; ThS. Nguyễn Văn Mện; ThS. Đặng Khánh Linh - Hồ Chí Minh - Trường Đại học Khoa học Tự nhiên Tp. Hồ Chí Minh, 2019 - 12/2017 - 12/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến các tính chất vận chuyển, nhưng bị bỏ qua trong một số công trình trước đây như hiệu ứng chắn phụ thuộc nhiệt độ, tương quan, độ cao rào thế, tán xạ phonon quang không đàn tính ... và đánh giá đóng góp của từng cơ chế tán xạ để tìm ra cơ chế tán xạ chủ yếu trong các hệ hai chiều và graphene. Tính các tính chất nhiệt điện của một số cấu trúc chưa được nghiên cứu về mặt lý thuyết. Nghiên cứu kích thích plasmon trong các cấu trúc lớp đôi 2DEG-MLG, MLG-BLG, BLG-BLG và 2DEG-BLG ở nhiệt độ bất kỳ có xét đến sự khác biệt của hằng số điện môi của các lớp tiếp xúc.

Số hồ sơ lưu: 17129

76277. 04-2021 **Nghiên cứu cảm biến áp lực công suất thấp dựa trên transistor màng mỏng hữu cơ thường mở và vật liệu polyme nhạy áp ứng dụng cho mạng kết nối vạn vật/** TS. Đào Thanh Toàn, TS. Phạm Thanh Huyền; ThS. Nguyễn Thúy Bình; ThS. Hồ Thành Trung; TS. Đặng Đình Long; TS. Nguyễn Đức Toàn; PGS. TS. Nguyễn Thanh Hải; ThS.

Khổng Đức Chiến - Hà Nội - Trường Đại học Giao thông vận tải, 2020 - 03/2018 - 03/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Chế tạo OTFT thường mở (hoạt động tại $V_G = 0$ V). Xây dựng cảm biến áp lực thụ động sử dụng vật liệu polyme nhạy áp. Phát triển thành công cảm biến tích cực công suất thấp sử dụng OTFT thường mở và cảm biến thụ động; làm rõ vai trò của OTFT đến hiệu năng của cảm biến. Để giới thiệu ứng dụng, nhóm nghiên cứu sẽ xây dựng thử nút IoT cơ bản để thu thập dữ liệu từ cảm biến áp lực. Ngoài cảm biến tự phát triển, còn xây dựng mạch thu thập dữ liệu và truyền dẫn dựa trên các chip tiên tiến và công suất thấp đang dùng trong IoT. Thực hiện mục tiêu này sẽ giúp cho kết quả của đề tài thuận lợi hơn trong các công bố ở tạp chí uy tín, vì bên cạnh học thuật, tính ứng dụng cũng được thể hiện.

Số hồ sơ lưu: 17128

76287. 04-2021 **Tổng hợp và nghiên cứu hiệu ứng đồng vận khả năng kích kháng bệnh trên cây trồng của vật liệu lai sử dụng oligochitosan/** TS. Bùi Duy Du, ThS. Lê Nghiêm Anh Tuấn; TS. Lại Thị Kim Dung; TS. Võ Nguyễn Đăng Khoa; PGS. TS. Nguyễn Quốc Hiến; PGS. TS. Nguyễn Tiên Thắng; CN. Lê Đoàn Thanh Hà; ThS. Đoàn Ngọc Giang; CN. Phạm Thị Hồng - TP. Hồ Chí Minh - Viện Khoa học Vật liệu ứng dụng, 2019 - 05/2016 - 05/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Điều chế oligochitosan có các khối lượng phân tử khác nhau bằng

phương pháp hoá học kết hợp với bức xạ gamma và đánh giá các thông số đặc trưng của oligochitosan. Khảo sát hiệu ứng tăng trưởng của oligochitosan trên cây đậu tương, cây ớt và hiệu ứng kích kháng bệnh héo rũ trên cây đậu tương do nấm *Fusarium* sp. gây ra, bệnh đốm nâu trên cây thanh long do nấm *Neoscytalidium dimidiatum* gây ra. Tổng hợp vật liệu OCTS-Cu²⁺ và khảo sát hiệu ứng kháng bệnh đốm nâu thanh long. Tổng hợp vật liệu OCTS-Zn²⁺ và khảo sát hiệu ứng kháng nấm *C. truncatum* gây bệnh thán thư trên cây đậu tương. Tổng hợp và nghiên cứu tính chất của vật liệu OCTS-nanosilica, khảo sát hiệu ứng kích kháng phòng trừ bệnh héo rũ trên cây đậu tương do nấm *Fusarium* sp., bệnh thán thư trên cây ớt do nấm *Collectotrichum* sp., bệnh đốm nâu thanh long do nấm *Neoscytalidium dimidiatum* gây ra, bệnh bạc lá lúa do nấm *Pyricularia oryzae* gây ra.

Số hồ sơ lưu: 17143

10303. Vật lý hạt và trường

76253. 04-2021 **Nghiên cứu ảnh hưởng của kim loại chuyển tiếp dãy 3d và kích thước cluster đến cấu trúc hình học, độ bền và thuộc tính electron của cluster gecmani pha tạp bằng phương pháp hóa học lượng tử/ PGS. TS. Vũ Thị Ngân, PGS. TS. Nguyễn Tiến Trung; TS. Nguyễn Minh Tâm; ThS. Nguyễn Đức Minh; ThS. Nguyễn Ngọc Trí; ThS. Phạm Tấn Hùng - Bình Định - Trường Đại học Quy Nhơn, 2020 - 08/2016 - 08/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)**

Tìm ra quy luật ảnh hưởng của kích thước cluster đến cấu trúc độ bền và thuộc tính electron của cluster Ge pha tạp kim loại chuyển tiếp dãy 3d. Tìm ra quy luật ảnh hưởng của nguyên tử pha tạp dãy 3d đến cấu trúc, độ bền và thuộc tính electron của cluster Ge.

Số hồ sơ lưu: 17106

10304. Vật lý hạt nhân

76367. 04-2021 **Nghiên cứu phương pháp chụp cắt lớp điện toán thể hệ thứ tư khảo sát tháp công nghiệp có kích thước <2m/ ThS. Trần Thanh Minh, ThS. Đặng Nguyễn Thế Duy; KS. Nguyễn Văn Chuẩn; KS. Bùi Trọng Duy; CN. Lại Việt Hải; CN. Vương Đức Phụng; CN. Đặng Quốc Triệu; CN. Lê Văn Lộc; CN. Nguyễn Thanh Châu; CN. Nguyễn Ngọc Nhật Anh - Lâm Đồng - Trung tâm Ứng dụng kỹ thuật hạt nhân trong công nghiệp, 2019 - 01/2017 - 06/2019. (Đề tài cấp Bộ)**

Tháp xử lý là thiết bị có vai trò quan trọng trong dây chuyền sản xuất tại nhà máy lọc hóa dầu, chế biến khí làm nhiệm vụ chưng cất, chuyển hóa thành phần dầu nặng sang các hợp chất nhẹ hơn phục vụ nhu cầu cuộc sống. Trong quá trình hoạt động các thiết bị này có thể hỏng hóc làm giảm hiệu suất hoặc gây mất an toàn. Để đánh giá tình trạng bên trong, nhằm đánh giá các hư hỏng, Trung tâm Ứng dụng kỹ thuật hạt nhân trong công nghiệp đã nghiên cứu, chế tạo thiết bị chụp cắt lớp điện toán CT thể hệ thứ 4 phục vụ khảo sát các tháp có đường kính lên đến 2 mét. Thiết bị có tên gọi g-

OCTOPUS đường kính 2,2 mét sử dụng một nguồn phóng xạ Co-60 hoạt độ 100 mCi và 8 đầu dò NaI kích thước 2 inch. Nguồn phóng xạ được chứa trong chuẩn trực chì với độ cao cửa sổ 1 cm, góc mở 90 độ cho phép tia bức xạ bao phủ toàn bộ 8 đầu dò NaI. Bên cạnh cấu hình phần cứng, đề tài nghiên cứu phát triển phần mềm dựng ảnh CT trên các thuật toán Chiếu ngược có lọc, thuật toán lập đại số và Thuật toán tối đa hóa kỳ vọng. Đề đánh giá đặc trưng của thiết bị, đề tài đã tiến hành khảo sát các mẫu mô tả cho các đối tượng: lớp cách nhiệt bên trong hệ thống tái sinh xúc tác, lớp đệm và hệ thống khử sương bên trong tháp chưng cất. Kết quả thí nghiệm cho thấy hệ thiết bị g-OCTOPUS có thể phát hiện các khuyết tật có kích thước $\geq 5\text{cm}$ đối với lớp cách nhiệt bên trong tháp xử lý và trên các tầng khử sương.

Số hồ sơ lưu: 17126

10305. Vật lý plasma và chất lỏng

76249. 04-2021 Nghiên cứu thăng giáng lượng tử trong các bộ nối phi tuyến kiểu Kerr khi trường điện từ ngoài được mô hình hóa bởi các quá trình ngẫu nhiên/ TS. Đoàn Quốc Khoa, PGS. TS. Chu Văn Lanh; GS. TSKH. Cao Long Vân; TS. Nguyễn Thị Dung; TS. Nguyễn Văn Hóa - Quảng Trị - Trường cao đẳng sư phạm Quảng Trị, 2019 - 12/2017 - 12/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu sự ảnh hưởng của độ rộng laser trường ngoài đối với các thăng giáng lượng tử trong các

bộ nối phi tuyến kiểu Kerr gồm hai dao động từ điều hòa phi tuyến tương tác tuyến tính được bơm một mode. Sự ảnh hưởng của độ rộng laser trường ngoài đối với các thăng giáng lượng tử trong các bộ nối phi tuyến kiểu Kerr gồm hai dao động từ điều hòa phi tuyến tương tác tuyến tính được bơm 2 mode. Sự ảnh hưởng của độ rộng laser trường ngoài đối với các thăng giáng lượng tử trong các bộ nối phi tuyến kiểu Kerr gồm hai dao động từ điều hòa phi tuyến tương tác phi tuyến được bơm 1 mode. Nghiên cứu các thăng giáng lượng tử trong các bộ nối phi tuyến kiểu Kerr gồm hai dao động từ điều hòa phi tuyến tương tác phi tuyến được bơm hai mode chịu ảnh hưởng của laser trường ngoài đơn sắc hoặc có độ rộng.

Số hồ sơ lưu: 17102

76280. 04-2021 Nghiên cứu xác định các điều kiện ảnh hưởng đến việc phân tích đồng thời nitrat và photphat trong nước bằng phương pháp điện di mao quản sử dụng detector độ dẫn không tiếp xúc (CE- C4D) và ứng dụng trong quan trắc chất lượng môi trường nước tại một số khu vực Hà Nội/ TS. Nguyễn Thị Hoa Mai, ThS. Nguyễn Nho Lân; ThS. Nguyễn Thị Hằng - Hà Nội - Viện công nghệ xạ hiếm, 2019 - 01/2018 - 06/2019. (Đề tài cấp Cơ sở)

Tối ưu hóa được các điều kiện hóa học nhằm phân tích đồng thời Nitrat và Photphat trong nước bằng phương pháp điện di mao quản sử dụng detector độ dẫn không tiếp xúc (CE-C 4D). Tối ưu hóa được các

thông số về thiết bị điện di mao quản sử dụng detector độ dẫn không tiếp xúc (CE-C 4D) nhằm phân tích đồng thời Nitrat và Photphat trong môi trường nước. Kết quả dự kiến đạt được trong nghiên cứu này sẽ là tiền đề cho nghiên cứu phát triển thiết bị điện di mao quản xách tay, hiện trường ứng dụng phân tích nhanh quan trắc chất lượng môi trường nước.

Số hồ sơ lưu: 17152

76365. 04-2021 Nghiên cứu chế tạo vật liệu tổ hợp trên cơ sở graphene với một số oxit kim loại để ứng dụng làm vật liệu xúc tác hấp phụ cho quá trình xử lý các kim loại nặng và các chất hữu cơ độc hại trong môi trường nước/ PGS. TS. Nguyễn Văn Nội, TS. Trần Đình Trinh; TS. Nguyễn Minh Phương; PGS. TS. Nguyễn Thanh Bình; TS. Nguyễn Mạnh Tường; TS. Nguyễn Thị Hòa; TS. Nguyễn Hữu Vân; ThS. Hoàng Thu Trang; CN. Bô Hoàng Thị Chi - Hà Nội - Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, 2020 - 01/2016 - 12/2017. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng hợp thành công vật liệu GO (graphen oxide) đi từ tiền chất graphit ban đầu. Vật liệu GO có bề mặt xốp, xuất hiện các lớp rõ ràng, diện tích bề mặt riêng tương đối lớn (khoảng 80 m²/g). Sau đó, vật liệu GO được sử dụng để tổng hợp vật liệu GO/MO_x (M=Fe, Mn, Ti, Zn) composit. Vật liệu GO/MO_x (M=Fe, Mn) có diện tích bề mặt riêng lớn, có khả năng hấp thụ tốt các kim loại nặng trong môi trường nước. Dung lượng hấp phụ cực đại Pb²⁺ và Cu²⁺ của các vật liệu được sắp xếp

như sau: $q_{\max}(\text{GO}/\text{MnO}_2) > q_{\max}(\text{GO}) > q_{\max}(\text{MnO}_2)$. Trong đó dung lượng hấp phụ cực đại của GO/MnO₂ đối với Pb²⁺ là 333,33 mg/g, gấp 4,1 lần dung lượng hấp phụ Pb²⁺ của GO và 5,4 lần dung lượng hấp phụ Pb²⁺ của MnO₂. Dung lượng hấp phụ cực đại của GO/MnO₂ đối với Cu²⁺ là 99 mg/g, gấp 1,6 lần dung lượng hấp phụ Cu²⁺ của GO và 2,6 lần dung lượng hấp phụ Cu²⁺ của MnO₂. Dung lượng hấp phụ arsen cực đại của GO/Fe₃O₄ là 85,5 mg/g, tăng gấp 3,5 lần so với vật liệu nano oxit sắt từ và gấp 24 lần so với vật liệu nano GO. Khả năng hấp phụ kim loại nặng của vật liệu phụ thuộc vào pH. Giá trị pH tối ưu cho quá trình hấp phụ các ion kim loại nặng nằm trong khoảng 6 – 7. Vật liệu GO/MO_x (M=Ti, Zn) thể hiện hoạt tính quang xúc tác cao để phân hủy các chất hữu cơ ô nhiễm trong nước gồm: phẩm metyl da cam và phẩm xanh trực tiếp. Nghiên cứu cũng chỉ ra rằng, pH tối ưu cho quá trình quang xúc tác phân hủy phẩm metyl da cam và phẩm xanh trực tiếp lần lượt là 4 và 7. Kết quả nghiên cứu đã mở ra một hướng đi mới trong việc ứng dụng các loại vật liệu hấp thụ, xúc tác tiên tiến để xử lý ô nhiễm môi trường.

Số hồ sơ lưu: 17108

10306. Quang học

76266. 04-2021 Tương quan điện tử và định xứ Anderson trên mạng quang học trật tự và không trật tự/ PGS. TS. Hoàng Anh Tuấn, TS. Lê Đức Ánh; GS. TS. Nguyễn Toàn Thắng; TS. Phạm Thị Thanh

Nga; ThS. Nguyễn Thị Hải Yến; ThS. Trần Thị Thu Trang - Hà Nội - Viện Vật lý, 2020 - 12/2017 - 11/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng giản đồ pha kim loại - điện môi của mô hình Hubbard ionic với tương tác phụ thuộc nút lấp đầy một nửa: Áp dụng gần đúng thế kết hợp CPA cho mô hình Hubbard ionic với tương tác xen kẽ để thu được giản đồ pha như là hàm của tương tác, độ chênh lệch năng lượng giữa 2 loại nút mạng với các giá trị khác nhau của tỉ số tương tác xen kẽ. Nghiên cứu giản đồ pha điện tử ở mô hình Anderson - Hubbard (AHM) lấp đầy một nửa: Thiết lập giản đồ pha điện tử ở mô hình AHM với các phân bố khác nhau của bất trật tự, từ đó nghiên cứu ảnh hưởng của chúng lên các giản đồ pha tìm được. Nghiên cứu chuyển pha Mott ở mô hình Hubbard ionic bất cân bằng khối lượng: Xem xét sự ảnh hưởng của tham số bất cân bằng khối lượng lên tương tác tới hạn của chuyển pha Mott trong mô hình.

Số hồ sơ lưu: 17119

10309. Khoa học vũ trụ

76456. 04-2021 **Tương tác các hạt cơ bản trong lý thuyết trường lượng tử và vũ trụ học/ GS. TSKH. Nguyễn Xuân Hãn, GS.TS. Hà Huy Bằng; PGS.TS. Nguyễn Như Xuân; ThS. Đỗ Thu Hà - Hà Nội - Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, 2020 - 12/2018 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)**

Tương tác cơ bản hay lực cơ bản là các loại lực của tự nhiên mà tất cả mọi lực, khi xét chi tiết, đều

quy về các loại lực này. Tương tác điện từ, tương tác yếu, tương tác mạnh và tương tác hấp dẫn. Ba tương tác đầu đã được thống nhất thành công và nó được gọi là mô hình chuẩn. Việc mở rộng mô hình chuẩn và gộp thêm tương tác hấp dẫn đang là một thách thức của giới học thuật quốc tế, song vấn đề này đang được quan tâm nghiên cứu và phát triển sôi động nhất của vật lý hiện đại. Vấn đề ở đây mô hình chuẩn phải được hoàn thiện để khắc phục và mở rộng ở mức năng lượng cao và lý thuyết hấp dẫn lượng tử nhiều thập kỷ qua xây dựng chưa thành công. Cho nên việc thống nhất bốn loại tương tác kể trên vẫn là mây mù và là một thách thức lớn với cộng đồng khoa học quốc tế.

Số hồ sơ lưu: 17270

76604. 04-2021 **Quá trình hình thành sao lùn nâu và các đặc tính cơ bản của đĩa trẻ xung quanh các sao lùn nâu/ PGS. TS. Phan Bảo Ngọc, ThS. Đặng Đức Cường; ThS. Nguyễn Thành Đạt - TP. Hồ Chí Minh - Trường Đại học Quốc tế, 2020 - 08/2016 - 08/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)**

Tìm kiếm và đặc tính hoá các đặc tính của luồng phụt lưỡng cực khí phân tử ở các sao lùn nâu giai đoạn 0 và I. Tính toán các tham số vật lý của đĩa tiền hành tinh, đĩa tàn dư quanh sao lùn nâu. Đối với luồng phụt, chọn các ứng cử viên tiền sao lùn nâu ở vùng hình thành sao rho Ophiuchi và Taurus. Đối với đĩa tiền hành tinh, nghiên cứu sao lùn nâu ISO-Oph 102, [GKH94] 41. Đối với đĩa tàn dư, nghiên cứu 5 sao lùn nâu

trẻ trong vùng lân cận mặt trời có phát hiện lithium.

Số hồ sơ lưu: 17299

104. Hóa học

10402. Hoá vô cơ và hạt nhân

76491. 04-2021 **Cải thiện tính chất nhạy khí của vật liệu α -Fe₂O₃ và CuO đa hình thái chế tạo bằng phương pháp nhiệt thủy phân/PGS. TS. Đặng Đức Vượng, TS. Đỗ Phúc Hải; TS. Đỗ Đức Thọ; TS. Vũ Xuân Hiền; TS. Lương Hữu Phước; TS. Nguyễn Đắc Diện - Hà Nội - Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội, 2020 - 05/2016 - 05/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)**

Tổng hợp các hình thái khác nhau của vật liệu Fe₂O₃, CuO bằng phương pháp nhiệt thủy phân, hiểu về cấu trúc và tính chất nhạy khí của vật liệu nhằm cải thiện đặc tính của cảm biến khí trên cơ sở vật liệu thu được. Đánh giá tính chất nhạy khí theo hình thái vật liệu; Tổ hợp các loại vật liệu với nhau để cải thiện tính chất nhạy khí; Sử dụng UV để cải thiện tính chất nhạy khí.

Số hồ sơ lưu: 17285

10405. Điện hóa (pin khô, pin, pin nhiên liệu, ăn mòn kim loại, điện phân)

74173. 04-2021 **Nghiên cứu cấu trúc hình học và electron của cluster silic và germani pha tạp các kim loại chuyển tiếp bằng hóa học lượng tử/ TS. Trần Văn Tân, TS. Nguyễn Hữu Thọ; PGS. TS. Trần Quốc Trị; ThS. Trần Thị Xuân Mai; ThS. Trần Thanh Tuấn - Đồng**

Tháp - Trường Đại học Đồng Tháp, 2019 - 04/2017 - 04/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xác định được cấu trúc hình học, cấu trúc electron, và tính chất dao động của các cluster silic và germani pha tạp các kim loại chuyển tiếp như ScSin -/0 (n = 2-6), VSin -/0 (n = 3-6), CrSin -/0 (n = 3-6), TiGen -/0 (n = 2-6), VGen -/0 (n = 3- 6), CoGen -/0 (n = 2-6),... bằng các phương pháp tính hóa lượng tử có độ chính xác cao. Các kết quả kết quả tính sẽ được sử dụng để giải thích độ bền tương đối của các đồng phân và nâng cao hiểu biết về phổ quang electron của cluster anion.

Số hồ sơ lưu: 16344

105. Các khoa học trái đất và môi trường liên quan

10513. Thủy văn; Tài nguyên nước

76338. 04-2021 **Đánh giá ô nhiễm của một số chất gây rối loạn nội tiết trong sông Kim Ngưu, Hà Nội và nghiên cứu giải pháp xử lý giảm thiểu/ GS. TS. Vũ Đức Toàn, PGS.TS. Nguyễn Thị Lan Hương; PGS.TS. Từ Bình Minh; ThS. Tô Xuân Quỳnh; TS. Hà Việt Sơn; ThS. Đỗ Thị Lan Chi; ThS. Đinh Thị Lan Phương - Hà Nội - Trường Đại học Thủy lợi, 2020 - 12/2017 - 12/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)**

Đánh giá mức độ tồn lưu của EDCs trong nước sông và trầm tích sông Kim Ngưu; Nghiên cứu giải pháp xử lý nâng cao đối với nước thải đổ vào sông Kim Ngưu nhằm giảm thiểu ô nhiễm EDCs. Nghiên cứu trình bày các kết quả đánh giá

về các PAE điển hình (6PAE chỉ thị) của họ chất PAE trong các mẫu nước sông Kim Ngưu, Hà Nội. Kết quả cho thấy có sự ô nhiễm PAE ở phạm vi rộng. Nồng độ $\Sigma 6\text{PAE}$ trong mẫu nước nằm trong khoảng từ 2,73 đến 377,02 $\mu\text{g/l}$ vào tháng 4/2018 và từ 2,70 đến 376,92 vào tháng 10/2018. Tại phần lớn các vị trí lấy mẫu, DEHP, DEP và DBP có phần trăm trung bình lớn hơn các PAE còn lại. Mức độ rủi ro môi trường tăng dần từ DBP (rủi ro rất thấp) đến DEP (rủi ro thấp) và DEHP (rủi ro thấp đến trung bình). Do PAE có khả năng tích tụ cao trong các thành phần môi trường, cần tiếp tục có các nghiên cứu tiếp theo về ô nhiễm của nhóm chất trên trong sông Kim Ngưu.

Số hồ sơ lưu: 17202

76454. 04-2021 **Xây dựng mô hình công nghệ xử lý nước nhiễm phen phục vụ sinh hoạt cho các vùng bị tác động của biến đổi khí hậu làm ảnh hưởng đến nguồn nước tại tỉnh Bình Thuận/** TS. Trần Tình, ThS.Giang Sỹ Chung; KS.Huỳnh Tấn Phát; KS.Trần Văn Hòa; CN.Võ Thanh Bình; CN.Trần Phương Nam - Bình Thuận - Trung tâm Thông tin và Ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ Bình Thuận, 2020 - 09/2017 - 08/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật xử lý nước nhiễm phen phục vụ sinh hoạt cho các vùng bị tác động của biến đổi khí hậu góp phần giải quyết vấn đề thiếu nước trong sinh hoạt, nâng cao chất lượng sống của người

dân tại Bình Thuận. Giúp người dân hiểu biết về tác hại của nước bị nhiễm phen và tiếp cận được công nghệ xử lý nước cho sinh hoạt.

Số hồ sơ lưu: 17266

106. Sinh học

10605. Hoá sinh; phương pháp nghiên cứu hoá sinh

74204. 04-2021 **Chuyển hóa sinh khối thành hóa chất “xanh” quan trọng sử dụng xúc tác có hoạt tính cao trên cơ sở zeolit ZSM-5/** TS. Phan Huy Hoàng, PGS. TS. Lê Quang Diễn; TS. Trần Thượng Quảng; TS. Dương Thanh Tùng; TS. Nguyễn Thị Minh Phương; TS. Nguyễn Trung Thành - Hà Nội - Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội, 2019 - 08/2016 - 05/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng hợp các hạt xúc tác mới có hoạt tính cao trên cơ sở zeolit ZSM-5 bằng cách pha tạp các nguyên tố khác ngoài Si, Al (như là Cr, Cr-B, Cr-W) vào cấu trúc mạng tinh thể của ZSM-5 và biến tính ZSM-5 bằng cách gắn thêm nhóm chức axit sulfonic vào mao quản hoặc lên bề mặt hạt zeolit. Sau khi tổng hợp thành công, các hạt xúc tác mới này được ứng dụng làm xúc tác cho một số quá trình chuyển hóa sinh khối để thu nhận các hóa chất “xanh” quan trọng trong công nghiệp như: quá trình thủy phân sinh khối lignoxenluloza, quá trình thủy phân kết hợp khử nước sinh khối lignoxenluloza và phản ứng cắt ngắn mạch nối đôi của chất béo và dầu thực vật. Nó bao gồm các quá trình tổng hợp vật liệu xúc tác và ứng

dụng của chúng trong chuyển hóa sinh khối.

Số hồ sơ lưu: 16361

10609. Di truyền học

76343. 04-2021 **Hệ lai ngẫu nhiên: Dáng điệu tiệm cận, điều khiển và các ứng dụng/** TS. Nguyễn Thanh Diệu, TS. Trần Quân Kỳ; ThS. Nguyễn Hải Đăng; ThS. Trần Thiện Thanh - Nghệ An - Trường Đại học Vinh, 2019 - 12/2017 - 12/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu dáng điệu tiệm cận của hệ lai ngẫu nhiên (có thể có bước nhảy hoặc trễ) cho cả trường hợp bước chuyển phụ thuộc trạng thái và bước chuyển Markov bao gồm tính ổn định, ổn định yếu, tính ergodic, và các tính chất tiệm cận khác. Nghiên cứu hệ với điều khiển hồi tiếp. Cả trường hợp bước chuyển quan sát được và không quan sát được. Bài toán ổn định hóa bằng điều khiển hồi tiếp. Quan tâm nghiên cứu bài toán điều khiển chính quy và điều khiển kỳ dị cho các dạng khai thác. Nghiên cứu hệ lai ngẫu nhiên nảy sinh trong sinh thái học, dịch tễ học, kinh tế vĩ mô, tài chính.v.v.

Số hồ sơ lưu: 17214

10615. Đa dạng sinh học

74233. 04-2021 **Nghiên cứu đa dạng thành phần loài của chi Tiểu đậu khấu Elettariopsis (họ Gừng – Zingiberaceae) ở Việt Nam/** TS. Lưu Hồng Trường, ThS. Nguyễn Trần Quốc Trung; TS. Nguyễn Quốc Bình; ThS. Nguyễn Quốc Đạt; ThS. Trần Hữu Đăng - TP. Hồ Chí Minh -

Viện Sinh thái học miền Nam, 2019 - 04/2017 - 04/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tìm kiếm, thu thập, định loại và mô tả các loài Tiểu đậu khấu (*Elettariopsis* spp.) còn chưa được biết đến ở nước ta; Nghiên cứu đánh giá toàn bộ các loài của chi Tiểu đậu khấu ở Việt Nam, tạo cơ sở khoa học tin cậy cho công tác nghiên cứu bảo tồn và triển khai về sau, Xem xét vị trí phân loại của chi Tiểu đậu khấu trong mối quan hệ với chi gần gũi Sa nhân (*Amomum*) và các chi khác thuộc họ Gừng (*Zingiberaceae*).

Số hồ sơ lưu: 16370

2. Khoa học kỹ thuật và công nghệ

201. Kỹ thuật dân dụng

20102. Kỹ thuật xây dựng

75182. 04-2021 **Nghiên cứu ảnh hưởng của động đất tới ứng xử động lực học của công trình ngầm trong điều kiện Việt Nam/** TS. Trần Thị Thu Hằng, PGS. TS. Nguyễn Xuân Huy; TS. Nguyễn Hữu Hưng; TS. Nguyễn Châu Lâm; TS. Nguyễn Xuân Tùng; PGS. TS. Đào Duy Lâm; ThS. Lê Sơn Trà; ThS. Vũ Quang Trung; KS. Nguyễn Thành Tâm - Hà Nội - Tổng cục Đường bộ Việt Nam, 2019 - 01/2018 - 08/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Thực hiện các nghiên cứu về ứng xử động lực học của công trình ngầm dưới tác dụng của động đất bằng các phương pháp nghiên cứu tương ứng với các mục tiêu: Nghiên cứu tổng quan các tài liệu khoa học đã công bố trên

thể giới và ở Việt Nam; Xây dựng mô hình vật lý thu nhỏ của công trình ngầm trong phòng thí nghiệm; Mô phỏng động đất trong phòng thí nghiệm; Thực nghiệm mô hình vật lý thu nhỏ của công trình ngầm chịu mô phỏng động đất; Thu thập, phân tích, xử lý và đánh giá kết quả ứng xử động lực học của mô hình; Tổng hợp, nhận xét, đánh giá về khả năng an toàn của công trình ngầm phục vụ mục đích giao thông trong điều kiện động đất ở Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 16694

20104. Kỹ thuật giao thông vận tải

76259. 04-2021 **Nghiên cứu kết cấu móng cọc ống thép liên trụ thi công nhanh cho công trình cầu trong đô thị ở Việt Nam/** PGS. TS. Nguyễn Thị Tuyết Trinh, ThS. Trần Minh Long; PGS. TS. Đào Duy Lâm; TS. Nguyễn Thành Trung; TS. Thái Minh Quân; TS. Nguyễn Trọng Đồng; TS. Nguyễn Đăng Hanh; TS. Hoàng Vũ; ThS. Nguyễn Thanh Hoài - Hà Nội - Tổng cục Đường bộ Việt Nam, 2020 - 01/2019 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Thông qua thực nghiệm, đánh giá ứng xử của kết cấu móng cọc liên trụ trong điều kiện tải trọng, địa chất ở Việt Nam. 2010 Đề xuất kết cấu móng liên trụ tối ưu cho các loại nhịp cầu vượt, cầu cạn trong đô thị ở Việt Nam và phương pháp thiết kế phù hợp.

Số hồ sơ lưu: 17132

76265. 04-2021 **Nghiên cứu đề xuất các giải pháp nâng cao năng**

lực các tuyến vận tải thủy ven biển/ ThS. Nguyễn Văn Thanh, ThS. Nguyễn Hữu Thành; ThS. Vũ Hoàng Giang; KS. Vũ Thị Tuyết Lan; KS. Lưu Kim Trường; ThS. Nguyễn Mạnh Hùng; ThS. Lê Thị Trâm; ThS. Bùi Thị Ánh Nguyệt; ThS. Nguyễn Thị Diễm Ngọc; ThS. Lý Huy Trung; ThS. Nguyễn Thị Nga - Hà Nội - Viện Chiến lược và Phát triển Giao thông vận tải, 2020 - 04/2019 - 03/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu đề xuất các giải pháp nâng cao năng lực tuyến vận tải thủy ven biển, gồm các nhóm giải pháp: Nhóm giải pháp quản lý nhà nước, nhóm giải pháp về kết cấu hạ tầng, nhóm giải pháp về phương tiện, nhóm giải pháp về nguồn nhân lực, nhóm giải pháp về khoa học công nghệ và một số giải pháp khác. Trong đó mục tiêu trước mắt là rà soát lại toàn bộ các văn bản pháp lý liên quan tới phương tiện VR-SB nhằm đảm bảo an toàn an ninh cho phương tiện VR-SB khi hoạt động trên biển trong nhóm giải pháp quản lý nhà nước.

Số hồ sơ lưu: 17133

76328. 04-2021 **Nghiên cứu, đánh giá tính bất định của các kết quả đo dao động phục vụ chẩn đoán kết cấu cầu/** ThS. Hoàng Thanh Nam, TS. Nguyễn Cẩm Nhung; PGS.TS. Nguyễn Hữu Hưng; TS. Nguyễn Việt Khoa; TS. Ngô Văn Minh; ThS. Ngô Văn Thúc; ThS. Trương Mạnh Tuấn; ThS. Hồ Việt Long; ThS. Mai Đức Anh; ThS. Cao Thị Mai Lan; ThS. Kiều Như Cường - Hà Nội - Tổng cục

Đường bộ Việt Nam, 2019 - 03/2018 - 08/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Phân tích, đánh giá tính bất định của kết quả đo và nhận dạng dao động phục vụ chẩn đoán, đánh giá chất lượng công trình cầu hệ dây. Nghiên cứu tổng quan về các giải pháp đo dao động phục vụ chẩn đoán, đánh giá chất lượng công trình cầu, bao gồm các phương pháp tham số và phương pháp không tham số. Phân tích đánh giá tính bất định, mức độ chính xác của các giải pháp đo và nhận dạng dao động kết cấu cầu. Đề xuất trình tự thực hiện đo dao động phù hợp với dạng kết cấu nhịp cầu hệ dây.

Số hồ sơ lưu: 17204

76331. 04-2021 **Nghiên cứu ảnh hưởng của khoáng vật Montmorillonite đến cường độ chịu nén nhằm tối ưu hoá trụ đất xi măng trong xử lý nền công trình giao thông đồng bằng sông Cửu Long/** TS. Nguyễn Anh Tuấn, TS. Nguyễn Ngọc Thắng; TS. Nguyễn Trọng Tâm; TS. Đỗ Khánh Hùng; ThS. Bùi Thị Ninh; ThS. Trần Khánh Tuyết; ThS. Vũ Hải Nam - Hồ Chí Minh - Trường Đại học Giao thông vận tải TP. Hồ Chí Minh, 2020 - 01/2019 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Phân tích mối tương quan giữa hàm lượng MMT và cường độ chịu nén của mẫu đất xi măng đối với đất có các độ ẩm và thời gian bảo dưỡng khác nhau. Đánh giá nguyên nhân ảnh hưởng đến khả năng chịu nén của nền đất yếu gia cố trụ đất xi măng để nâng cao hiệu quả gia cố nền đất yếu bằng bằng trụ đất xi

măng phù hợp với các điều kiện cụ thể. Từ đó đề xuất hàm lượng xi măng thích hợp cho các vùng đất có hàm lượng thành phần khoáng vật MMT khác nhau. Tối ưu hóa việc xử lý nền công trình giao thông bằng trụ đất xi măng nhằm giảm chi phí.

Số hồ sơ lưu: 17213

77048. 04-2021 **Nghiên cứu tác động của các hiệp định đa biên về dịch vụ vận tải hàng không (Multilateral Agreements on Air Service -MAAS) giữa các nước trong ASEAN tới thị trường vận tải hàng không và đề xuất các khuyến nghị hoàn thiện chính sách vận tải hàng không của Việt Nam/** TS. Đinh Quang Toàn, TS. Nguyễn Thị Thanh Quý; TS. Nguyễn Mạnh Hùng; ThS. Dương Văn Đoàn; ThS. Lê Thị Ly; ThS. Nguyễn Thị Thái; ThS. Vũ Hoàng Yên; ThS. Bùi Minh Đăng; KS. Đào Ngọc Dũng; ThS. Hoàng Thị Diệu Hương; TS. Trần Ngọc Lý - Hà Nội - Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải, 2020 - 06/2018 - 10/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan về các thỏa thuận và cam kết của Việt Nam khi tham gia thị trường vận tải hàng không thống nhất ASEAN. Lựa chọn các phương pháp đánh giá tác động (định lượng và định tính) thông qua mô hình Cournot và ma trận mục tiêu Objective Matrix, vận dụng để đánh giá tác động đến các hiệp định đa biên về dịch vụ vận tải hàng không tới thị trường vận tải hàng không của một quốc gia trong khu vực và trên thế giới. Phân tích, đánh giá tác động của Hiệp định đa biên về vận tải

hàng không trong ASEAN, áp dụng tại thị trường vận tải hàng không Việt Nam giai đoạn 2011-2018. Đề xuất nhóm giải pháp hoàn thiện chính sách vận tải hàng không Việt Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.

Số hồ sơ lưu: 17281

20105. Kỹ thuật thủy lợi

76205. 04-2021 **Nghiên cứu cơ sở khoa học để đề xuất các giải pháp quy hoạch và chính trị nhằm ổn định các cửa sông Trà Khúc và sông Vệ tỉnh Quảng Ngãi/** PGS. TS. Trương Văn Bôn, TS. Doãn Tiến Hà; ThS. Vũ Văn Ngọc; ThS. Vũ Phương Quỳnh; ThS. Lê Thị Thái; ThS. Vũ Văn Ngọc; ThS. Vũ Phương Quỳnh; ThS. Lê Thị Thái; ThS. Bùi Đức Thái; ThS. Trần Đức Dũng; ThS. Phạm Văn Xuân; TS. Nguyễn Dur Khang; KS. Nguyễn Duy Nguyên; ThS. Bùi Đức Thái; ThS. Trần Đức Dũng; ThS. Phạm Văn Xuân; TS. Nguyễn Dur Khang; KS. Nguyễn Duy Nguyên - Hà Nội - Phòng Thí nghiệm trọng điểm Quốc gia về động lực học sông biển, 2019 - 10/2015 - 04/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu ứng dụng triển khai về quá trình ổn định bồi lấp, xói lở và dịch chuyển luồng lạch vùng cửa sông ven bờ. Nội dung đề tài liên quan đến nhiều lĩnh vực khoa học khác nhau như các khoa học về trái đất, vật lý thủy văn, toán học, công trình ven bờ cửa sông, môi trường và xã hội học được vận dụng vào mục tiêu phát triển kinh tế bền vững cho khu vực.

Số hồ sơ lưu: 17113

76295. 04-2021 **Nghiên cứu định giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và đề xuất chính sách phù hợp với các đối tượng sử dụng/** PGS. TS. Đoàn Thế Lợi, TS. Trương Đức Toàn; PGS. TS. Vũ Thị Minh; KS. Ngô Thị Dung; TS. Hoàng Mạnh Hùng; CN. Trần Thị Quế; KS. Chu Trí Thức; KS. Đỗ Lệnh Cường; KS. Quách Minh Đức; CN. Võ Mỹ Lan - Hà Nội - Viện kinh tế và quản lý thủy lợi, 2019 - 01/2017 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Đề xuất được phương pháp tính toán giá sản phẩm dịch vụ thủy lợi (SPDVTL) cho từng loại hình công trình theo từng vùng trong cả nước. Đưa ra được phương án giá cho từng loại hình công trình phù hợp với từng vùng miền làm cơ sở để Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét trình cơ quan có thẩm quyền ban hành. Đề xuất được chính sách và giải pháp để thực hiện cơ chế giá SPDVTL.

Số hồ sơ lưu: 17154

76296. 04-2021 **Nghiên cứu giải pháp gây bồi, tạo bãi để trồng đai cây ngập mặn chắn sóng bảo vệ bờ biển, đê biển tại các bãi triều ngập sâu các tỉnh từ Tiền Giang đến Cà Mau/** TS. Mai Cao Trí, ThS. Mai Trọng Luân; PGS. TS. Trịnh Văn Hạnh; PGS. TS. Mai Văn Công; ThS. Phạm Văn Tùng; ThS. Lê Ngọc Cương; ThS. Kiều Văn Hồng; KS. Trần Thị Phương Thảo; ThS. Phạm Hồng Tính; KS. Trịnh Ngọc Trung - Hà Nội - Viện Sinh thái và Bảo vệ

Công trình, 2020 - 01/2016 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Giải pháp kỹ thuật tường mềm gây bồi bằng vật liệu địa phương gây bồi nâng cao thêm tối thiểu 30cm so với nền bãi cũ đạt yêu cầu để trồng đai cây ngập mặn ở các tỉnh từ Tiền Giang đến Cà Mau. Có được công nghệ trồng đai cây ngập mặn chắn sóng tại các bãi mới gây bồi ở các tỉnh từ Tiền Giang đến Cà Mau đạt tỷ lệ sống trên 75%.

Số hồ sơ lưu: 17155

76347. 04-2021 **Nghiên cứu cơ chế quá trình phá hủy bờ sông Hồng khu vực Hà Nội do chế độ thủy động lực của sông trong mùa mưa phục vụ việc bảo vệ bờ sông và phát triển bền vững vùng ven sông/** TS. Dương Thị Toan, PGS.TSKH.Vũ Cao Minh; PGS.TS.Đỗ Minh Đức; PGS.TS.Nguyễn Châu Lâm; TS.Phạm Quang Tú; ThS.Đặng Văn Luyến; CN.Nguyễn Thị Mai Phương - Hà Nội - Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, 2020 - 05/2016 - 05/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu cơ chế phá hủy bờ sông do ảnh hưởng của thủy động lực của sông trong mùa mưa và làm rõ vai trò của các yếu tố liên quan như dao động mực nước ngầm, tính chất đất không bão hòa, quá trình xói lở ảnh hưởng tới quá trình xói lở bờ sông. Các mục tiêu cụ thể bao gồm: Phân tích đánh giá quá trình phá hủy bờ sông do ảnh hưởng của chế độ mưa theo các kịch bản khác nhau, do ảnh hưởng của chế độ thủy động lực như đồng thời của

dao động mực nước sông và nước ngầm trong mùa mưa bão, sự thay đổi tính chất đất không bão hòa; Xác lập và dự báo các ngưỡng phá hủy bờ sông: ngưỡng về mưa, tính chất dao động mực nước, tính chất của đất, chênh áp lực; Phân tích và đánh giá quá trình phá hủy bờ sông do tác động của chế độ thủy động lực dòng chảy sông và dòng chảy ngầm gây xói chân bờ và phá hủy bờ sông kiểu hỗn hợp; Xây dựng mối tương quan giữa điều kiện thấm, tính chất đất với qui mô khối lượng đất bị xói ngầm và ảnh hưởng của chúng đến độ ổn định bờ sông.

Số hồ sơ lưu: 17222

76483. 04-2021 **Nghiên cứu công nghệ tưới nước thông minh, tiết kiệm bằng hệ thống cảm biến độ ẩm (Soil Moisture Sensor) cho một số loại cây trồng ở vùng hạn hán Tây Nguyên và Duyên Hải Nam Trung Bộ/** TS. Đinh Thị Nga, PGS.TS.Hồ Thị Thanh Vân; TS.Huỳnh Thị Ngọc Hân; PGS.TS.Lê Anh Tuấn; PGS.TS.Bạch Long Giang; TS.Võ Văn Tuấn Dũng; TS.Nguyễn Trường Sơn; TS.Báo Văn Tuy; ThS.Hồng Minh Hoàng; ThS.Trương Lê Thanh Thảo; Kỹ sư.Phạm Đăng Minh; ThS.Đinh Thu Thủy; ThS.Phạm Quốc Hậu - Hồ Chí Minh - Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Tp.HCM, 2019 - 12/2016 - 12/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Thiết kế được hệ thống cảm biến đo độ ẩm của đất (Soil Moisture Sensor), sử dụng công nghệ mạng cảm biến không dây (Wireless

Sensor Networks) điều khiển từ xa phục vụ cho việc tưới nước đủ và đúng thời điểm cần cung cấp cho cây trồng. Xây dựng qui trình công nghệ tưới nước thông minh dựa trên hệ thống cảm biến độ ẩm đất (Soil Moisture Sensor) và điều khiển từ xa cho cây cà phê ở Đắk Nông, Tây Nguyên quy mô 1000m² và cây nho ở Ninh Hải - Ninh Thuận quy mô 1000m². Triển khai áp dụng thực tế công nghệ tưới nước thông minh - tiết kiệm với quy mô 6000 m² cho mỗi loại cây (Cây nho và cây Cà phê) ở các vùng khô hạn khắc nghiệt Tây Nguyên và Duyên Hải Nam Trung Bộ.

Số hồ sơ lưu: 17283

202. Kỹ thuật điện, kỹ thuật điện tử, kỹ thuật thông tin

20203. Tự động hoá (CAD/CAM, v.v...) và các hệ thống điều khiển, giám sát; công nghệ điều khiển số bằng máy tính (CNC),..

74268. 04-2021 Nghiên cứu xây dựng phần mềm hiển thị thông tin công nghiệp, thương mại các tỉnh/thành phố trên bản đồ Việt Nam/ KS. Nguyễn Văn Đại, KS. Lê Ngọc Hoàng; CN. Trần Cương; CN. Phạm Liên Hương; CN. Đặng Thị Hương; CN. Phạm Ngọc Thanh Huyền; CN. Trần Hoài Nam; KS. Vũ Thị Thúy Hằng; CN. Phạm Thị Hằng; CN. Nguyễn Thị Phương Thảo - Hà Nội - Trung tâm Thông tin Công nghiệp và Thương mại, 2019 - 01/2018 - 12/2018. (Đề tài cấp Bộ)

Cơ sở lý luận, thực tiễn về hiển thị số liệu lên bản đồ và nguyên tắc

tổ chức dữ liệu. Nghiên cứu thiết kế phần mềm, tích hợp lấy, quản lý, hiển thị dữ liệu theo các tiêu chí đầu vào sử dụng trên bản đồ Việt Nam. Xác định và tích hợp dữ liệu số liệu công nghiệp, thương mại các tỉnh/thành phố hiển thị trên bản đồ. Xây dựng phần mềm hiển thị thông tin công nghiệp và thương mại trên bản đồ Việt Nam. Phần mềm của đề tài được kết nối dữ liệu số liệu hiện đang có trong CSDLQG để phục vụ quản lý nhà nước của Bộ Công Thương. Phát triển thành ứng dụng hiển thị thông tin công nghiệp, thương mại của các nước trên thế giới để có điều kiện so sánh với Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 16381

76302. 04-2021 Nghiên cứu áp dụng thí điểm công cụ Người điều phối sản xuất (Mizusumashi) và Bảng kiểm soát sản xuất (Kamishibai) vào doanh nghiệp Việt Nam/ ThS.Nguyễn Thái Thùy Hoa, ThS.Nguyễn Thị Phương Yên; Kỹ sư.Nguyễn Chí Danh; CN.Nguyễn Thị Thu Phương; ThS.Phạm Minh Chi; CN.Nguyễn Minh Khang; CN.Nguyễn Phương Thanh - Hồ Chí Minh - Trung tâm Hỗ trợ Phát triển Doanh nghiệp vừa và nhỏ 2, 2019 - 01/2017 - 06/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nắm bắt và triển khai áp dụng thí điểm các công cụ cải tiến năng suất chất lượng mới, tiên tiến vào doanh nghiệp Việt Nam. Xây dựng được chương trình, giáo trình đào tạo; đào tạo được 120 chuyên gia tư vấn áp dụng Mizusumashi và Kamishibai vào doanh nghiệp. Triển

khai áp dụng thí điểm 02 công cụ Mizusumashi và Kamishibai vào 06 doanh nghiệp Việt Nam (03 doanh nghiệp/công cụ). Tăng cường năng lực cho các chuyên gia tư vấn về các 02 công cụ này. Đây sẽ là lực lượng nòng cốt cho chương trình tại địa phương cho những năm tiếp theo, đảm bảo năng lực và kế thừa để triển khai và xây dựng chương trình năng suất quốc gia tại địa phương theo dự án 9. Nhân rộng áp dụng cho các doanh nghiệp khác trong cả nước.

Số hồ sơ lưu: 17238

76333. 04-2021 **Nghiên cứu, phân tích, đánh giá những công nghệ căn bản của ngành logistics trong xu thế cách mạng công nghiệp 4.0, thiết kế và xây dựng 01 mô hình kho thông minh phục vụ cho công tác đào tạo nguồn nhân lực quản lý trong ngành logistics/** TS. Trần Anh Quân, ThS.Nguyễn Chí Cường; TS.Nguyễn Đức Minh; Kỹ sư.Trần Chí Dũng; TS.Đình Văn Duy; ThS.Nguyễn Hoài Anh; ThS.Nguyễn Hữu Quang; ThS.Trần Tuấn Anh Long; ThS.Nguyễn Thị Tuyết Hạnh; Kỹ sư.Nguyễn Phương Chi - Hà Nội - Công ty cổ phần viện máy và dụng cụ công nghiệp, 2019 - 01/2018 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Cung cấp thông tin toàn diện, hữu ích về những công nghệ cốt lõi, nền tảng trong ngành logistics. Cung cấp tổng quan những vấn đề cơ bản của logistics. Dự báo và phân tích xu thế phát triển về xã hội và kinh doanh của ngành logistics. Dự báo và phân tích xu thế phát triển về công nghệ của ngành logistics. Đề

xuất một số giải pháp công nghệ cho hoạt động logistics trong quá trình phát triển theo xu thế cách mạng công nghiệp 4.0 của các doanh nghiệp quy mô vừa và nhỏ tại Việt Nam. Cung cấp các phân tích ban đầu về công nghiệp 4.0. Cung cấp các phân tích ban đầu về nhà máy tương lai (nhà máy thông minh). Cung cấp tổng quan về logistics phục vụ công nghiệp 4.0 và nền kinh tế số. Đề xuất một số giải pháp công nghệ về logistics ban đầu cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ (SMEs) trong nền kinh tế số, với đặc thù Việt Nam, trong bối cảnh toàn cầu hoá. Xây dựng và hoàn thiện giải pháp đồng bộ mô hình cất trữ và soạn hàng thông minh phục vụ cho công tác đào tạo, để tiến tới hoàn thiện sản phẩm thương mại đáp ứng nhu cầu của các doanh nghiệp trong nước và quốc tế. Thiết kế, chế tạo được 1 hệ thống thiết bị minh họa cho mô hình cất trữ soạn hàng thông minh, trên cơ sở làm chủ giải pháp tích hợp hệ thống. Nâng cao năng lực cán bộ kỹ thuật, tăng cường nội địa hoá sản phẩm. Mở ra một hướng sản phẩm mới, làm tiền đề để thương mại hoá kết quả khoa học và công nghệ.

Số hồ sơ lưu: 17201

76341. 04-2021 **Nghiên cứu cơ sở khoa học tính xác thực của tài liệu lưu trữ điện tử tại Bộ Công Thương và đề xuất giải pháp nâng cao năng lực quản lý nhà nước về công tác lưu trữ điện tử tại Bộ Công Thương/** CN. Nguyễn Quốc Mạnh, CN.Lương Thị Thùy Nga; CN.Võ Lan Hương; CN.Nguyễn Thị

Thanh Hương; CN.Hoàng Thị Hiền; CN.Nguyễn Thị Anh; CN.Võ Thị Thanh Vân; CN.Nguyễn Hồng Nhung; CN.Đặng Văn Phương - Hà Nội - Văn phòng Bộ Công thương, 2019 - 01/2019 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Xác định tính xác thực của tài liệu lưu trữ điện tử và đề xuất giải pháp quản lý lưu trữ điện tử đối với công tác quản lý tài liệu điện tử được lưu trữ tại Bộ Công thương. Nghiên cứu tổng quan và xu hướng phát triển của tài liệu điện tử. Nghiên cứu công tác lưu trữ điện tử và tính xác thực của tài liệu điện tử, các quy định về quản lý tài liệu lưu trữ điện tử ở Việt Nam. Đánh giá thực trạng công tác lưu trữ điện tử tại Bộ Công thương. Kết quả nghiên cứu của đề tài làm cơ sở cho các cơ quan của Bộ Công thương nghiên cứu học tập nâng cao hiệu quả quản lý trong công tác lưu trữ tài liệu điện tử tại đơn vị.

Số hồ sơ lưu: 17216

76342. 04-2021 **Nâng cao độ chính xác mô hình số địa hình DEM thông qua làm trơn bằng thuật toán mạng nơ ron Hopfield và Địa thống kê/** PGS. TS. Nguyễn Quang Minh, TS.Lã Phú Hiến; ThS.Phạm Thanh Thọ; ThS.Nguyễn Thị Thu Hương - Hà Nội - Trường Đại học Mỏ - Địa chất, 2019 - 04/2015 - 03/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu cấu trúc mạng nơ ron Hopfield và kiến thức địa thống kê nhằm nâng cao độ chính xác mô hình số độ cao DEM: tập trung

nghiên cứu cấu trúc mạng nơ ron Hopfield, các hàm mục tiêu, hàm điều kiện và hàm năng lượng và quá trình tối ưu hóa mạng nơ ron sử dụng hàm năng lượng. Nghiên cứu các thuật toán địa thống kê, variogram và tính chất của variogram, tính chất của hàm variogram có giá trị bằng 0 và tác động của hàm variogram có giá trị bằng 0 trong làm trơn các bề mặt địa lý. Nghiên cứu về mô hình số độ cao DEM, các phương pháp thành lập mô hình số độ cao DEM dạng grip, và đặc điểm của DEM được thành lập theo từng phương pháp. Nghiên cứu tổng quan về các phương pháp làm trơn bề mặt địa hình DEM khác nhau đang sử dụng hiện nay. Thiết kế cấu trúc mạng nơ ron Hopfield sử dụng hàm variogram 0 để nâng cao chính xác mô hình số DEM dạng grid. Nghiên cứu tích hợp hàm variogram 0 làm hàm mục tiêu cho mạng nơ ron Hopfield, xây dựng hàm điều kiện cho thuật toán mạng nơ ron Hopfield sử dụng làm trơn và nâng cao độ chính xác mô hình DEM. Lập chương trình phần mềm cho thuật toán mạng nơ ron Hopfield với hàm mục tiêu lập theo hàm variogram 0.

Số hồ sơ lưu: 17212

76352. 04-2021 **Nghiên cứu xây dựng và triển khai phần mềm quét mã vạch trên điện thoại di động/** ThS. Phan Hồng Nga, ThS.Nguyễn Phương Thủy; CN.Nguyễn Thị Mai Hương; CN.Nguyễn Thị Lan Thanh; KS.Trịnh Tuấn Kiên; ThS.Hà Thị Thu Trà - Hà Nội - Viện Tiêu chuẩn

Chất lượng Việt Nam, 2018 - 09/2017 - 06/2018. (Đề tài cấp Cơ sở)

Xây dựng, đưa vào vận hành, khai thác phần mềm quét mã vạch trên điện thoại di động đáp ứng nhu cầu thực tế của các cơ quan chức năng, của người tiêu dùng, của các đơn vị sản xuất kinh doanh khác, đặc biệt là của doanh nghiệp thành viên GS1 Việt Nam về xác thực nguồn gốc thông tin chủ sở hữu và hàng hóa sử dụng mã số mã vạch. Về kỹ thuật: quét mã, trả thông tin chính thống từ cơ sở dữ liệu mã số mã vạch của Tổng cục về sản phẩm và doanh nghiệp chủ thương hiệu, phát cảnh báo về tình trạng của mã như đang nợ phí, chưa cập nhật đầy đủ thông tin hay đã bị thu hồi v.v...; Trong tương lai: có khả năng kết nối tự động với các dịch vụ xác nhận liên kết sản phẩm được kiểm soát; Làm công cụ tiện ích và kênh thông tin hữu hiệu cho các cơ quan quản lý nhà nước dùng để kiểm tra hàng hóa, góp phần phát hiện hàng giả và tiếp cận với người tiêu dùng.

Số hồ sơ lưu: 17242

76443. 04-2021 **Nghiên cứu, xây dựng Khung tham chiếu về an toàn thông tin phục vụ Chính phủ điện tử/** ThS. Nguyễn Huy Dũng, ThS.Trần Quang Hưng; KS.Trần Đăng Khoa; ThS.Trần Mạnh Thắng; KS.Nguyễn Phú Dũng; ThS.Bùi Thị Huyền; ThS.Hoàng Duy Trung; KS.Hà Văn Hiệp; ThS.Lê Xuân Dũng; ThS.Nguyễn Minh Phúc; ThS.Lê Bá Quốc Thịnh; ThS.Nguyễn Thị Thu Hương;

ThS.Nguyễn Thị Hồng Thu; KS.Nguyễn Sơn Tùng; KS.Lưu Minh Trí - Hà Nội - Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng quốc gia (trước đây là Trung tâm Tư vấn và Hỗ trợ nghiệp vụ an toàn thông tin), 2019 - 11/2017 - 08/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng khung tham chiếu về an toàn thông tin phục vụ phát triển chính phủ điện tử để các cơ quan tổ chức căn cứ để tham khảo và áp dụng triển khai trong thực tế tại Việt Nam nhằm tăng cường đảm bảo an toàn thông tin phục vụ phát triển chính phủ điện tử và chính quyền điện tử các cấp; góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh. Đề xuất được khung tham chiếu tổng thể về an toàn thông tin, phù hợp với khung kiến trúc chính phủ điện tử Việt Nam đã được Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành tại văn bản số 1178/BTTTT-THH. Đề xuất được bộ tiêu chí kiểm tra, đánh giá về an toàn thông tin cho các bộ, ngành và địa phương tại Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 17241

76993. 04-2021 **Nghiên cứu, phát triển tích hợp hệ thống hỗ trợ giám sát, quản lý, vận hành an toàn cho hệ thống mạng và hạ tầng cung cấp dịch vụ công trực tuyến/** TS. Trần Quang Đức, TS. Trần Hải Anh; PGS.TS. Hà Quốc Trung; PGS.TS. Nguyễn Ngọc Hóa; PGS.TS. Nguyễn Hải Châu; TS. Trần Hoàng Hải; PGS.TS. Nguyễn Linh Giang; TS. Ngô Lam Trung; ThS. Chu Văn Quang; ThS. Bùi Trọng Tùng - Hà Nội - Viện Công

nghe Thông tin và Truyền thông, 2020 - 10/2017 - 12/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Khảo sát, đánh giá và xây dựng giải pháp là một trong những công việc quan trọng đảm bảo tính khả thi của hệ thống. Tiến hành thiết kế, tích hợp chế tạo thiết bị phần cứng chuyên dụng có thể tự động theo dõi sự thay đổi thông số vận hành của tủ mạng và xây dựng chức năng của Rack Controller với vai trò thu nhận thông tin thiết bị mạng và hạ tầng cung cấp dịch vụ công trực tuyến thông qua phần mềm tác tử. Nghiên cứu, xây dựng bộ thư viện hỗ trợ liên thông, tiếp nhận dữ liệu về hạ tầng mạng và dịch vụ công trực tuyến và tiến hành tích hợp hệ thống phần mềm tại máy chủ trung tâm.

Số hồ sơ lưu: 17394

20204. Các hệ thống và kỹ thuật truyền thông

74174. 04-2021 **Nghiên cứu giảm méo tín hiệu phi tuyến cho các hệ thống thông tin quang băng rộng dùng các siêu kênh Terabit/** TS.Nguyễn Tấn Hưng, TS. Nguyễn Quang Như Quỳnh; TS. Hồ Phước Tiến; TS. Lê Thái Sơn - Đà Nẵng - Trường Đại học Bách khoa - Đại học Đà Nẵng, 2019 - 04/2017 - 04/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tái tạo lược tần số dải rộng dùng bộ trộn tham số trong sợi quang cho các ứng dụng siêu kênh Terabit/s sử dụng định dạng điều chế QAM nhiều mức. Phát triển bộ thu phát Terabit/s hiệu suất cao dùng bộ lược tần số được tái tạo và định dạng điều chế QAM nhiều mức. Truyền

đẫn đường dài các siêu kênh Terabit/s hiệu suất phổ cao dùng các kỹ thuật bù phi tuyến phương pháp quang và số để vượt qua các giới hạn Shannon phi tuyến.

Số hồ sơ lưu: 16347

76453. 04-2021 **Nghiên cứu, thiết kế và xây dựng mô hình thí nghiệm ảo PLC Mishubishi phục vụ công tác đào tạo/** ThS. Đặng Thị Quỳnh Trang, ThS.Trần Quốc Hoàn; ThS.Lê Thị Anh Xuân; ThS.Ngô Văn Quang; ThS.Đặng Thế Anh; ThS.Lê Việt Cường; ThS.Vũ Thị Kim Oanh - Vĩnh Phúc - Trường Cao đẳng Công nghiệp và thương mại, 2019 - 01/2019 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Làm chủ công nghệ và thiết kế, chế tạo mô hình thực hành PLC cho sinh viên nhằm nâng cao chất lượng đào tạo chuyên ngành Điều khiển và tự động hóa. Tổng quan tình hình giảng dạy PLC tại một số trường cao đẳng, màn hình cảm ứng của Mitsubishi và phần mềm lập trình GT-Designer. Nghiên cứu, tổng hợp về mức độ sử dụng PLC và màn hình cảm ứng Mitsubishi trong công nghiệp. Nghiên cứu, tìm hiểu một số mô hình thực hành PLC trên thị trường. Thiết kế mô hình thực hành PLC và màn hình cảm ứng Mitsubishi bám sát chương trình đào tạo, phù hợp với thực tế trong công nghiệp.-Vận hành thử nghiệm, hiệu chỉnh thông số mô hình. Xây dựng bộ tài liệu hướng dẫn sử dụng mô hình. Áp dụng thử nghiệm vào giảng dạy cho sinh viên và đánh giá hiệu quả.

Số hồ sơ lưu: 17268

20207. Cơ điện tử; hệ vi cơ điện tử (MEMS),..

77160. 04-2021 **Nâng cao năng lực nghiên cứu, thiết kế, chế tạo các loại vi cảm biến hóa sinh trên cơ sở công nghệ vi cơ điện tử (MEMS/NEMS), tích hợp trong thiết bị đo lường, phân tích chuyên dụng ứng dụng trong quan trắc môi trường, đảm bảo an sinh xã hội và phát triển sản xuất công/nông nghiệp/** KS. Nguyễn Trần Hậu, ThS.Đỗ Trọng Tấn ThS. Đỗ Trọng Tấn; ThS. Nguyễn Huy Công; PGS.TS. Mai Anh Tuấn; TS. Nguyễn Thị Minh Hằng; ThS. Nguyễn Văn Đưa; ThS. Lê Bình Dương; ThS. Trần Hà; KS. Nguyễn Hoàng Long; ThS. Lê Quốc Tuấn; ThS. Phan Anh Tân; ThS. Nguyễn Thị Huyền; KS. Phạm Đình Kha; CN. Nguyễn Thị Phương Thảo - Hà Nội - Trung tâm Công nghệ Vi điện tử và Tin học, 2019 - 05/2018 - 09/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nâng cao năng lực thiết kế, hoàn thiện quy trình chế tạo và triển khai đánh giá thử nghiệm đặc trưng cảm biến quang tử đo nồng độ Asen trong nước. Tiến hành hoàn thiện quy trình chế tạo và triển khai đánh giá thử nghiệm cảm biến điện hóa ứng dụng trong kiểm soát dư lượng kháng sinh (chloramphenicol) trong thực phẩm. Thực hiện chế tạo và triển khai đánh giá thử nghiệm thiết bị điện tử đo lường chuyên dụng. Tiến tới hoàn thiện hồ sơ đề nghiệm thu và đánh giá kết quả dự án.

Số hồ sơ lưu: 17406

203. Kỹ thuật cơ khí, chế tạo máy

20301. Kỹ thuật cơ khí nói chung

76351. 04-2021 **Dao động và điều khiển các hệ nhiều vật có các phần tử đàn hồi và đàn nhót cấp phân số/** GS. TSKH. Nguyễn Văn Khang, TS.Nguyễn Thị Vân Hương; PGS.TS.Nguyễn Phong Điền; TS.Nguyễn Minh Phương; ThS.Nguyễn Văn Quyên; ThS.Phạm Thành Chung - Hà Nội - Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội, 2020 - 12/2017 - 12/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu phát triển các thuật toán điều khiển mới dựa trên các mô hình động lực học hệ nhiều vật có cấu trúc mạch vòng. Áp dụng vào bài toán điều khiển robot song song, robot có khâu đàn hồi. Sử dụng lý thuyết đạo hàm cấp phân số xây dựng các mô hình cơ học phi tuyến theo quan điểm động lực học và điều khiển hệ nhiều vật cho một số máy, thiết bị, công trình gắn với mô hình thực hơn. Phát triển các thuật toán số tính toán dao động tuần hoàn và dao động hỗn độn của hệ phi tuyến mạnh. Từ đó nghiên cứu sự rẽ nhánh của nghiệm tuần hoàn. Áp dụng lý thuyết tối ưu hệ nhiều vật nghiên cứu các biện pháp chống rung, nâng cao tuổi thọ cho các máy và các công trình chế tạo hạc xây dựng ở Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 17226

76358. 04-2021 **Nghiên cứu thiết kế chế tạo dưỡng kiểm sử dụng trong lắp ráp cơ khí/** ThS. Nguyễn Văn Thành, KS. Nguyễn Ngô Kiên; KS. Mai Văn Cương; KS.

Nguyễn Vinh Ngọc; KS. Ngô Bảo Trung; KS. Cao Văn Quang; KS. Nguyễn Quốc Toàn; KS. Trương Văn Doan; KS. Phan Khắc Hùng; CN. Lê Thị Thanh Nhung - Hà Nội - Viện Công nghệ - Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam, 2019 - 01/2019 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu công nghệ chế tạo dưỡng kiểm trục và dưỡng kiểm lỗ với dung sai tương đương sản phẩm nhập ngoại của công ty Disoco; Nghiên cứu quy trình công nghệ chế tạo dưỡng kiểm độ chính xác cao từ thép SKD11 bao gồm quy trình gia công cơ khí và xử lý nhiệt. Chế tạo và thử nghiệm trên mẫu từ đó lựa chọn chế độ công nghệ phù hợp để chế tạo sản phẩm của đề tài. Chế tạo bộ dưỡng kiểm để kiểm tra trục phi 162 mm và dưỡng kiểm lỗ để kiểm tra chi tiết lỗ phi 27 mm. Thử nghiệm và đánh giá bộ sản phẩm trong điều kiện làm việc thực tế tại đơn vị ứng dụng Disoco.

Số hồ sơ lưu: 17246

20302. Chế tạo máy nói chung

76288. 04-2021 **Nghiên cứu chế tạo hệ lớp phủ có chứa crom cacbit trên nền gang bằng công nghệ phun phủ nhiệt để nâng cao độ bền mài mòn khi làm việc trong các môi trường khắc nghiệt/** KS. Đỗ Quang Chiến, KS. Ngô Văn Dũng; PGS. TS. Lê Thu Quý; ThS. Ngô Xuân Cường; KS. Kiều Đăng Trường; KS. Nguyễn Anh Dũng; KS. Đỗ Thanh Tùng; ThS. Lục Văn Thương; ThS. Ngô Trọng Bình; KS. Lê Đăng Thắng - Hà Nội - Viện

nghiên cứu cơ khí, 2019 - 01/2018 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Giải pháp ứng dụng lớp phủ có chứa crom cacbit trên nền gang bằng công nghệ phun phủ plasma để nâng cao độ bền mài mòn của chi tiết máy khi làm việc trong các môi trường khắc nghiệt. Nghiên cứu làm chủ công nghệ chế tạo hệ lớp phủ có chứa crom cacbit trên nền gang bằng công nghệ phun phủ nhiệt trong việc phục hồi và nâng cao độ bền mòn khi làm việc trong các môi trường khắc nghiệt. Sau khi nghiên cứu trong phòng thí nghiệm, hệ lớp phủ crom cacbit đã được nhóm tác giả ứng dụng phục hồi một số sản phẩm nền gang và đưa vào sử dụng trong các nhà máy sản xuất ở Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 17162

20303. Chế tạo máy công cụ

76279. 04-2021 **Nghiên cứu, tính toán, thiết kế, chế tạo lò đốt gián tiếp có hồi lưu nhiệt thải quy mô công nghiệp, công suất 500-1.000 kWth/** ThS. Nguyễn Văn Tiến, PGS. TS. Nguyễn Đình Tùng PGS. TS. Nguyễn Đình Tùng; ThS. Nguyễn Đình Quý; ThS. Mai Thanh Huyền; ThS. Nguyễn Tuấn Anh - Hà Nội - Viện nghiên cứu thiết kế chế tạo máy nông nghiệp, 2019 - 01/2019 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu lựa chọn nguyên lý lò đốt gián tiếp phù hợp, tính toán quá trình cháy để xác định sơ bộ công suất nhiệt và phát thải. Nghiên cứu tính toán và thiết kế đưa ra mẫu thiết bị phù hợp với điều kiện khí hậu nóng ẩm ở Việt Nam. Thiết kế chế tạo đối với thiết bị đã tính toán,

Tính toán hiệu suất và công suất nhiệt của lò. Khảo nghiệm và đánh giá thiết bị thông qua các chỉ tiêu như hiệu suất nhiệt, công suất nhiệt, khả năng đốt cháy nhiên liệu.

Số hồ sơ lưu: 17150

20304. Chế tạo máy động lực

76264. 04-2021 **Nghiên cứu thiết kế và chế tạo máy đột dập đa năng các lỗ trong gia công cửa nhôm hệ Xingfa bằng thủy lực/** ThS. Nguyễn Quốc Dũng, TS. Trần Quốc Hùng TS. Trần Quốc Hùng; ThS. Dương Đình Nông; ThS. Đinh Quang Ninh; TS. Đỗ Đức Trung; ThS. Hoàng Xuân Thịnh; ThS. Nguyễn Mai Anh; ThS. Triệu Văn Lợi; TS. Nguyễn Xuân Trường; ThS. Bùi Tiến Sơn - Thái Nguyên - Trường Cao đẳng Công nghiệp Thái Nguyên, 2019 - 01/2019 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu cơ sở lý thuyết thiết kế và chế tạo máy đột lỗ đa năng trong gia công cửa nhôm hệ Xingfa bằng thủy lực. Kết hợp giữa lý thuyết và thực tế, chế tạo thành công 01 máy đột lỗ đa năng trong gia công cửa nhôm hệ Xingfa bằng thủy lực. Tiến tới thương mại hóa máy ra thị trường góp phần thúc đẩy cơ khí hóa và tự động hóa trong chế tạo sản phẩm cửa đi từ thanh nhôm hệ Xingfa

Số hồ sơ lưu: 17121

76575. 04-2021 **Phát triển robot có cấu trúc lai nối tiếp - song song: Động lực học, điều khiển và tối ưu hóa thiết kế/** TS. Chu Anh Mỹ, TS. Lê Chí Hiếu; TS. Nguyễn

Anh Văn; TS. Đào Văn Lưu; PGS. TSKH. Phạm Đình Tùng; ThS. Nguyễn Văn Công; KS. Vương Tiến Trung - Hà Nội - Học viện Kỹ thuật Quân sự, 2019 - 12/2017 - 12/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Phát triển và tối ưu hóa thiết kế, chế tạo một hệ thống robot có cấu trúc lai nối tiếp - song song ứng dụng thay thế công nhân gấp phôi phục vụ trạm công nghệ gia công nóng đặc biệt trong công nghiệp. Đề xuất một mô hình động lực học mới cho hệ robot lai nối tiếp - song song, xây dựng phương pháp khảo sát ứng xử động lực học thuận, ngược; phát triển luật điều khiển robot và chứng minh tính ổn định, bền vững của nó. Phát triển một mô hình toán học và thuật toán giải bài toán tối ưu cấu trúc, lựa chọn vật liệu cho robot đã nêu. Tổng quát thêm một bước phương pháp tối ưu hóa thiết kế và điều khiển các hệ thống robot lai tổng quát.

Số hồ sơ lưu: 17161

20305. Kỹ thuật cơ khí và chế tạo máy nông nghiệp

74201. 04-2021 **Nghiên cứu, thiết kế, chế tạo và thử nghiệm hệ thống máy, thiết bị phục vụ cơ giới hóa đồng bộ các khâu canh tác cây đậu tương/** PGS. TS. Lê Minh Lư, TS. Nguyễn Xuân Thiết; TS. Vũ Đình Chính; ThS. Trần Đức Tuấn; ThS. Đặng Đình Trình; ThS. Nguyễn Chung Thông; PGS. TS. Lương Văn Vượt; TS. Lê Xuân Hào; ThS. Nguyễn Đức Bản; GS. TS. Phạm Văn Cường - Hà Nội - Học viện

Nông nghiệp Việt Nam, 2019 - 10/2015 - 04/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Làm chủ thiết kế và công nghệ chế tạo hệ thống máy, thiết bị phục vụ canh tác cây đậu tương ở Việt Nam; Chế tạo hệ thống máy, thiết bị phục vụ cơ giới hóa đồng bộ canh tác cây đậu tương, có khả năng ứng dụng rộng rãi, phù hợp với điều kiện Việt Nam. Nghiên cứu, thiết kế và chế tạo thành công hệ thống máy, thiết bị phục vụ cơ giới hóa cây đậu tương. Nghiên cứu xây dựng quy trình sản xuất cây đậu tương theo hướng công nghiệp, quy trình cơ giới hóa canh tác cây đậu tương phù hợp với điều kiện sản xuất ở Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 16362

74217. 04-2021 **Nghiên cứu, thiết kế, chế tạo dây chuyền thiết bị xẻ gỗ tự động năng suất 3-4 m³/h gỗ thành phẩm/** PGS.TS. Dương Văn Tài, TS. Trần Văn Tường; TS. Hoàng Sơn; PGS. TS. Vũ Khắc Bấy; PGS. TS. Lê Văn Thái; PGS. TS. Vũ Mạnh Tường; PGS. TS. Hoàng Việt; PGS. TS. Nguyễn Thanh Quang; TS. Phạm Văn Tĩnh; ThS. Hoàng Hà; TS. Đặng Văn Thanh; ThS. Đặng Thị Tố Loan - Hà Nội - Trường Đại học Lâm nghiệp, 2019 - 06/2016 - 05/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tạo ra dây chuyền thiết bị xẻ gỗ tự động có tính năng tương đương với sản phẩm cùng loại của các nước tiên tiến, từ sản phẩm này là tiền đề để tạo ra các sản phẩm khác tương tự phục vụ cho nhu cầu của nền kinh tế quốc dân. Góp phần hoàn thiện lý

thuyết tính toán thiết kế dây chuyền thiết bị xẻ gỗ tự động. Tạo ra các phần mềm điều khiển tự động và tự động tính toán lập bản đồ xẻ tối ưu, đây là sản phẩm mới trong thiết kế chế tạo máy chế biến lâm sản ở Việt Nam. Làm chủ được công nghệ thiết kế chế tạo dây chuyền xẻ gỗ tự động cho năng suất và chất lượng ván xẻ cao.

Số hồ sơ lưu: 16363

74266. 04-2021 **Nghiên cứu ứng dụng công nghệ và thiết bị sản xuất muối sạch quy mô tối thiểu 50 ha phù hợp điều kiện sản xuất tại Bình Định và Miền Trung./** ThS. Trần Đình Khải, ThS. Nguyễn Phi Hải; CN. Nguyễn Thanh Giang; TS. Nguyễn Tiến Trung; TS. Nguyễn Thị Diệu Cẩm; CN. Đinh Văn Trường; KS. Võ Thanh Phương; TS. Nguyễn Thị Hoài Phương; CN. Hồ Văn Trương; KS. Đặng Văn Cương; KTV. Lê Quang Phúc; KTV. Nguyễn Văn Tú - Bình Định - Công ty CP muối và thực phẩm Bình Định, 2019 - 06/2016 - 11/2018. (Đề tài cấp Quốc gia)

Thiết kế và xây dựng quy trình và mô hình sản xuất muối sạch dùng làm nguyên liệu cho thực phẩm và tinh chế muối tinh sử dụng trong công nghiệp quy mô tối thiểu 45ha. Thiết kế, xây dựng quy trình sản xuất muối sạch dùng làm nguyên liệu cho tinh chế muối tinh sử dụng trong dược phẩm quy mô tối thiểu 5ha. Xây dựng tiêu chuẩn cơ sở muối sạch dùng làm nguyên liệu cho tinh chế muối tinh dùng cho thực phẩm và các ngành công nghiệp (TCCS 01). Xây dựng tiêu chuẩn cơ

sở muối sạch dùng làm nguyên liệu cho tinh chế muối tinh dùng cho dược phẩm (TCCS 02).

Số hồ sơ lưu: 16377

76326. 04-2021 **Nghiên cứu thử nghiệm ứng dụng chụp ảnh bức xạ kiểm tra mức độ sập của trái dừa**/ ThS. Phạm Thị Lan Anh, CN.Đậu Tuyết Nhung; ThS.Nguyễn Lê Sơn; ThS.Nguyễn Nhật Quang; KS.Phạm Thế Hùng - Hà Nội - Trung tâm Đánh giá không phá hủy (NDE), 2019 - 01/2019 - 12/2019. (Đề tài cấp Cơ sở)

Nghiên cứu thử nghiệm đánh giá chất lượng trái dừa sập thông qua kiểm tra mức độ sập của trái dừa bằng phương pháp chụp ảnh bức xạ. Xác lập cơ sở khoa học về kỹ thuật kiểm tra kiểm tra không phá hủy hỗ trợ phân loại dừa sập. Bước đầu nghiên cứu thăm dò khả năng ứng dụng công nghệ kiểm tra không phá hủy vào lĩnh vực mới. Trình bày các kết quả khảo sát khả năng ứng dụng công nghệ chụp ảnh bức xạ. Chế độ chiếu chụp với hình học chiếu ngang được lựa chọn trong dải 70kV-90kV, liều chiếu trong dải từ 6mAs-25mAs cho thấy cấu trúc bên trong trái dừa sập, cùng với các ứng dụng công cụ phân tích ảnh số có thể phân loại tin cậy dừa sập theo nhu cầu của người tiêu dùng và tiêu chí xuất khẩu. Các kết quả nghiên cứu đã cho thấy khả năng có thể đưa vào thực tế áp dụng kiểm tra hàng loạt, nhanh với chi phí thấp.

Số hồ sơ lưu: 17205

20307. Kỹ thuật cơ khí và chế tạo ô tô và giao thông

75179. 04-2021 **Nghiên cứu thiết kế, chế tạo khuôn mẫu cho một số chi tiết ô tô tải**/ ThS. Đỗ Minh Tâm, PGS. TS. Phạm Xuân Mai; KS. Ngô Quốc Thắng; PGS. TS. Phạm Văn Nghệ; KS. Hồ Khả Thụy; KS. Nguyễn Thanh Lâm; KS. Vương Ngọc Mẫn; KS. Võ Văn Thanh; KS. Đỗ Minh Kỳ; KS. Ngô Thiên Vũ - Quảng Nam - Công ty TNHH MTV Tổ hợp Cơ khí THACO Chu Lai, 2019 - 12/2016 - 05/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Chế tạo khuôn mẫu là ngành công nghiệp công nghệ cao bởi nó đòi hỏi độ phức tạp, độ khó rất cao từ giai đoạn thiết kế cho đến giai đoạn thiết kế cho đến giai đoạn chế tạo. Nâng cao năng lực, làm chủ chủ công nghệ thiết kế, chế tạo khuôn mẫu dùng trong công nghiệp ô tô. Góp phần nâng cao tỷ lệ nội địa hóa và năng lực cạnh tranh của các nhà sản xuất ô tô Việt Nam. Thiết kế chế tạo được khuôn mẫu cho một số chi tiết ô tô tải. Mở rộng tiêu thụ thị trường trong nước, thúc đẩy nền công nghiệp hỗ trợ ô tô phát triển.

Số hồ sơ lưu: 16696

76239. 04-2021 **Nghiên cứu, thiết kế, chế tạo bộ mô hình vật lý mô phỏng dòng thấm và thoát nước**/ TS. Nguyễn Hoàng, TS. Trần Đức Phú; ThS. Trần Tiến Lương; ThS. Nguyễn Huy Hoàng; ThS. Nguyễn Thiện Thành; ThS. Đoàn Thị Hồng Ngọc; ThS. Phạm Thị Nga; KS. Nguyễn Quang Huy; KS. Ngô Việt Anh; KS. Trần Văn Bôn - Hải Phòng - Trường Đại học Hàng

hải Việt Nam, 2019 - 01/2019 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Chế tạo bộ mô hình vật lý mô phỏng dòng thấm và thoát nước có tính chất công nghiệp, làm chủ thiết kế và công nghệ chế tạo mô hình vật lý mô phỏng dòng thấm và thoát nước, phù hợp với trình độ công nghệ chế tạo trong nước, có thể tạo lưu lượng thay đổi theo thời gian để thử nghiệm, phục vụ giảng dạy, nghiên cứu khoa học: Xây dựng lưới thấm qua nền và thân đập, quan sát chuyên động của dòng thấm, kiểm định kết quả mô hình và kết quả phân tích bằng mô hình toán.

Số hồ sơ lưu: 17107

20310. Kỹ thuật cơ khí và chế tạo máy xây dựng

76263. 04-2021 Hoàn thiện thiết kế, chế tạo thiết bị và công nghệ thi công cọc nhồi tạo lỗ bằng phương pháp ép tĩnh/ KS. Vũ Thế Thanh, KS. Bùi Văn Cầm; KS. Vương Đình Long; KS. Dương Mạnh Dũng; KS. Vũ Văn Thảo; KS. Đào Văn Giản; KS. Lê Đại Nghĩa; KS. Nguyễn Tăng Cường - Ninh Bình - Công ty cổ phần tập đoàn công nghiệp Quang Trung (trước đây là Xí nghiệp cơ khí Quang Trung, Ninh Bình), 2019 - 10/2011 - 12/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Làm chủ tính toán thiết kế, quy trình chế tạo máy ép cọc nhồi đa năng công nghiệp. Hoàn thiện quy trình công nghệ giải pháp thi công nền móng bằng máy ép cọc đa năng phù hợp với thiết bị. Chế tạo thử nghiệm các máy ép cọc nhồi đa năng, lựa chọn phân phối cho các

công trình có điều kiện địa chất khác nhau trong cả nước, từng bước hoàn thiện công nghệ, tiến đến sản xuất ở quy mô công nghiệp.

Số hồ sơ lưu: 17116

20314. Kỹ thuật và công nghệ liên quan đến hạt nhân

76275. 04-2021 Thiết kế, hoàn chỉnh thiết bị đo phân bố mật độ nhằm tính toán nhanh phân bố liều trong thùng hàng chiếu xạ trên máy gia tốc UELR-10-15S2 tại Trung tâm Nghiên cứu và Triển khai Công nghệ Bức xạ/ ThS. Cao Văn Chung, CN. Đoàn Bình; CN. Nguyễn Đức Hòa; ThS. Phan Phước Thắng; CN. Lê Quang Thành - Hồ Chí Minh - Trung tâm Nghiên cứu và triển khai công nghệ Bức xạ, 2019 - 01/2018 - 12/2018. (Đề tài cấp Cơ sở)

Hệ thiết bị đo phân bố mật độ được xây dựng trên nguyên lý suy giảm của gamma trong vật chất. Số đếm ghi nhận bởi detector nhấp nháy của gamma phát từ nguồn sau khi đi qua thùng sản phẩm được sử dụng để tính phân bố mật độ từ đó tính toán phân bố liều hấp thụ trong thùng sản phẩm chiếu xạ bằng điện tử 10 MeV phát ra bởi máy gia tốc UELR-10-15S2. Nguồn gamma sử dụng trong hệ thiết bị được chọn là Cs-137, phù hợp với đa số thùng sản phẩm chiếu xạ. Detector nhấp nháy, thiết kế hệ vận chuyển và hệ điều khiển cũng được chọn để xây dựng hệ thiết bị. Các kết quả hiệu chỉnh, hiệu chỉnh thiết bị đã được hiện; Kết quả đo kết hợp tính toán phân bố liều khảo sát trên mẫu thực phù hợp với kết quả

xác định phân bố liều hấp thụ bằng liều kế B3 (GEX). Hệ thiết bị có ý nghĩa trong việc xác định nhanh phân bố liều trong thùng sản phẩm chiếu xạ, đảm bảo chất lượng dịch vụ chiếu xạ tại Trung tâm Nghiên cứu và Triển khai Công nghệ Bức xạ.

Số hồ sơ lưu: 17159

76785. 04-2021 **Nghiên cứu chế tạo module tổng hợp 18F-NaF và điều chế dược chất phóng xạ 18F-NaF tại Trung tâm Chiếu xạ Hà Nội/ ThS. Trần Mạnh Thắng, ThS. Nguyễn Quang Anh; KS. Đàm Thị Tâm; CN. Mai Văn Vinh; CN. Phạm Minh Đức; KS. Nguyễn Văn Sỹ; CN. Nguyễn Thanh Hùng; CN. Nguyễn Xuân Vinh; KTV. Đặng Quang Bảo; DS. Nguyễn Thị Kim Dung - Hà Nội - Trung tâm Chiếu xạ Hà Nội, 2019 - 01/2016 - 09/2019. (Đề tài cấp Bộ)**

Thiết kế, tối ưu tính năng sử dụng của module tổng hợp, đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng theo tiêu chuẩn dược điển Mỹ 38 (USP38) và phù hợp với điều kiện Việt Nam mà không vi phạm bản quyền với các module tổng hợp đã công bố. Nghiên cứu chế tạo module tổng hợp 18F-NaF dạng nguyên mẫu (prototype). Điều chế DCPX 18F-NaF đạt tiêu chuẩn USP38 tại Trung tâm Chiếu xạ Hà Nội phục vụ ngành y học hạt nhân.

Số hồ sơ lưu: 17288

204. Kỹ thuật hóa học

20401. Sản xuất hóa học công nghiệp nói chung (nhà máy, sản phẩm)

76293. 04-2021 **Xây dựng quy trình tinh chế (-) gossypol từ hạt bông Việt Nam và tổng hợp xúc tác các phối tử Salen và Phosphine/ TS. Vũ Đình Tiến, PGS.TS.Trần Khắc Vũ; PGS.TS.Vũ Đình Hoàng; TS.Vũ Hồng Thái; TS.Nguyễn Trung Dũng; TS.Tạ Hồng Đức; ThS.Nguyễn Thị Thùy My; ThS.Lê Thị Thùy; TS.Đinh Thị Phương Anh - Hà Nội - Viện Kỹ thuật Hóa học, 2019 - 12/2015 - 10/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)**

Gossypol là một hợp chất polyphenol trong tự nhiên có rất nhiều hoạt tính sinh dược học giá trị như tác dụng tránh thai cho nam, chống virus, chống vi sinh vật và động vật nguyên sinh, chống oxi hóa và chống ung thư. Trong đó, (-)-gossypol đã cho thấy có nhiều hoạt tính sinh học mạnh hơn hẳn (+)-gossypol như hoạt tính tránh thai, chống HIV và chống ung thư. Với tác dụng gây apoptosis trên nhiều dòng tế bào ung thư, đặc biệt là tác dụng trên cả các dòng tế bào đã kháng với các thuốc hóa trị liệu hay xạ trị, (-)-gossypol cũng đã chứng tỏ tác dụng tốt trên lâm sàng nên hứa hẹn sẽ trở thành một thuốc mới góp phần điều trị bệnh ung thư.

Số hồ sơ lưu: 17151

20403. Kỹ thuật hoá dược

74185. 04-2021 **Nghiên cứu thành phần hóa học, hoạt tính gây độc tế bào và kháng viêm các loài**

Barringtonia acutangula, B. pauciflora và B. racemosa ở Việt Nam/ TS. Nguyễn Xuân Cường, TS. Nguyễn Hoài Nam; TS. Nguyễn Phương Thảo; ThS. Lê Thị Viên; TS. Phan Thị Thanh Hương; CN. Dương Thu Trang; ThS. Phạm Thị Mai Hương - Hà Nội - Viện Hoá sinh biển, 2019 - 05/2016 - 05/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu mang tính liên ngành giữa hoá học các hợp chất thiên nhiên, sinh học và y dược, tiếp tục triển khai hướng nghiên cứu hoạt chất sinh học từ thảo dược, kế thừa các kết quả nghiên cứu trong và ngoài nước về lĩnh vực tìm kiếm các chất có hoạt tính sinh học từ thiên nhiên. Đánh giá hoạt tính sinh học các chất sạch và phân đoạn theo định hướng hoạt tính chống gây độc tế bào và kháng viêm. Những nghiên cứu cơ bản sẽ tiến hành từng bước từng bước có kế thừa các nghiên cứu đã có trong và ngoài nước đối với đối tượng tương đương.

Số hồ sơ lưu: 16356

74202. 04-2021 Nghiên cứu công nghệ và thiết bị chế biến muối tinh, công suất 2,5-3 tấn/giờ dùng cho sản xuất dược phẩm và các ngành công nghiệp khác/ KS. Phùng Duy Tiến, KS. Hồ Văn Định; KS. Hoàng Văn Thiên; KS. Cao Văn Hảo; ThS. Nguyễn Văn Bình; KS. Nguyễn Văn Tiến; CN. Lê Quang Phúc; CN. Nguyễn Thị Hà Phương; KS. Trần Ngọc Mai; KS. Nguyễn Phát Toàn - Bình Định - Công ty cổ phần Muối và Thực phẩm Bình Định, 2019 - 06/2016 - 11/2018. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng quy trình công nghệ chế biến muối tinh dùng cho sản xuất dược phẩm và các ngành công nghiệp khác, quy trình và các công thức sản xuất ra các loại muối chăm sóc sức khỏe có chế phẩm chính từ muối tinh; bao gồm Bào chế và đăng ký được sản phẩm muối thông minh dành cho người cao huyết áp, nghiên cứu công thức bào chế sản phẩm muối ngâm chân và chế phẩm muối sữa spa. Thiết kế, chế tạo, lắp đặt vận hành dây chuyền chế chế biến muối tinh, năng suất 2,5-3 tấn/giờ, dùng cho sản xuất muối tinh dùng trong ngành dược và các ngành công nghiệp khác từ nguyên liệu muối đạt theo tiêu chuẩn TCCS 01 và TCCS 02.

Số hồ sơ lưu: 16357

76339. 04-2021 Nghiên cứu, thiết kế và chế tạo hệ thống điều khiển tự động cho thiết bị chiết xuất cao dược liệu/ ThS. Nguyễn Hoài Anh, ThS. Bùi Tuấn Anh Long; TS. Trần Ngọc Hưng; ThS. Nguyễn Hữu Quang; ThS. Nguyễn Thị Tuyết Hạnh; Cử nhân. Đỗ Thu Hằng - Hà Nội - Công ty cổ phần viện máy và dụng cụ công nghiệp, 2020 - 01/2019 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu, thiết kế và chế tạo thành công 01 hệ thống điều khiển tự động cho thiết bị chiết xuất cao dược đáp ứng công nghiệp 4.0 nhằm tự động hoàn toàn khâu chiết xuất dược liệu để ổn định và nâng cao chất lượng sản phẩm cao dược cho các nhà máy sản xuất thuốc trong nước. Xây dựng sản phẩm mới cho công ty đặc biệt là các sản phẩm cơ điện tử trong ngành dược đáp ứng

công nghiệp 4.0. Xây dựng và đào tạo đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật có trình độ chuyên môn cao về thiết bị được công nghệ cao nhằm nâng cấp hệ thống thiết bị sẵn có của các công ty sản xuất thuốc trong nước hiện nay đáp ứng công nghiệp 4.0.

Số hồ sơ lưu: 17200

20404. Kỹ thuật hoá vô cơ

74181. 04-2021 **Hoạt tính của các gốc tự do cacbonat $\text{CO}_3^{\bullet-}$ và gốc $\text{Cl}^{\bullet}/\text{Cl}_2^{\bullet-}$ trong dung dịch/** TS. Đào Hải Yến, TS. Lưu Đức Phương; TS. Trinh Thu Hà; ThS. Đặng Thị Mai; TS. Nguyễn Ngọc Tùng; ThS. Hà Thị Hải Yến; CN. Nguyễn Thị Vân Anh - Hà Nội - Viện Hóa Học, 2019 - 03/2014 - 03/2018. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu động học để hiểu rõ bản chất của các quá trình phân hủy các hợp chất hữu cơ bằng các phương pháp oxi hóa tiên tiến. Xác định các sản phẩm của quá trình phân hủy là một bước hết sức quan trọng để có thể đề xuất được cơ chế phân hủy của một chất hữu cơ mô hình. Do vậy các phương pháp thực nghiệm có độ chính xác cao như LC-MS, GC-MS, FT-ICR-MS sẽ được sử dụng để xác định các sản phẩm phụ cũng như xác định cơ chế của quá trình phân hủy các hợp chất hữu cơ

Số hồ sơ lưu: 16355

74203. 04-2021 **Chế tạo và nghiên cứu các phẩm chất quang xúc tác của một số vật liệu xúc tác quang trên cơ sở NaNbO_3 ,**

AgNbO_3 , BiPO_4 , $\text{Ag}_4\text{V}_2\text{O}_7$, Ag_3VO_4 bằng phương pháp hóa học/ TS. Nguyễn Đức Văn, TS. Đỗ Thị Anh Thu; TS. Nguyễn Trọng Thành; ThS. Phạm Ngọc Chức; ThS. Đoàn Tuấn Anh; CN. Đoàn Trung Dũng - Hà Nội - Viện Khoa Học Vật Liệu, 2019 - 04/2017 - 04/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Tìm ra và tối ưu hóa các qui trình mới bằng phương pháp hóa học trong dung dịch để chế tạo vật liệu xúc tác quang NaNbO_3 , AgNbO_3 , BiPO_4 , $\text{Ag}_4\text{V}_2\text{O}_7$ và Ag_3VO_4 đơn pha, pha tạp hay đồng pha nguyên tố đất hiếm (Eu^{3+} , Yb^{3+} , Er^{3+}) hay vật liệu tổ hợp có dạng $\text{AxByOz}/(\text{AxByOz})'$ (với $(\text{AxByOz})'$ là một dạng thù hình hay một vật liệu khác thuộc hệ AxByOz này). Đặc biệt, chú trọng tới mục tiêu tìm ra các qui trình thỏa mãn điều kiện tiết kiệm năng lượng, thân thiện với môi trường. Nghiên cứu khả năng quang xúc tác của hệ vật liệu nghiên cứu để xử lý một số chất hữu cơ độc hại: metylen xanh, metyl da cam, Rhodamin-B. Đề xuất và thực hiện các giải pháp mới để cải thiện các phẩm chất xúc tác quang (hoạt tính quang xúc tác, độ rộng vùng cấm) của các vật liệu nghiên cứu. Trong số các giải pháp mới này có những giải pháp theo các hướng tiếp cận mới để tăng phẩm chất quang xúc tác như giải pháp bền hóa pha tinh thể mong muốn hay chế tạo vật liệu dạng bột có định hướng tinh thể mạnh bằng phương pháp hóa học không dùng tác nhân bên ngoài.

Số hồ sơ lưu: 16358

20405. Kỹ thuật hoá hữu cơ

74206. 04-2021 Nghiên cứu ứng dụng vật liệu khung Kim loại-Hữu cơ (MOFs) làm xúc tác dị thể cho các phản ứng ghép đôi mới thông qua con đường hoạt hóa trực tiếp liên kết C-H/ GS. TS. Phan Thanh Sơn Nam, TS. Trương Vũ Thanh; ThS. Nguyễn Kim Chung; ThS. Nguyễn Thái Anh; PGS. TS. Lê Thị Hồng Nhan; TS. Phan Nguyễn Quỳnh Anh; TS. Phan Thị Hoàng Anh; ThS. Hà Thanh Mỹ Phương - Hồ Chí Minh - Trường Đại học Bách Khoa, Đại học Quốc Gia TP. Hồ Chí Minh, 2019 - 12/2017 - 06/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu tổng hợp vật liệu MOFs từ muối kim loại với ligand chứa các nhóm carboxylic acid. Trong quá trình thăm dò để tổng hợp MOFs, bám sát mục tiêu của đề tài là khảo sát khả năng ứng dụng của chúng làm xúc tác dị thể cho các phản ứng ghép đôi mới thông qua con đường hoạt hóa trực tiếp liên kết C-H, tập trung vào các phản ứng chưa từng sử dụng MOFs làm xúc tác để có thể công bố kết quả nghiên cứu trên các tạp chí quốc tế ISI. Khảo sát khả năng ứng dụng của vật liệu MOFs trong lĩnh vực xúc tác các phản ứng ghép đôi thông qua con đường hoạt hóa trực tiếp liên kết C-H, chú trọng các phản ứng mới chưa từng sử dụng MOFs làm xúc tác cũng như chưa từng thực hiện trong điều kiện xúc tác dị thể để có thể công bố kết quả nghiên cứu trên các tạp chí quốc tế ISI.

Số hồ sơ lưu: 16359

20406. Kỹ thuật hoá dầu

74272. 04-2021 Nghiên cứu công nghệ sản xuất mỡ bôi trơn chịu nhiệt sử dụng chất làm đặc bentonit biến tính/ ThS. Dương Thị Hằng, PGS. TS. Đinh Văn Kha; ThS. Bùi Phạm Nguyệt Hồng; KS. Nguyễn Hữu Tùng; CN. Đỗ Việt Hùng; CN. Đinh Quốc Tuấn; ThS. Dương Tiến Tài; KS. Lương Thị Thúy; ThS. Đồng Thị Hằng - Hà Nội - Viện Hóa học Công nghiệp Việt Nam, 2019 - 01/2018 - 12/2018. (Đề tài cấp Bộ)

Mỡ bôi trơn chịu nhiệt là sản phẩm của quá trình pha chế giữa dầu gốc cao cấp, chất làm đặc và hệ phụ gia với khả năng nổi bật là bôi trơn, chống ma sát, chống ăn mòn và các tính năng trên không bị thay đổi khi mỡ làm việc ở nhiệt độ cao. Các sản phẩm mỡ chịu nhiệt có cấu trúc bền vững này giúp cho chúng đặc biệt thích hợp cho các ổ bi các loại khớp xoay và lắc, các ổ đỡ chịu tải nặng, tốc độ chậm hoặc trung bình và đặc biệt hữu hiệu trong việc phòng tránh ổ đỡ bị hỏng do sự rung động quá mức hoặc tải va đập, vận hành ở tốc độ cao và nhiệt độ cao.

Số hồ sơ lưu: 16384

205. Kỹ thuật vật liệu và luyện kim**20501. Kỹ thuật nhiệt trong luyện kim**

74214. 04-2021 Nghiên cứu mối liên quan giữa hồi phục điện môi với tính áp điện của hệ vật liệu áp điện không chứa chì BCT và BZT-xBCT nhằm hiểu rõ bản chất vật lý của tính áp điện lớn thu

được trên hệ vật liệu BZT-xBCT/ PGS. TS. Lê Văn Hồng, TS. Thân Trọng Huy; ThS. Lý Ngọc Tài; ThS. Nguyễn Văn Khiển - Hà Nội - Viện Khoa Học Vật Liệu, 2019 - 05/2016 - 05/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Thực hiện chế tạo các hệ mẫu vật liệu khác nhau có chất lượng tốt. Hệ mẫu thứ nhất là vật liệu BaTiO₃ (BTO) có thay thế một phần Ca cho Ba, Ba_{1-x}Ca_xTiO_{3-x}(BCT). Các mẫu đã chế tạo được khảo sát cấu trúc tinh thể bằng nhiễu xạ kế tia X Siemen D5000 và chụp ảnh vi cấu trúc bằng nhiễu xạ điện tử và ảnh kính hiển vi điện tử truyền qua bằng máy HRTEM hãng JEOL 2100. Kết quả cho thấy Ca đã thay thế Ba và gây nên chuyển pha cấu trúc của vật liệu từ cấu trúc tứ giác sang mặt thoi khi $x \sim 0,3$. Điều này cho thấy có sự xuất hiện biên pha hình thái ở vùng lân cận nồng độ Ca khoảng 15% tương tự như trong trường hợp vật liệu BZT-xBCT mà các tác giả khác đã quan sát thấy.

Số hồ sơ lưu: 16368

20502. Kỹ thuật và công nghệ sản xuất kim loại và hợp kim đen

76329. 04-2021 Nghiên cứu công nghệ luyện và đúc thép mangan cao từ sắt xốp để chế tạo búa nghiền quặng sắt và sắt xốp/ KS. Trần Văn Đoàn, TS. Đinh Văn Hiến; PGS. TS. Đinh Bá Trụ; ThS. Nguyễn Quốc Việt; KS. Phan Thanh Bình; TS. Sái Mạnh Thắng; KS. Nguyễn Quỳnh Anh; KS. Cao Thọ Thắng; KS. Nguyễn Văn Thanh; ThS. Nguyễn Dương Nam - Hà Nội - Công ty Cổ phần Khoáng sản và

Luyện kim Việt Nam, 2018 - 11/2014 - 10/2018. (Đề tài cấp Quốc gia)

Làm chủ công nghệ luyện thép từ sắt xốp với các yêu cầu về kinh tế và kỹ thuật, khẳng định được tính ưu việt của nguyên liệu trong luyện thép hợp kim, thiết lập bộ quy trình công nghệ luyện thép có thể ứng dụng cho các cơ sở luyện thép tại Việt Nam và tiền đề cho luyện các mác thép hợp kim chất lượng cao phục vụ kinh tế và quốc phòng; Nghiên cứu toàn bộ công nghệ: từ chuẩn bị nguyên liệu sắt xốp, luyện thép nền và hợp kim hóa để tạo thép hợp kim, và đúc ra sản phẩm mang tính thương mại - búa nghiền quặng và sắt xốp; Đưa 3 công nghệ đúc tiên tiến: đúc trong khuôn khô, đúc khuôn tươi trên máy và đúc búa nghiền có răng tăng cường; thiết lập quy trình công nghệ cho sản phẩm, có thể chuyển giao cho các cơ sở khác;

Số hồ sơ lưu: 17245

76349. 04-2021 Mô phỏng bằng phương pháp phần tử hữu hạn về tính chất phá hủy của thép TRIP dưới biến dạng uốn/ TS. Phạm Thị Hằng, PGS.TS.Iwamoto Takeshi; TS.Tống Ngọc Tuấn; ThS.Nguyễn Thị Thu Trang - Hà Nội - Học viện Nông nghiệp Việt Nam, 2020 - 12/2017 - 12/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Đánh giá độ dai phá hủy của thép TRIP dưới biến dạng uốn sử dụng mẫu có vết nứt ban đầu thông qua độ biến cứng và vết nứt đầu tiên của mẫu. Xem xét ảnh hưởng

của chuyển biến pha martensite (do biến dạng) và nhiệt độ đến độ dai phá hủy ở các tốc độ biến dạng khác nhau, các nhiệt độ môi trường khác nhau. Đánh giá tính chất phá hủy của thép TRIP dưới biến dạng dập trên mẫu nhỏ thông qua sự hình thành vết nứt đầu tiên trên mẫu, giá trị của biến số phá hủy và ảnh hưởng của chuyển biến pha martensite, nhiệt độ đến các tính chất đó ở các tốc độ biến dạng khác nhau, các nhiệt độ môi trường khác nhau.

Số hồ sơ lưu: 17223

20507. Vật liệu xây dựng

75188. 04-2021 **Phát triển vật liệu không nung cho công trình thân thiện môi trường/** TS. Bùi Quốc Bảo, TS. Trần Minh Tùng; TS. Lê Đức Hiền; TS. Phan Tô Anh Vũ - Hồ Chí Minh - Trường Đại học Tôn Đức Thắng, 2019 - 02/2018 - 08/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nhằm tìm ra những vật liệu mới, thân thiện môi trường, góp phần giảm thiểu những ô nhiễm khí thải và tiêu thụ năng lượng của ngành công nghiệp xây dựng, góp phần giảm thiểu tác động của ngành này đến vấn đề biến đổi khí hậu toàn cầu. Việc phát triển, đánh giá, phân tích từ nhiều góc độ khác nhau những vật liệu ít tác động đến môi trường là một vấn đề cấp thiết được đặt ra hiện nay trên thế giới. Đề tài nghiên cứu, đánh giá một số loại vật liệu không truyền thống, thân thiện với môi trường. Phần lớn vật liệu truyền thống sử dụng chất kết dính chủ đạo là xi măng, một trong những nhân tố tác động lớn đến môi trường

do liên quan đến vấn đề khí thải CO₂ và tiêu thụ năng lượng trong quá trình sản xuất.

Số hồ sơ lưu: 16697

76348. 04-2021 **Đóng góp của sàn bê tông cốt thép trong việc hạn chế sụp đổ lũy tiến của nhà cao tầng trong điều kiện mất cột/** TS. Phạm Xuân Đạt, PGS.TS.Nguyễn Trung Hiếu; TS.Đặng Việt Hưng; ThS.Trần Quốc Cường; ThS.Nguyễn Mạnh Hùng - Hà Nội - Trường Đại học Xây dựng, 2020 - 04/2017 - 04/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tập trung đánh giá sự đóng góp của sàn bê tông cốt thép đối với sức kháng tổng thể phá hủy lũy tiến của công trình nhà cao tầng. Định lượng sự đóng góp của hiệu ứng màng trong sàn bê tông cốt thép đối với độ dẻo kết cấu và sức kháng tải trọng của kết cấu khung dầm - sàn thông thường, đặc biệt là trong trường hợp cốt thép dọc sàn dầm và sàn bị gián đoạn; Định lượng đóng góp của sàn đối với việc hạn chế phá hoại cục bộ của nút khung chịu mô men uốn và chịu xoắn (nút khung dầm biên); Đánh giá khả năng của sàn bê tông cốt thép thay đổi dạng sụp đổ của kết cấu công trình nhà cao tầng theo hướng giảm thiểu thiệt hại.

Số hồ sơ lưu: 17231

20514. Vải, gồm cả sợi, màu và thuốc nhuộm tổng hợp

76426. 04-2021 **Nghiên cứu thiết kế và chế tạo bộ dưỡng áp dụng vào may áo jacket/** ThS. Dương Thị Hoàn, ThS.Nguyễn Thị Thu Hằng; ThS.Vũ Thị Nếp;

ThS.Chu Thị Mai Hương; ThS.Ngô Ngọc Hải; ThS.Trình Thị Thanh Hương; CN.Trần Văn Thanh; ThS.Đặng Thị Ngát - Hà Nội - Trường Đại học Công nghiệp Dệt may Hà Nội, 2020 - 01/2019 - 01/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Thiết kế và chế tạo bộ dưỡng áp dụng vào may áo jacket nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm. Xây dựng quy trình thiết kế, chế tạo dưỡng sử dụng trong may công nghiệp; Đề xuất các tiêu chí đánh giá bộ dưỡng; Vận dụng quy trình để thiết kế, chế tạo bộ dưỡng cho 01 kiểu áo jacket.

Số hồ sơ lưu: 17261

207. Kỹ thuật môi trường

20701. Kỹ thuật môi trường và địa chất, địa kỹ thuật

74294. 04-2021 **Đánh giá khả năng phát thải, mức độ rủi ro và sự chuyển hóa giữa Pentachlorobenzen(PeCBz) và Hexachlorobenzen(HCB) trong môi trường từ quá trình đốt của các hoạt động công nghiệp/** PGS. TS. Nguyễn Thị Huệ, ThS. Nguyễn Hoàng Tùng; TS. Nguyễn Thị Phương Mai; TS. Nguyễn Thị Thanh Hải; ThS. Vũ Văn Tú; ThS. Phạm Hải Long; ThS. Trần Văn Cường; ThS. Phùng Đức Hòa; ThS. Hoàng Nam; ThS. Nguyễn Thị Hà Giang - Hà Nội - Viện Công nghệ môi trường, 2019 - 05/2016 - 05/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Đánh giá hàm lượng Hexachlorobenzen (HCB) và Pentachlorobenzen(PeCBz) phát

sinh trong quá trình đốt cháy của các lò đốt từ đó tính toán hệ số phát thải. Đưa ra những đánh giá về mức độ rủi ro của HCB và PeCBz đối với sức khỏe con người. Bước đầu nghiên cứu về khả năng chuyển hóa HCB và PeCBz thành các hợp chất chứa ít clo hơn để giảm khả năng gây ô nhiễm môi trường.

Số hồ sơ lưu: 16387

76181. 04-2021 **Nghiên cứu tác động của các yếu tố thủy thạch động lực trong bồi xói vùng rừng ngập mặn Việt Nam/** PGS.TS.Võ Lương Hồng Phước, ThS. Nguyễn Hoàng Phong; PGS. TS. Đặng Văn Liệt; PGS. TS. Nguyễn Mạnh Hùng; TS. Lê Đình Mậu; ThS. Nguyễn Minh Giám; TS. Lê Xuân Thuyên; TS. Bảo Thanh - Hồ Chí Minh - Trường Đại học Khoa học Tự nhiên Tp. Hồ Chí Minh, 2019 - 12/2012 - 12/2017. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu về động lực học trong vùng rừng ngập mặn (RNM) giúp ta có thể phân tích và giải thích được các nguyên nhân chính gây ra xói – bồi tại khu vực khảo sát. Bên cạnh đó, các mô hình tính toán có thể dự báo định tính và định lượng xu thế xói bồi. Các kết quả khảo sát, tính toán và từ mô hình vật lý và động lực học đều cho thấy rõ được vai trò của RNM trong việc tiêu tán năng lượng sóng và giữ đất. Việc xác định nguyên nhân xói- bồi vùng rừng ngập mặn góp phần quan trọng và ý nghĩa cho các nhà khoa học và quản lý trong việc bảo vệ, trồng và phát triển RNM phù hợp. Đây cũng chính là việc bảo vệ, giữ gìn và ổn định bờ biển. Việc bảo vệ và trồng

rừng đầu nguồn, rừng ngập mặn ven biển hiện nay là một trong những nhiệm vụ chính cần phải triển khai của nhà nước và đặc biệt là vùng đồng bằng sông Cửu Long nhằm ứng phó với nguy cơ mất đất do nước dâng nước biển dâng cao và biến đổi khí hậu toàn cầu.

Số hồ sơ lưu: 17110

76258. 04-2021 **Nghiên cứu xây dựng mô hình xử lý nước thải trong sản xuất giấy bao bì bằng công nghệ yếm khí lớp bùn hạt mở rộng (EGSB)**/ ThS. Cao Thị Bình, TS. Vũ Thị Hồng Mận; ThS. Nguyễn Đăng Toàn; TS. Lương Chí Hiếu; CN. Nguyễn Thị Việt Hà; KS. Hồ Minh Thành; KS. Hà Kim Chung; ThS. Hồ Thị Thúy Liên; KS. Đặng Anh Tuấn; ThS. Trần Thanh Nga - Phú Thọ - Trường Cao đẳng Công thương Phú thọ, 2019 - 01/2018 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Thiết kế, chế tạo mô hình xử lý nước thải ngành sản xuất giấy bao bì áp dụng công nghệ xử lý yếm khí lớp bùn hạt mở rộng công suất 100 lít/m³; Thiết lập được quy trình công nghệ xử lý nước thải của nhà máy sản xuất giấy bao bì áp dụng phương pháp xử lý yếm khí lớp bùn hạt mở rộng; Thử nghiệm ứng dụng quy trình công nghệ để xử lý nước thải của 02 doanh nghiệp sản xuất giấy bao bì đạt chỉ tiêu chất lượng cấp A theo quy định hiện hành về các thông số BOD₅, COD, TSS, pH.

Số hồ sơ lưu: 17112

76289. 04-2021 **Nghiên cứu đánh giá các yếu tố thủy thạch động lực ảnh hưởng đến các quá**

trình bồi, xói vùng cửa sông, ven bờ từ Quảng Nam đến Phú Yên trong điều kiện biến đổi khí hậu, nước biển dâng/ TS. Đào Đình Châm, ThS. Nguyễn Thái Sơn; PGS. TSKH. Nguyễn Văn Cư; PGS. TS. Lại Vĩnh Cẩm; PGS. TS. Đinh Văn Mạnh; TS. Trần Tuấn Dũng; TS. Phan Thị Thanh Hằng; TS. Nguyễn Thanh Hoàn; ThS. Nguyễn Quang Minh; TS. Lê Văn Công - Hà Nội - Viện Địa lý, 2020 - 11/2016 - 11/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu tổng quan trên cơ sở thu thập, hệ thống hóa, phân tích các tài liệu cơ bản đã có liên quan đến đề tài. Nghiên cứu, điều tra khảo sát các yếu tố thủy hải văn, địa hình, địa mạo, bùn cát, hiện trạng xói lở - bồi tụ bờ biển, bồi lấp cửa sông, biến động hình thái khu vực vùng cửa sông, ven bờ từ Quảng Nam đến Phú Yên trong điều kiện biến đổi khí hậu, nước biển dâng. Nghiên cứu tác động của hệ thống công trình thủy lợi, thủy điện trên lưu vực sông Vu Gia - Thu Bồn đến quá trình xói lở bờ biển, bồi lấp cửa sông ở khu vực Cửa Đại, tỉnh Quảng Nam. Nghiên cứu thiết lập mô hình tính toán, mô phỏng các quá trình thủy động lực, vận chuyển bùn cát và biến động hình thái vùng cửa sông: Cửa Đại (Quảng Nam) và bờ biển phụ cận (mô hình thủy triều, sóng, dòng chảy và vận chuyển bùn cát, diễn biến đường bờ).

Số hồ sơ lưu: 17147

76300. 04-2021 **Nghiên cứu các giải pháp khoa học, công nghệ hạn chế xâm nhập mặn đối với các tầng chứa nước ven biển miền**

Trung trong bối cảnh biến đổi khí hậu; ứng dụng thí điểm cho công trình cụ thể trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận/ TS. Tạ Thị Thoảng, TS. Trần Thành Lê; PGS. TS. Phạm Quý Nhân; ThS. Lê Việt Hùng; TS. Đặng Đức Nhận; PGS. TS. Nguyễn An Thịnh; ThS. Đặng Trần Trung; ThS. Nguyễn Thế Chuyên; TS. Trần Vũ Long; ThS. Phạm Hoàng Anh - Hà Nội - Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội, 2019 - 12/2016 - 12/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Đánh giá được thực trạng xâm nhập mặn (XNM) các tầng chứa nước ven biển miền Trung. Xác định được các nhân tố ảnh hưởng và đánh giá được mức độ dễ bị tổn thương các tầng chứa nước ven biển miền Trung đối với xâm nhập mặn trong bối cảnh biến đổi khí hậu và nước biển dâng. Đề xuất được và thử nghiệm thành công một số giải pháp khoa học, công nghệ hạn chế xâm nhập mặn đối với các tầng chứa nước ven biển trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận trong điều kiện biến đổi khí hậu. Thiết kế công trình điển hình hạn chế xâm nhập mặn đối với các tầng chứa nước ven biển Ninh Thuận.

Số hồ sơ lưu: 17164

76410. 04-2021 Nghiên cứu chế tạo vật liệu hấp phụ từ than bùn để xử lý nước thải ao nuôi cá tra/ PGS. TS. Hồ Sỹ Thắng, TS. Bùi Văn Thắng; ThS. Huỳnh Thị Thanh Trúc; ThS. Nguyễn Thị Huỳnh Như; TS. Đặng Kim Tại; ThS. Nguyễn Minh Thảo; KS. Nguyễn Chí Bình - Đồng Tháp - Trường Đại học Đồng

Tháp, 2019 - 03/2017 - 02/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Chế tạo được vật liệu hấp phụ từ than bùn và đánh giá khả năng loại bỏ một số chất gây ô nhiễm trong nước thải ao nuôi cá tra. Xác định được điều kiện thích hợp để chế tạo vật liệu hấp phụ từ than bùn, vật liệu có khả năng hấp phụ tốt các chất hữu cơ, dinh dưỡng trong môi trường nước. Xác định được quy luật, các đại lượng của quá trình hấp phụ NH_4NO_3 , các thông số của quá trình xử lý chất dinh dưỡng, chất hữu cơ trong nước thải. Đánh giá khả năng xử lý các chất gây ô nhiễm trong nước thải ao nuôi cá tra bằng mô hình xử lý chảy liên tục, sử dụng vật liệu hấp phụ chế tạo từ than bùn...

Số hồ sơ lưu: 17248

20702. Kỹ thuật dầu khí (dầu mỏ, khí đốt)

77002. 04-2021 Nghiên cứu chế tạo hệ hóa phẩm khử oxy hiệu quả cao sử dụng trong khoan khai thác dầu khí trên cơ sở các hợp chất hữu cơ thân thiện môi trường/ TS. Vũ Hoàng Duy, KS. Hoàng Anh Dũng; ThS. Ngô Thị Nguyên; KS. Nguyễn Thanh Hưng; TS. Nguyễn Văn Ngọc; KS. Phạm Ngọc Sơn - Hà Nội - Chi nhánh Tổng Công ty Dung dịch Khoan và Hóa phẩm Dầu khí-CTCP-Trung tâm Nghiên cứu ứng dụng và dịch vụ kỹ thuật, 2019 - 11/2017 - 06/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Khảo sát đánh giá các chất khử oxy hữu cơ, đáp ứng yêu cầu kỹ thuật khoan và khai thác dầu khí, thân

thiện môi trường để tiến tới lựa chọn các chất khử oxi đạt yêu cầu. Nghiên cứu, khảo sát, đánh giá ảnh hưởng của chất khử oxi hữu cơ sử dụng trong dung dịch khoan, dung dịch packer và nước bơm ép. Tối ưu hóa các thông số, xây dựng quy trình pha chế hóa phẩm khử oxi hữu cơ sử dụng trong dung dịch khoan, dung dịch packer và nước bơm ép. Xây dựng các tài liệu phân tích đánh giá chất lượng sản phẩm, tài liệu an toàn, tài liệu hướng dẫn sử dụng hóa phẩm khử oxi sử dụng trong khoan và khai thác dầu khí nói chung.

Số hồ sơ lưu: 17401

20704. Viễn thám

76278. 04-2021 **Đánh giá tác động ô nhiễm không khí lên sức khỏe sử dụng cách tiếp cận tích hợp từ công nghệ ảnh viễn thám/** PGS. TS. Nguyễn Thị Nhật Thanh, TS. Nguyễn Thị Trang Nhung; PGS. TS. Trần Minh Điền; GS. TS. Ngô Quý Châu; TS. Bùi Quang Hưng; ThS. Phạm Văn Hà; ThS. Trần Tuấn Vinh - Hà Nội - Trường Đại học Công nghệ, 2020 - 04/2017 - 04/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Mô hình hóa việc ước tính ô nhiễm không khí sử dụng ảnh vệ tinh đa nguồn. Đánh giá tác động của ô nhiễm không khí lên các bệnh về hô hấp và tim mạch trên vùng đồng bằng sông Hồng. Xây dựng và phát triển mạng lưới nghiên cứu và các ứng dụng liên ngành Viễn thám – Công nghệ thông tin – Y tế cộng đồng.

Số hồ sơ lưu: 17135

20705. Khai thác mỏ và xử lý khoáng chất

76213. 04-2021 **Nghiên cứu, thiết kế, tích hợp trung tâm điều khiển, giám sát Nhà máy sàng tuyển than Vàng Danh 2/** ThS. Phạm Văn Hiếu, ThS. Phạm Văn Hiếu; ThS. Hứa Ngọc Sơn; KS. Lê Văn Thông; KS. Nguyễn Đức Hùng; KS. Phương Mạnh Tuấn; KS. Trần Văn Tùng; ThS. Bùi Thị Nhân; ThS. Nguyễn Tuấn Nghĩa; KS. Phạm Trung Kiên - Hà Nội - Viện Cơ khí Năng lượng và Mỏ - Vinacomin, 2018 - 12/2015 - 02/2018. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu thiết kế, tích hợp trung tâm điều khiển, giám sát toàn bộ các hạng mục của nhà máy sàng tuyển than Vàng Danh 2; Lập trình điều khiển, giao diện, giám sát các hạng mục của nhà máy sàng tuyển than Vàng Danh 2; Lắp đặt, kiểm tra, hiệu chỉnh và vận hành các chức năng của trung tâm điều khiển, giám sát nhà máy sàng tuyển than Vàng Danh 2.

Số hồ sơ lưu: 17124

3. Khoa học y, dược

301. Y học cơ sở

30101. Giải phẫu học và hình thái học

76285. 04-2021 **Nghiên cứu đặc điểm nhân trắc đầu mặt ở người Việt Nam để ứng dụng trong y học/** PGS. TS. Trương Mạnh Dũng, PGS. TS. Võ Trương Như Ngọc; BS. Trương Đình Khởi; ThS. Hoàng Thị Đợi; BS. Vũ Văn Xiêm; ThS. Chu Văn Tuệ Bình;

ThS. Nguyễn Hùng Hiệp; ThS. Nguyễn Lê Hùng; ThS. Nguyễn Hoàng Minh; PGS. TS. Lê Hoàng Sơn; ThS. Cù Nguyên Giáp; PGS. TS. Tống Minh Sơn; PGS. TS. Vũ Mạnh Tuấn; PGS. TS. Nguyễn Thị Thu Phương; PGS. TS. Nguyễn Văn Ba; ThS. Trần Lê Giang; PGS. TS. Ngô Văn Toàn; ThS. Trần Hương Trà; KS. Trần Thị Diệu Trinh - Hà Nội - Trường Đại học Y Hà Nội, 2019 - 10/2016 - 09/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Phân tích mô mềm khuôn mặt bằng hình ảnh để tìm ra các đặc điểm mang tính nhân trắc học cung cấp một khối lượng lớn thông tin nhằm hướng đến những giá trị chuẩn hóa của các kích thước mặt khác nhau ở một nhóm đối tượng cụ thể. Các chỉ số này giúp việc chẩn đoán các bất thường ở mặt dễ dàng hơn và cũng góp phần đưa ra kế hoạch điều trị tốt nhất cho bệnh nhân, đặc biệt là các bệnh nhân chỉnh nha hay bệnh nhân phẫu thuật hàm mặt, phẫu thuật thẩm mỹ. Thẩm mỹ khuôn mặt bị chi phối bởi nhiều yếu tố như màu tóc, màu da, màu mắt và yếu tố hài hoà, trong các yếu tố này thì hài hoà là yếu tố cơ bản đầu tiên và cũng là yếu tố có thể đánh giá được một cách khách quan dựa vào các chỉ số đầu mặt và các tiêu chuẩn. Đánh giá thẩm mỹ khuôn mặt chủ yếu trên mô mềm, tuy vậy cũng cần phân tích thêm khung xương và răng nâng đỡ bên dưới. Các nghiên cứu mô mềm đã khẳng định tầm quan trọng mô mềm mặt trong tạo dáng cũng như trong các can thiệp cải thiện hình thái mặt, giúp tiên lượng sự phát triển cũng như phát hiện sớm các

lệch lạc hàm mặt. Phân tích mô mềm hoàn chỉnh sẽ mang giá trị hình thái quan trọng, giúp cho việc xác định thẩm mỹ khuôn mặt dễ dàng hơn.

Số hồ sơ lưu: 17139

30103. Miễn dịch học

76589. 04-2021 Nghiên cứu áp dụng quy trình xác định phức hợp kháng nguyên bạch cầu người (HLA) độ phân giải cao bằng phương pháp giải trình tự gen/ TS. Đỗ Đức Minh, TS. Mai Phương Thảo; TS. Hoàng Anh Vũ; TS. Nguyễn Hoài Nghĩa; CN. Nguyễn Thế Vinh; CN. Lương Bắc An; KTV. Nguyễn Huỳnh Minh Quân - TP. Hồ Chí Minh - Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh, 2019 - 07/2017 - 07/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Chuẩn hóa quy trình định tí HLA (lớp I và II) độ phân giải cao (mức 6 chữ số) bằng phương pháp giải trình tự thế hệ mới dùng nền tảng Illumina. Xây dựng quy trình định tí HLA (lớp I và II) độ phân giải cao (mức 4 chữ số) bằng phương pháp giải trình tự Sanger kết hợp với tạo dòng. So sánh kết quả của 2 phương pháp ở các nội dung: độ phân giải, độ chính xác, tính lặp lại, giá thành, thời gian trả kết quả. Mô tả được tần suất alen HLA lớp I và II với độ phân giải cao trên 100 người Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: HCM-054-2020

30108. Vi sinh vật học y học

75177. 04-2021 Nghiên cứu một số đặc điểm dịch tễ, lâm sàng, cận lâm sàng của bệnh giun đầu

gai ở người tại một số điểm miền Trung - Việt Nam/ PGS. TS. Nguyễn Văn Chương, TS. Bùi Văn Tuấn; TS. Huỳnh Hồng Quang; ThS. Lê Hữu Cầu; ThS. Lý Chanh Ty; ThS. Huỳnh Thị Thanh Xuân; ThS. Nguyễn Hữu Giáo; ThS. Nguyễn Thị Minh Trinh; ThS. Trần Bình Trọng - Bình Định - Viện Sốt rét-Ký sinh trùng-Côn trùng Quy Nhơn, 2019 - 05/2017 - 05/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Bệnh giun đầu gai do ấu trùng *Gnathostoma* spp. gây ra là bệnh ký sinh trùng truyền từ động vật sang người với nhiều loài khác nhau, tuy nhiên loài *Gnathostoma spinigerum* là thường gặp nhất ở khu vực các nước tiểu vùng sông Mê Kông, kể cả Việt Nam. Đề tài xác định được tỷ lệ nhiễm giun đầu gai, một số yếu tố sẽ góp phần vào sự phân bố bệnh giun đầu gai khu vực miền Trung - Tây nguyên, đồng thời đề xuất các biện pháp can thiệp cộng đồng nhằm giảm tỷ lệ mắc tại cộng đồng; Mô tả được một số đặc điểm dịch tễ bệnh giun đầu gai ở người tại một số điểm của miền Trung; Mô tả được một số đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng trên các bệnh nhân mắc bệnh giun đầu gai; Xác định được loài giun đầu gai tại các điểm nghiên cứu bằng sinh học phân tử.

Số hồ sơ lưu: 16695

302. Y học lâm sàng

30202. Sản khoa và phụ khoa

76298. 04-2021 Nghiên cứu xây dựng quy trình BoBs để chẩn đoán trước sinh trong phát hiện một số lệch bội và mất đoạn nhỏ nhiễm sắc thể/ PGS. TS. Trần Danh

Cường, PGS. TS. Trần Danh Cường; PGS. TS. Hoàng Thị Ngọc Lan; ThS. Nguyễn Thị Huyền Linh; ThS. Lê Phương Thảo; KTV. Bùi Đức Thắng; ThS. Bùi Thị Xuân Minh; ThS. Nguyễn Mỹ Anh; TS. Đỗ Quan Hà; ThS. Phạm Văn Định; CN. Nguyễn Thùy Trang; BS. Nguyễn Thị Vân Anh; KTV. Ngô Thị Tuyết Nhung; KTV. Đoàn Thị Thanh Huyền; BS. Phan Thị Thu Giang; CN. Ngô Văn Phương; KTV. Nguyễn Thành Công; KTV. Nguyễn Hoàng Anh - Hà Nội - Bệnh viện Phụ sản Trung ương, 2020 - 04/2018 - 03/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Hoàn chỉnh được quy trình kỹ thuật BoBs để chẩn đoán trước sinh trong phát hiện một số lệch bội và mất đoạn nhỏ nhiễm sắc thể hay gặp. Đánh giá hiệu quả của kỹ thuật BoBs so với kỹ thuật di truyền tế bào - phân tích nhiễm sắc thể. Đây là phương pháp phát hiện nhanh chóng, lượng mẫu lấy không cần nhiều chỉ cần khoảng 100-150ng ADN, kết quả rõ ràng dễ đánh giá.

Số hồ sơ lưu: 17156

303. Y tế

30301. Khoa học về chăm sóc sức khỏe và dịch vụ y tế (bao gồm cả quản trị bệnh viện, tài chính y tế,..)

76403. 04-2021 Nghiên cứu các giải pháp nâng cao năng lực bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cộng đồng vùng biên giới Tây Nguyên và tạo sản phẩm hàng hóa từ nguồn dược liệu bản địa/ GS.TS. Phạm Gia Khánh, PGS.TS. Nguyễn Văn Ba; GS.TS. Bùi

Thị Thu Hà; PGS.TS.Hoàng Văn Minh; PGS.TS.Nguyễn Thúy Quỳnh; PGS.TS.Phạm Trí Dũng; TS.Nguyễn Văn Chuyên; PGS.TS.Vũ Bình Dương; TS.Chữ Văn Mến; TS.Vũ Tuấn Anh - Hà Nội - Trường Đại học Y tế Công cộng, 2019 - 12/2016 - 11/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xác định mô hình bệnh tật và giải pháp tăng cường năng lực bảo vệ chăm sóc sức khỏe cộng đồng vùng biên giới Tây Nguyên do tác động của di, biến động dân số và hiện tượng thời tiết khí hậu cực đoan. Xây dựng quy trình chuyển giao công nghệ tạo sản phẩm hàng hóa từ nguồn dược liệu bản địa, góp phần xóa đói giảm nghèo đảm bảo an ninh biên giới.

Số hồ sơ lưu: 17254

304. Dược học

30403. Dược liệu học; cây thuốc; con thuốc; thuốc Nam, thuốc dân tộc

74290. 04-2021 Nghiên cứu công nghệ chiết xuất bột chiết giàu protodioscin có tác dụng tăng cường sinh lực nam từ cây Bạch Tật Lê (*Tribulus terrestris* L.)/ TS. Phạm Hương Sơn, TS. Nguyễn Thị Lại; PGS. TS. Nguyễn Tiến Đạt; CN. Phạm Thanh Bình; TS. Nguyễn Mạnh Hà; Nguyễn Minh Tân; ThS.Trương Thị Chiên; ThS.Trần Bảo Trâm; Kỹ sư.Nguyễn Thị Bình - Hà Nội - Viện Ứng dụng công nghệ, 2019 - 01/2017 - 12/2018. (Đề tài cấp Bộ)

Thiết lập được điều kiện chiết cao giàu protodioscin từ cây Bạch tật lê bao gồm: Chiết hồi lưu Bạch tật lê trong ethanol 50% ở 95oC trong 2h, 3 lần. Thử nghiệm trên chuột cho thấy hai nhóm dùng dịch chiết Bạch tật lê với liều 5 mg/kg/ngày và 10 mg/kg/ngày có nồng độ testosterone cao hơn so với đối chứng với $P < 0,05$; chứng tỏ cao chiết Bạch tật lê có tác dụng làm tăng nồng độ hormon testosterone trong máu dẫn đến tăng cường khả năng sinh sản nam giới. Đề xuất TCCS cho chế phẩm bột saponin steroid giàu protodioscin từ Bạch tật lê gồm các tiêu chí: Độ ẩm, màu sắc, hàm lượng protodioscin, các tiêu chí vệ sinh an toàn thực phẩm...

Số hồ sơ lưu: 16391

76452. 04-2021 Nghiên cứu tác dụng kháng vi khuẩn *Streptococcus mutans* và độc tính của phân đoạn chiết lá sim/ PGS. TS. Phạm Văn Liệu, TS.Bạch Thị Như Quỳnh; PGS.TS.Nguyễn Thị Mai Phương; ThS.Quách Thị Liên; TS.Nguyễn Thị Liên; ThS.Bùi Hải Ninh; CN.Nguyễn Thị Hồng; CN.Nguyễn Văn Thành; ThS.Nguyễn Thị Thắm; ThS.Nguyễn Bảo Trân; ThS.Nguyễn Thị Minh Ngọc - Hải Phòng - Trường Đại học Y dược Hải Phòng, 2019 - 01/2017 - 01/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Sàng lọc tác dụng kháng vi khuẩn *S. mutans* của các phân đoạn chiết từ lá Sim. Tinh sạch chất có hoạt tính kháng vi khuẩn sâu răng mới từ phân đoạn có hoạt tính đã lựa chọn. Nghiên cứu cơ chế ức chế sự sinh axit của vi khuẩn *S.*

mutans bởi chất tinh sạch được. Nghiên cứu cơ chế ức chế sự hình thành biofilm của vi khuẩn *S. mutans* bởi chất tách được từ lá sim. Phân lập và đánh giá tác dụng kháng vi khuẩn *S. mutans* của chất phân lập được. Đánh giá độc tính tại chỗ, độc tính cấp và bán trường diễn của phân đoạn chiết từ lá sim.

Số hồ sơ lưu: 17269

76995. 04-2021 **Hoàn thiện quy trình công nghệ sản xuất viên nang Zerumboner từ cây Gừng gió Việt Nam (*Zingiber Zerumbet Smith*) để hỗ trợ điều trị ung thư/** PGS.TS. Văn Ngọc Hường, DS. Nguyễn Quang Bang; CN. Phạm Thị Tuyết Trinh; Nguyễn Đức Thu; DS. Nguyễn Quang Minh; ThS. Lương Đức Bằng; DS. Trương Thị Tư; TS. Lê Anh Tuấn; ThS. Nguyễn Thanh Bình - Bắc Ninh - Công ty Cổ phần Dược phẩm Bắc Ninh, 2015 - 01/2013 - 07/2016. (Đề tài cấp Quốc gia)

Biến cây gừng gió (*Zingiber zerumbet Smith*) từ hoang dại thành cây trồng đại trà để làm nguyên liệu cho công nghiệp sản xuất viên nang Zerumboner. Hoàn thiện quy trình công nghệ sản xuất Zerumbone 99,5%, xây dựng công xưởng mua sắm, lắp đặt trang thiết bị để sản xuất zerumbone 99,5% đủ cho nhu cầu của thị trường. Hoàn thiện quy trình công nghệ sản xuất viên nang Zerumboner, mua sắm trang thiết bị và xây nhà máy để sản xuất viên nang Zerumboner. Nghiên cứu phân tích chất lượng sản phẩm, bảo quản sản phẩm để đưa viên nang

Zerumboner phục vụ cộng đồng hỗ trợ điều trị ung thư.

Số hồ sơ lưu: 17393

30404. Hoá dược học

76354. 04-2021 **Nghiên cứu chế tạo chất dẫn thuốc ung thư trên cơ sở vật liệu nano kim loại - hữu cơ (một kim loại)/** PGS. TS. Nguyễn Thị Hoài Phương, PGS.TS.Ninh Đức Hà; ThS.Trần Văn Chinh; TS.Phùng Xuân Thịnh; ThS.Lê Thanh Bắc; ThS.Phạm Thị Thu Hạnh; TS.Nguyễn Hữu Vân; ThS.Nguyễn Công Thắng; TS.Hàn Trung Điền; TS.Đỗ Thị Thảo - Hà Nội - Viện Khoa học và Công nghệ quân sự, 2020 - 03/2017 - 09/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng được quy trình chế tạo chất dẫn thuốc ung thư trên cơ sở vật liệu nano kim loại - hữu cơ 20g/m² (1 kim loại). Thử nghiệm, đánh giá khả năng dẫn thuốc của chất chế tạo được. Nghiên cứu tổng hợp và tinh chế vật liệu nano kim loại - hữu cơ sắt (III). Nghiên cứu kỹ thuật mang hoạt chất và đánh giá khả năng mang - nhả thuốc của vật liệu nano kim loại - hữu cơ trên cơ sở sắt (III). Nghiên cứu khả năng ức chế tế bào ung thư của chế phẩm trung gian. Hoàn chỉnh quy trình chế tạo chất dẫn thuốc và chế phẩm mang dược chất. Xây dựng tiêu chuẩn về nguyên liệu và chế phẩm mang dược chất.

Số hồ sơ lưu: 17225

76359. 04-2021 **Hoàn thiện quy trình công nghệ sản xuất cao**

khô bán thành phẩm và thuốc Phong tê thấp Bà Giằng/ PGS. TS. Nguyễn Thị Hoàng Anh, PGS.TS. Trịnh Thị Thủy; TS. Nguyễn Thanh Tâm; TS. Trần Đức Quân; ThS. Đào Đức Thiện; DS CK1 Hoàng Quốc Vinh; CN. Dược sĩ Nguyễn Thị Hà; KTV. Lương y Phạm Thị Giang - Thanh Hóa - Doanh nghiệp tư nhân Sản xuất thuốc Y học cổ truyền Bà Giằng, 2019 - 06/2016 - 12/2018. (Đề tài cấp Quốc gia)

Hoàn thiện quy trình công nghệ sản xuất cao chiết đạt tiêu chuẩn cơ sở làm nguyên liệu sản xuất thử 1 triệu viên nang cứng thuốc Phong tê thấp Bà Giằng an toàn, có tác dụng chống viêm và giảm đau. Việc triển khai Dự án nhằm kế thừa, phát huy và hiện đại hóa những bài thuốc hay, những kinh nghiệm quý của y học cổ truyền đã được sử dụng từ lâu đời là một trong những hướng nghiên cứu đáng được chú ý, quan tâm. Kết quả của Dự án góp phần bảo vệ, nâng cao sức khỏe cho cộng đồng, đặc biệt là tuy thuốc ở dạng bào chế mới nhưng vẫn đảm bảo giá thành hợp lý, phù hợp với thu nhập của số người lao động chiếm tỉ lệ cao trong xã hội. Sau khi sản xuất thành công, không những đáp ứng nhu cầu trong nước mà còn tạo ra triển vọng hướng tới xuất khẩu.

Số hồ sơ lưu: 17235

76363. 04-2021 Đường tín hiệu leptin trong điều hòa biểu hiện gen tyrosine hydroxylase và sự sinh tổng hợp các

catecholamine/ TS. Đoàn Văn Khánh, TS. Nguyễn Thị Tuyết; TS. Tạ Văn Quang; CN. Hồ Tiên Sinh; GS.TS. Ki Woo Kim; CN. Dong Hwee Son - Long An - Trường Đại học Tân Tạo, 2020 - 12/2017 - 12/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu tác động của yếu tố phiên mã STAT3 lên sự phiên mã/biểu lộ gen TH và vai trò của đường tín hiệu leptin và các đường tín hiệu STAT3 và P13K/FoxO1 phía dưới trong sự điều hòa phiên mã/biểu lộ gen TH in vitro và in vivo. Nghiên cứu mối tương quan giữa nồng độ leptin trong huyết tương và nồng độ catecholamine nền trong sự tiến triển béo phì và tác động của việc ức chế cường giao cảm bằng thuốc chẹn beta, carvedilol, lên sự dung nạp glucose và độ nhạy cảm insulin in vitro.

Số hồ sơ lưu: 17237

305. Công nghệ sinh học trong y học

30501. Công nghệ sinh học liên quan đến y học, y tế

74267. 04-2021 **Nghiên cứu công nghệ sản xuất chế phẩm ergosterol từ Saccharomyces cerevisiae ứng dụng trong sản xuất thực phẩm chức năng/ PGS. TS. Lê Bạch Mai, PGS. TS. Nguyễn Xuân Ninh; PGS. TS. Vũ Thị Thu Hiền; ThS. Đỗ Thị Bảo Hoa; TS. Nguyễn Hoàng Long; ThS. Nguyễn Mạnh Đạt; ThS. Trần Hoàng Quyên; ThS. Vũ Thị Kim Thoa; ThS. Nguyễn Thị Yên Hà - Hà Nội - Viện Dinh**

Dưỡng, 2019 - 01/2011 - 06/2014.
(Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng quy trình công nghệ sản xuất ergosterol từ nấm men *Saccharomyces cerevisiae* và chuyển hóa ergosterol thành vitamin D₂. Xây dựng quy trình công nghệ và sản xuất 2 sản phẩm chức năng để dự phòng và hỗ trợ điều trị bệnh còi xương ở trẻ em và loãng xương ở người trưởng thành. Đánh giá hiệu quả của 2 sản phẩm trên đối với cải thiện tình trạng xương và vitamin D ở trẻ em và người lớn.

Số hồ sơ lưu: 16386

76605. 04-2021 **Đặc điểm gen học hệ gen ty thể và đơn vị sao chép ribosome của một số loài sán lá gây bệnh trên người ở họ Paragonimidae, Heterophyidae, Echinochasmidae/ Echinostomatidae và ứng dụng nghiên cứu dịch tễ học phân tử tại Việt Nam/** GS. TS. Lê Thanh Hòa, ThS. Nguyễn Thị Khuê; TS. Đoàn Thị Thanh Hương; TS. Nguyễn Thị Bích Nga; ThS. Lê Thị Việt Hà; ThS. Đỗ Thị Roan; TS. Lê Thị Kim Xuyên - Hà Nội - Viện Công nghệ Sinh học, 2020 - 12/2017 - 12/2019.
(Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu gen học hệ gen ty thể sán lá phổi họ Paragonimidae, phân tích đặc điểm gen, xác định vị trí phân loại, nguồn gốc, phả hệ trong và ngoài họ Paragonimidae và lớp Trematoda. Nghiên cứu gen học hệ gen ty thể sán lá ruột nhỏ họ Heterophyidae, phân tích đặc điểm gen, xác định vị trí phân loại, nguồn gốc, phả hệ trong và ngoài họ

Heterophyidae, mối quan hệ với họ Opisthorchiidae và trong lớp Trematoda. Nghiên cứu gen học ty thể và đơn vị sao chép ribosome (rTU) của sán lá ruột họ Echinostomatidae/Echinochasmidae, phân tích đặc điểm gen, mối quan hệ về loài; xác định phân loại và tiến hóa trong và ngoài phân họ Echinostomatoidea, Opisthorchioidea và lớp Trematoda.

Số hồ sơ lưu: 17292

30503. Công nghệ liên quan đến xác định chức năng của ADN, protein, enzym và tác động của chúng tới việc phát bệnh; đảm bảo sức khỏe (bao gồm cả chẩn đoán gen, các can thiệp điều trị trên cơ sở gen (dược phẩm trên cơ sở gen

76455. 04-2021 **Thiết kế chế tạo cảm biến điện hóa vi dòng chảy tích hợp điện cực giả/so sánh dùng cho chế tạo vật liệu cấu trúc nano nhằm cố định ADN/** TS. Chu Thị Xuân, PGS.TS.Mai Anh Tuấn; TS.Đỗ Phúc Quân; ThS.Trần Thị Hà; KS.Nguyễn Thị Thái; KS.Triệu Văn Vũ Quân - Hà Nội - Viện Đào tạo Quốc tế về Khoa học Vật liệu (ITIMS), 2020 - 08/2016 - 02/2020.
(Đề tài cấp Quốc gia)

Tìm ra được cấu trúc cảm biến điện hóa tích hợp giả/điện cực so sánh phù hợp để thay thế điện cực so sánh truyền thống cho cảm biến điện hóa nhằm tăng độ mật độ dòng, từ đó tăng độ nhạy của cảm biến và tiến tới phát triển phòng thí nghiệm trên chip. Thiết kế hệ vi kênh dựa trên vật liệu PDMS đơn giản, dễ tích hợp, dễ đo đạc, thu thập và xử lý số liệu

để tích hợp với hệ 3 điện cực tạo nên cảm biến điện hóa vi dòng chảy. Hiểu được tính chất của giả điện cực so sánh trong các phép đo điện hóa, từ đó tối ưu hóa thiết kế cho cảm biến điện hóa vi dòng chảy nhằm chế tạo các vật liệu dây, sợi hoặc hạt có cấu trúc micro/nano dùng cho cố định ADN. Hi vọng thiết bị mới này có thể làm tăng độ nhạy của cảm biến, góp phần phát hiện sớm và chính xác các mầm bệnh.

Số hồ sơ lưu: 17267

4. Khoa học nông nghiệp

401. Trồng trọt

40102. Thổ nhưỡng học

76267. 04-2021 Nghiên cứu giải pháp bảo vệ, phục hồi chất lượng đất phục vụ nâng cao chất lượng cây ăn quả ở miền núi: lấy ví dụ cam ở huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình và huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang/ TS. Trần Thị Tuyết Thu, ThS. Nguyễn Xuân Huân; TS. Trần Văn Tuấn; TS. Nguyễn Thị Phương Loan; TS. Trịnh Quang Pháp; TS. Nguyễn Thị Anh Đào; TS. Cao Văn Chí; ThS. Nguyễn Viết Hiệp; TS. Ngô Hồng Ánh Thu - Hà Nội - Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, 2020 - 01/2016 - 01/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Đánh giá ảnh hưởng tổng hợp của các yếu tố sinh thái và nhân sinh đến tình hình sản xuất cam và xác định được hiện trạng, các nguyên nhân gây suy thoái chất lượng đất trồng cam tại huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình và huyện Hàm Yên, tỉnh

Tuyên Quang. Trên cơ sở đó, đề xuất giải pháp công trình đảm bảo nguồn nước, môi trường an toàn và giải pháp quy hoạch diện tích đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững cây cam ở mỗi vùng. Nghiên cứu tổ hợp các biện pháp kỹ thuật sử dụng hợp lý hóa chất bảo vệ thực vật, phân bón hóa học, phân hữu cơ, phân và chế phẩm vi sinh nhằm bảo vệ, phục hồi, cải thiện chất lượng đất trồng cam, đáp ứng các yêu cầu sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP. Đề xuất mô hình canh tác sử dụng hợp lý phân bón, hóa chất, chế phẩm sinh học, cây che phủ cải tạo đất và có cơ sở khoa học để đảm bảo sản xuất cam bền vững.

Số hồ sơ lưu: 17157

40103. Cây lương thực và cây thực phẩm

76255. 04-2021 Sản xuất thử giống lúa lai hai dòng HQ21 tại các tỉnh phía Bắc/ PGS. TS. Trần Văn Quang, ThS. Nguyễn Thị Đông; KS. Lê Văn Huy; TS. Phùng Danh Huân; ThS. Trần Thị Huyền; ThS. Nguyễn Thị Kim Dung; KS. Hà Văn Duyên; KS. Đoàn Văn Sáu; ThS. Võ Thị Nhung - Hà Nội - Học viện Nông nghiệp Việt Nam, 2019 - 01/2018 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Hoàn thiện các quy trình chọn lọc duy trì các dòng bố mẹ SNC, quy trình nhân hạt nguyên chủng dòng bố mẹ, quy trình sản xuất hạt lai F1, qui trình canh tác giống lúa lai 2 dòng HQ21. Tổ chức sản xuất hạt giống các cấp: Sản xuất được 250 kg hạt mẹ, 200 kg hạt bố siêu nguyên chủng; 3.000 kg hạt mẹ, 1.000 kg hạt

bổ nguyên chủng và 25,0 tấn hạt lai F1. Xây dựng mô hình sản xuất lúa thương phẩm có năng suất 6,5 - 7,0 tấn/ha trong vụ Mùa và 7,0 - 8,0 tấn trong vụ Xuân. Đào tạo và tập huấn cán bộ kỹ thuật sản xuất hạt giống lúa lai F1 và lúa lai thương phẩm. Công nhận chính thức và đăng ký bảo hộ giống lúa lai hai dòng HQ21

Số hồ sơ lưu: 17120

76335. 04-2021 **Nghiên cứu tác động của mưa axit đến tính chất đất, quá trình phát triển và năng suất của cây đậu tương (Glycine Max) ở miền núi: lấy ví dụ tại tỉnh Hòa Bình và đề xuất các giải pháp thích ứng/** TS. Phạm Thị Thu Hà, ThS.Dương Ngọc Bách; ThS.Đỗ Thị Ngọc Ánh; PGS.TS.Trần Hồng Côn; PGS.TS.Trần Văn Thụy; TS.Phan Thị Ngọc Diệp; TS.Trần Thiện Cường; ThS.Kim Văn Chinh; CN.Lê Tuấn Sỹ - Hà Nội - Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, 2020 - 01/2016 - 01/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Xác lập mối quan hệ giữa ảnh hưởng của mưa axit đến quá trình phát triển của cây trồng nông nghiệp và sự thay đổi tính chất của đất trồng ở vùng nghiên cứu, làm cơ sở đề xuất các giải pháp thích ứng cho cây trồng nông nghiệp góp phần tăng năng suất hoặc tái cơ cấu ngành nông nghiệp trong vùng nghiên cứu và vùng có điều kiện tương tự. Xác định được các đặc trưng chính thành phần hóa học trong nước mưa, tải lượng lắng đọng axit trong giai đoạn 2000 - 2015 ở khu vực tỉnh Hòa Bình. Đánh giá tác động của mưa axit đến tính chất của đất, quá trình

phát triển và năng suất của cây đậu tương (Glycine max) ở khu vực tỉnh Hòa Bình. Có được một phần mềm đánh giá mưa axit tại tỉnh Hòa Bình trên cơ sở dữ liệu nghiên cứu. Đề xuất giải pháp thích ứng cho cây đậu tương ở tỉnh Hòa Bình và các vùng khác có điều kiện tương tự ở khu vực miền núi.

Số hồ sơ lưu: 17210

76444. 04-2021 **Nghiên cứu chọn tạo giống và biện pháp kỹ thuật trồng ngô trên đất lúa chuyển đổi tại vùng Đồng bằng Sông Cửu Long/** TS. Lê Quý Kha, TS.Trần Kim Định; TS.Hồ Cao Việt; TS.Trương Vĩnh Hải; ThS.Phạm Thị Phương Lan; KS.Phạm Văn Ngọc; CN.Lê Thị Đào; ThS.Nguyễn Đức Thành; TS.Châu Ngọc Lý; TS.Đặng Ngọc Hạ; ThS.Nguyễn Hữu Đệ; ThS.Bùi Xuân Mạnh; Kỹ sư.Nguyễn Cảnh Vinh; TS.Nguyễn Thị Quỳnh Thuận; ThS.Hồ Thị Thanh Sang; Kỹ sư.Mai Bá Nghĩa; ThS.Tôn Thị Thúy; ThS.Ngô Minh Dũng; ThS.Đoàn Vĩnh Phúc; ThS.Nguyễn Thị Bích Chi; CN.Vũ Hoàng Lãnh; ThS.Ngô Hồng Nguyên; KS.Đinh Thị Hương; ThS.Lương Thái Hà; ThS.Đỗ Thị Nhạn; ThS.Lê Thị Ngọc; ThS.Ngô Xuân Chinh - Hồ Chí Minh - Viện Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp miền Nam, 2020 - 01/2014 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Chọn được giống ngô tẻ lai, trong đó có ít nhất 01 giống được công nhận chính thức, chống chịu bệnh khô vằn, đốm lá lớn, đốm lá nhỏ, chống đổ, đạt năng suất 11 -12 tấn/ha ở vùng thâm canh. Xây dựng Quy trình kỹ thuật canh tác ngô phù

hợp trên đất lúa chuyển đổi tại Đồng bằng sông Cửu Long. Xây dựng mô hình thâm canh ngô trên đất lúa chuyển đổi, cho hiệu quả kinh tế tăng tối thiểu 15% so với trồng lúa.

Số hồ sơ lưu: 17263

76578. 04-2021 Nghiên cứu cải tiến giống lúa chất lượng BC15, BT7 cho các tỉnh phía Bắc/ TS. Phạm Thiên Thành, PGS. TS. Nguyễn Trí Hoàn; ThS. Tăng Thị Diệp; TS. Dương Xuân Tú; ThS. Đỗ Thị Hương; ThS. Tống Thị Huyền; ThS. Lê Thị Thanh; TS. Nguyễn Thị Minh Nguyệt; KS. Nguyễn Thị Thu; KS. Trần Mạnh Báo - Hải Dương - Viện cây lương thực và cây thực phẩm, 2020 - 01/2015 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Nâng cao khả năng chống chịu một trong những sâu bệnh hại chính cho giống BT7 (bạc lá điểm 3), BC15 (đạo ôn điểm 5), giữ được đặc tính giống gốc của BT7 và BC15 (năng suất, chất lượng, tính thích ứng) để phục vụ sản xuất ở các tỉnh phía Bắc. Cải tiến giống lúa BT7, năng suất đạt 5,0- 5,5tấn/ha (vụ mùa), phẩm chất gạo cao tương đương với giống BT7 trước khi cải tiến, chống chịu tốt với bạc lá \leq điểm 3. Cải tiến giống lúa BC15, năng suất đạt 7,0- 7,5tấn/ha (vụ xuân), phẩm chất gạo cao tương đương với giống BC15 trước khi cải tiến, chống chịu với đạo ôn cấp nhiễm 3 - 5. Xây dựng quy trình kỹ thuật canh tác cho giống lúa cải tiến đạt năng suất và hiệu quả cao.

Số hồ sơ lưu: 17294

40104. Cây rau, cây hoa và cây ăn quả

76622. 04-2021 **Nghiên cứu chọn tạo giống và gói kỹ thuật phát triển giống hoa lay ơn và hoa lan hồ điệp/** PGS. TS. Đặng Văn Đông, ThS. Chu Thị Ngọc Mỹ; ThS. Bùi Thị Hồng; TS. Đinh Thị Dinh; KS. Nguyễn Thị Hồng Nhung; ThS. Nguyễn Thị Vê; TS. Nguyễn Văn Tiến; ThS. Dương Văn Minh; ThS. Trần Thị Thúy; ThS. Nguyễn Thế Nhuận - Hà Nội - Viện nghiên cứu rau quả, 2020 - 01/2016 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu chọn tạo giống mới và xây dựng quy trình kỹ thuật cho giống hoa lay ơn, lan hồ điệp phù hợp với điều kiện sinh thái của từng vùng, có chất lượng cao hơn giống thông thường, hiệu quả tăng từ 1,2 - 1,5 lần so với các giống hiện có. Xây dựng quy trình nhân giống cho các giống triển vọng. Hoàn thiện quy trình sản xuất hoa thương phẩm (gói kỹ thuật nâng cao giá trị sản xuất cho giống nhập nội). Xây dựng mô hình trình diễn nhân giống và sản xuất hoa thương phẩm.

Số hồ sơ lưu: 17301

40106. Bảo vệ thực vật

74179. 04-2021 **Nghiên cứu hình thành chế phẩm sinh học phòng ngừa bệnh đốm trắng trên cây thanh long do nấm *Neoscytalidium dimidiatum* gây ra/** ThS. Lê Thanh Bình, ThS. Trương Minh Ngọc; KS. Nguyễn Thị Liên; KS. Đỗ Thị Thanh Dung; KS. Viên Thị Thanh Trúc; KS. Lê Thị Mỹ Hạnh; KS. Vũ Thị Như Nga;

ThS. Đỗ Thị Hồng Thịnh - TP. Hồ Chí Minh - Viện Ứng dụng công nghệ, 2019 - 01/2017 - 12/2018. (Đề tài cấp Bộ)

Khảo sát tình hình dịch bệnh thanh long trên địa bàn tỉnh Bình Thuận, phân lập nguồn nấm *N. dimidiatum* gây bệnh đốm trắng trên cây thanh long, Phân lập sàng lọc một số chủng vi sinh có khả năng đối kháng, ức chế mạnh nấm *N. dimidiatum*. Nghiên cứu khả năng đối kháng vi nấm *N. dimidiatum* của các chủng vi sinh trong điều kiện phòng thí nghiệm, khả năng phòng trị bệnh đốm trắng do nấm *N. dimidiatum* gây nên trên cây thanh long của các chủng vi sinh tuyển chọn trong điều kiện nhà màng. Từ các mẫu thanh long bệnh lấy tại Bình Thuận đã phân lập, làm thuần được 2 chủng *N. dimidiatum* là MB1 và MB3 cả hai chủng cho tỷ lệ bệnh đạt 96,67 - 100% sau 2 tuần thử nghiệm trên thân và trái thanh long.

Số hồ sơ lưu: 16349

74270. 04-2021 Nghiên cứu chế tạo cao chiết từ cây Hoàng cầm (*Scutellaria baicalensis georg.*) để làm chế phẩm BVTV kháng nấm gây bệnh đạo ôn trên lúa/ TS. Lê Đăng Quang, TS. Nguyễn Mai Cương; ThS. Hoàng Phương Lan; KS. Trần Thị Thu; KS. Nguyễn Thị Duyên; KS. Ngô Thị Ngại; ThS. Nguyễn Thị Vân; ThS. Mai Văn Quân - Hà Nội - Viện Hóa học Công nghiệp Việt Nam, 2019 - 01/2017 - 12/2018. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình chiết tách cao

chiết từ nguồn nguyên liệu cây Hoàng cầm như nhiệt độ, dung môi hữu cơ, pH, tỉ lệ dung môi/ nguyên liệu, thời gian chiết, số lần chiết. Phân tích chất và hoạt tính của chất trong cao chiết. Xác định cấu trúc đã tinh chế được bằng phương pháp phân tích phổ MS, NMR hoặc xác định bằng phương pháp so sánh với chất chuẩn qua phân tích sắc kí. Định lượng bằng HPLC các chất hoạt tính chính. Thử nghiệm hoạt tính in vitro kháng nấm trong phòng thí nghiệm của cao chiết với nấm gây bệnh đạo ôn (*Magnaporthe oryzae*). Phối trộn thử nghiệm tìm ra đơn chế tạo dạng chế phẩm đậm đặc có hoạt tính kháng nấm. Đánh giá hiệu quả in vivo kháng nấm gây bệnh đạo ôn trên lúa ở quy mô nhà lưới.

Số hồ sơ lưu: 16383

402. Chăn nuôi

40202. Di truyền và nhân giống động vật nuôi

76244. 04-2021 Sản xuất thử nghiệm vịt bố mẹ từ hai dòng vịt cao sản chuyên thịt V22 và V27/ ThS. Lê Thanh Hải, TS. Dương Xuân Tuyền; ThS. Hồ Văn Thế; ThS. Ngô Đức Vũ; ThS. Phạm Thị Như Tuyết; KS. Lê Văn Trang; ThS. Nguyễn Thị Bé Thơ; ThS. Nguyễn Đình Tuấn; KS. Nguyễn Đức Thoa; KS. Hoàng Văn Hải - Hà Nội - Viện Chăn nuôi, 2019 - 01/2017 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Ôn định năng suất của hai dòng vịt V22 và V27. Dòng trống V22 khối lượng cơ thể 7 tuần tuổi ăn tự do con trống 3400 - 3450 g, mái

3.250 - 3.300 g, hệ số biến dị khối lượng cơ thể 7 tuần tuổi $CV \leq 10\%$; dòng mái V27 năng suất trứng ≥ 210 quả/mái/42 tuần đẻ, hệ số biến dị khối lượng cơ thể 7 tuần tuổi $CV \leq 10\%$. Mỗi dòng đảm bảo tối thiểu 300 mái sinh sản. Vịt giống bố mẹ 24 tuần tuổi: vịt trống 3,9-4 kg/con, vịt mái 3,3-3,4 kg/con; năng suất trứng 42 tuần đẻ 210 quả/mái; tỷ lệ phôi $\geq 90\%$; tỷ lệ nở trên phôi $\geq 80\%$. Hoàn thiện được quy trình chăm sóc nuôi dưỡng vịt bố mẹ và quy trình chăm sóc nuôi dưỡng vịt thương phẩm chuyên thịt; Xây dựng được 3 mô hình nuôi nhốt vịt bố mẹ 5.000 mái sinh sản, 4 mô hình nuôi vịt thương phẩm 10.000 con đạt hiệu quả kinh tế tăng 5-7%.

Số hồ sơ lưu: 17137

76307. 04-2021 **Nghiên cứu tạo các tổ hợp lai giữa lợn nái Landrace và Yorkshire nhập khẩu từ Đan Mạch với một số lợn đực giống ngoại trong nước/ TS.** Nguyễn Hữu Tinh, TS.Vương Nam Trung; TS.Phạm Tất Thắng; ThS.Nguyễn Văn Hợp; ThS.Trần Văn Hào; ThS.Phạm Duy Phẩm; KS.Nguyễn Tiến Thông; ThS.Lê Quang Thành; KS.Trần Tuấn Tân; ThS.Phạm Ngọc Trung - Bình Dương - Viện Chăn nuôi, 2019 - 01/2015 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Chọn lọc, ổn định các đặc tính di truyền của nguồn gen nhập khẩu từ Đan Mạch và tạo được tổ hợp nái lai tổng hợp và các tổ hợp lai thương phẩm có năng suất sinh sản cao, thích ứng với điều kiện ở Việt Nam. Chọn lọc, ổn định các đặc tính di truyền của hai dòng lợn thuần

Yorkshire và Landrace nguồn gốc nhập nội từ Đan Mạch có các chỉ tiêu sinh sản: số con sơ sinh sống/ổ ≥ 12 con; số con cai sữa/ổ ≥ 11 con; khối lượng cai sữa/ổ $\geq 70,0$ kg; số lứa đẻ/lứa/năm $\geq 2,2$ lứa. Tạo được tổ hợp nái lai tổng hợp giữa hai dòng Yorkshire và Landrace trên có năng suất sinh sản: số con sơ sinh sống/ổ $\geq 12,5$ con; số con cai sữa/ổ $\geq 11,5$ con; khối lượng cai sữa/ổ $\geq 70,0$ kg; số lứa đẻ/lứa/năm $\geq 2,2$ lứa. Tạo tổ hợp lai thương phẩm giữa nái lai tổng hợp với Duroc/PiDu có tốc độ tăng trọng giai đoạn 30 - 100kg đạt từ ≥ 800 g/ngày; tiêu tốn thức ăn $\leq 2,5$ kgTĂ/kg tăng trọng; Xây dựng được quy trình chăn nuôi đàn lợn thuần Yorkshire và Landrace nhập từ Đan Mạch phù hợp với điều kiện chăn nuôi khí hậu, chuồng trại ở Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 17207

76353. 04-2021 **Nghiên cứu xây dựng chuỗi nhân giống cho 04 giống lợn cao sản/ TS.** Trịnh Hồng Sơn, ThS.Phạm Duy Phẩm; TS.Trịnh Quang Tuyên; ThS.Hoàng Đức Long; ThS.Nguyễn Tiến Thông; ThS.Nguyễn Long Gia; ThS.Lý Thị Thanh Hiên; ThS.Lê Quang Thành; TS.Phạm Tất Thắng; TS.Nguyễn Hữu Tinh - Hà Nội - Viện Chăn nuôi, 2019 - 01/2016 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Xây dựng được đàn lợn hạt nhân gồm các giống Landrace, Yorkshine; Duroc và Pietrian. Xây dựng được môi liên kết nhân giống trong chuỗi sản xuất giống lợn ngoại chất lượng cao. Chương trình quản

lý giống lợn bằng phần mềm theo mô hình tháp; Tuyển chọn đàn lợn giống hạt nhân Landrace, Yorkshire; Duroc và Pietrian; Xây dựng mối liên kết nhân giống trong chuỗi sản xuất giống; Quy trình chọn lọc nhân thuần đàn giống lợn hạt nhân được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công nhận.

Số hồ sơ lưu: 17230

40203. Thức ăn và dinh dưỡng cho động vật nuôi

76587. 04-2021 Nghiên cứu xây dựng quy trình công nghệ sản xuất khô dầu đậu nành lên men bán rắn sử dụng trong chăn nuôi/ TS. Phạm Huỳnh Ninh, TS. Trần Quốc Tuấn; ThS. Trương Phước Thiên Hoàng; TS. Đoàn Vĩnh; KS. Phan Ngọc Thảo; ThS. Phan Thị Tường Vi; CN. Vũ Minh; KS. Nguyễn Thị Hà; ThS. Nguyễn Thị Yên; KS. Đinh Thị Quỳnh Liên - TP. Hồ Chí Minh - Phân viện Chăn nuôi Nam Bộ, 2019 - 08/2017 - 07/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xây dựng quy trình công nghệ lên men bán rắn khô dầu đậu nành nhằm loại bỏ các chất kháng dinh dưỡng, chất gây dị ứng, nâng cao giá trị dinh dưỡng của khô dầu đậu nành. Phân lập và tuyển chọn chủng vi khuẩn thuộc giống *Bacillus* sp. và *Lactobacillus* sp. có khả năng ngoại tiết protease và α -galactosidase với hoạt tính cao (tương ứng ≥ 400 U/g canh trường và ≥ 20 U/g canh trường). Nghiên cứu xây dựng quy trình công nghệ lên men khô dầu đậu nành bằng công nghệ lên men bán rắn ổn định, loại bỏ được hơn 95%

chất gây dị ứng (glycinin, β -conglycinin) và chất ức chế trypsin; loại bỏ 60-70% chất kháng dinh dưỡng (raffinose và stachyose).

Số hồ sơ lưu: HCM-053-2020

77003. 04-2021 Nghiên cứu chế tạo KIT phát hiện nhanh Aflatoxin B1 trong thức ăn chăn nuôi và Aflatoxin M1 trong sữa tươi/ TS. Phạm Thị Ngọc, ThS. Trương Thị Quý Dương; TS. Nguyễn Thị Bích Thủy; TS. Nguyễn Thị Lan Anh; TS. Nguyễn Thị Thu Hằng; BSTY. Trần Thị Nhật; PGS.TS. Trương Quốc Phong; PGS.TS. Khuất Hữu Thanh; TS. Nguyễn Tiến Thành; ThS. Đỗ Thị Thu Hà; KTV. Nguyễn Hồng Minh; ThS. Trần Thị Thu Hằng - Hà Nội - Viện thú y, 2020 - 01/2017 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Xây dựng quy trình chế tạo, bảo quản và sử dụng KIT phát hiện nhanh Aflatoxin B1 trong thức ăn chăn nuôi và Aflatoxin M1 trong sữa tươi. Tiến hành chế tạo 1000 KIT có độ nhạy, độ đặc hiệu $\geq 90\%$, giới hạn phát hiện ≥ 5 ppb, kết quả phát hiện 3-5 phút, giá thành sản phẩm thấp hơn sản phẩm cùng loại nhập khẩu.

Số hồ sơ lưu: 17400

40204. Nuôi dưỡng động vật nuôi

76334. 04-2021 Nghiên cứu sản xuất thức ăn thay thế phần hoa cho ong ngoại (*Apis mellifera*) đảm bảo năng suất và an toàn thực phẩm/ TS. Trương Anh Tuấn, TS. Phạm Đức Hạnh; ThS. Bùi Trọng Diễm; ThS. Nguyễn Thông Thành;

KS.Nguyễn Quốc Hùng; KS.Phạm Văn Mạnh; ThS.Nguyễn Thị Thu Hà; ThS.Trần Ngọc Tiến; TS.Nguyễn Quang Huyền; TS.Trần Văn Toàn - Hà Nội - Viện Chăn nuôi, 2019 - 01/2017 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Sản xuất thành công thức ăn thay thế phần hoa đảm bảo dinh dưỡng cho đàn ong ngoại duy trì và phát triển trong mùa vụ thiếu phần hoa, góp phần thúc đẩy ngành ong phát triển bền vững. Đánh giá thực trạng sử dụng thức ăn thay thế phần hoa cho ong ngoại ở nước ta trong mùa vụ thiếu phần hoa tự nhiên. Nghiên cứu sản xuất được 1000kg thức ăn thay thế phần hoa cho ong đảm bảo các chỉ tiêu: độ mịn $\leq 500\mu\text{m}$, protein $>22\%$, độ ẩm $\leq 13\%$, giá thành hạ hơn so với sử dụng phần hoa tự nhiên 30% (được cơ quan có thẩm quyền kiểm nghiệm đạt yêu cầu). Xây dựng được quy trình sản xuất, bảo quản, sử dụng thức ăn bổ sung cho ong ngoại (*Apis mellifera*) đảm bảo năng suất và an toàn thực phẩm.

Số hồ sơ lưu: 17209

40206. Sinh trưởng và phát triển của động vật nuôi

76542. 04-2021 Nghiên cứu khẩu phần ăn phù hợp cho bò đực giống Brahman sản xuất tinh đông lạnh tại Việt Nam/ TS. Phùng Thế Hải, ThS. Đào Văn Lập; TS. Lê Bá Quế; TS. Phạm Văn Tiêm; ThS. Mai Thị Hà; TS. Phạm Kim Cương; TS. Lương Anh Dũng; ThS. Nguyễn Thị Thu Hòa; KS. Lê Thị Loan - Hà Nội

- Viện Chăn nuôi, 2020 - 01/2016 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Đánh giá thực trạng nuôi dưỡng và khả năng sản xuất tinh của đàn bò đực giống Brahman nuôi tại trạm nghiên cứu và sản xuất tinh đông lạnh Moncada. Nghiên cứu xác định mức năng lượng trao đổi và protein thô phù hợp trong khẩu phần nuôi bò đực giống Brahman; mức bổ sung khoáng vi lượng kẽm và selen phù hợp trong khẩu phần nuôi bò đực giống Brahman. Nghiên cứu khẩu phần ăn phù hợp cho bò đực giống Brahman; phương thức cho ăn phù hợp nuôi bò đực giống Brahman. Quy trình nuôi dưỡng bò đực giống Brahman sản xuất tinh đông lạnh.

Số hồ sơ lưu: 17290

405. Thủy sản

40501. Sinh lý và dinh dưỡng thủy sản

74172. 04-2021 Nghiên cứu sản xuất chế phẩm giàu astaxanthin có nguồn gốc từ vi khuẩn *Paracoccus carotinifaciens* bổ sung vào thức ăn cá cảnh, cá hồi và tôm bố mẹ/ TS. Nguyễn Quang Huy, TS. Nguyễn Thị Kim Liên; TS. Nguyễn Kim Thoa; TS. Vũ Văn In; TS. Võ Văn Bình; ThS. Nguyễn Thị Diệu Phương; PGS. TS. Nguyễn Huy Hoàng; ThS. Trần Thị Thanh Thúy; KS. Nguyễn Văn Khang - Bắc Ninh - Viện Nghiên cứu nuôi trồng thủy sản I, 2019 - 01/2016 - 12/2018. (Đề tài cấp Quốc gia)

Sản xuất chế phẩm giàu astaxanthin từ vi khuẩn *Paracoccus*

carotini-faciens bổ sung vào thức ăn cho cá cảnh, cá Hồi vân và tôm bố mẹ nước lợ. Phân lập và tuyển chọn được 1-2 chủng vi khuẩn Paracoccus carotini-faciens có khả năng sinh astaxanthin cao (20-30 mg astaxanthin/g sinh khối khô) từ biển Việt Nam. Xây dựng thành công 01 quy trình sản xuất sinh khối Paracoccus carotini-faciens giàu astaxanthin từ quy mô pilot (thiết bị lên men ≥ 100 L/m³). Sản xuất thành công 200 kg chế phẩm có hàm lượng astaxanthin $\geq 2\%$. Xác định được liều lượng và kỹ thuật bổ sung chế phẩm phù hợp vào trong thức ăn nuôi cá cảnh, cá Hồi vân và tôm bố mẹ (tôm sú và tôm chân trắng).

Số hồ sơ lưu: 16343

40502. Di truyền học và nhân giống thủy sản

76393. 04-2021 Sản xuất giống cá rô phi đỏ (điều hồng) chọn giống/ ThS. Trần Hữu Phúc, KS.Phạm Đăng Khoa; TS.Trịnh Quốc Trọng; ThS.Nguyễn Thanh Vũ; KS.Lê Trung Đình; KS.Huỳnh Thị Bích Liên; KS.Nguyễn Trung Ký; KS.Võ Thị Hồng Thắm; KS.Trần Thị Mộng Nghi; KS.Nguyễn Thanh Tiên - Hồ Chí Minh - Viện Nghiên cứu Nuôi trồng Thủy sản II, 2018 - 02/2016 - 12/2018. (Đề tài cấp Bộ)

Chủ động sản xuất giống cá rô phi đỏ bố mẹ có tốc độ tăng trưởng nhanh, chịu mặn từ nguồn cá chọn giống trong nước. Sản xuất được 75.000 con cá hậu bị (tỷ lệ giới tính 1 đực: 3 cái) từ đàn cá bố mẹ chọn giống thế hệ thứ 3

thuộc chương trình chọn giống cá rô phi đỏ tại Viện Nghiên cứu Nuôi trồng Thủy sản II (60.000 con nước ngọt và 15.000 con nước lợ). Cung cấp cho các doanh nghiệp và cơ sở sản xuất giống qui mô trung bình trở lên, đủ điều kiện theo đơn đặt hàng. Xây dựng 02 mô hình sản xuất giống, nuôi đánh giá chất lượng ở môi trường nước ngọt, sản xuất 1.200.000 cá giống/năm (2 năm) khối lượng 5g/con.

Số hồ sơ lưu: 17252

40504. Nuôi trồng thủy sản

76290. 04-2021 Nghiên cứu công nghệ nuôi thâm canh tôm hùm thương phẩm bằng thức ăn công nghiệp trong hệ thống tuần hoàn/ TS. Mai Duy Minh, TS. Nguyễn Đức Cự; TS. Lê Anh Tuấn; TS. Trần Đại Tiến; KS. Vũ Thị Bích Duyên; KTV. Mai Duy Hào; KS. Tô Đông Tịnh; ThS. Nguyễn Hoàng Uyên; ThS. Trần Thị Bích Thủy; ThS. Nguyễn Minh Hường; CN. Nguyễn Thị Thúy Thủy - Khánh Hòa - Viện Nghiên cứu Nuôi trồng Thủy sản III, 2018 - 01/2016 - 12/2018. (Đề tài cấp Bộ)

Hoàn thiện thiết kế hệ thống tuần hoàn nuôi thâm canh tôm hùm thương phẩm bằng thức ăn công nghiệp qui mô 200 m² ; Có được công thức thức ăn công nghiệp có hiệu quả tốt hơn thức ăn hiện có, thay thế hoàn toàn thức ăn tươi nuôi tôm hùm thương phẩm; Xây dựng được quy trình công nghệ nuôi thâm canh tôm hùm thương phẩm trong hệ thống tuần hoàn bằng thức ăn công nghiệp, tỉ lệ sống $\geq 80\%$; năng suất

5 - 7 kg tôm/ m² ; lượng nước thay trong tháng < 35 %; FCR < 4,2; kiểm soát được một số bệnh nguy hiểm thường gặp trên tôm hùm bông; được hội đồng KH-CN cấp Bộ đề nghị công nhận tiên bộ kỹ thuật.

Số hồ sơ lưu: 17148

76332. 04-2021 **Hỗ trợ thương mại hóa hệ thống giám sát, cảnh báo tự động một số chỉ tiêu môi trường nước phục vụ nuôi tôm thâm canh nước mặn, lợ trong ao đất tại khu vực Đồng bằng sông Cửu Long/** TS. Phan Thanh Lâm, ThS.Nguyễn Thị Quỳnh Ngọc; ThS.Đoàn Văn Bảy; TS.Nguyễn Minh Hà; Kỹ sư.Phan Phương Trinh; KS.Lê Đình Cẩn; KS.Nguyễn Trung Kiên; KS.Đỗ Huỳnh Hải Yên; ThS.Cao Thành Trung; KS.Nguyễn Phan Thảo; CN.Vũ Hiếu Hùng - TP. Hồ Chí Minh - Trung tâm Ứng dụng và dịch vụ Khoa Học và Công nghệ, 2018 - 12/2016 - 12/2018. (Đề tài cấp Quốc gia)

Hỗ trợ thương mại hóa và ứng dụng hiệu quả hệ thống giám sát, cảnh báo tự động một số chỉ tiêu môi trường nước phục vụ nuôi thâm canh tôm nước mặn, lợ trong ao đất tại khu vực Đồng bằng sông Cửu Long. Xây dựng phương án thương mại hóa hệ thống giám sát, cảnh báo tự động chất lượng nước phục vụ nuôi thâm canh tôm nước mặn, lợ trong ao đất với các chỉ tiêu: DO, nhiệt độ, pH, độ mặn và có công tích hợp thêm các đầu dò đo các chỉ tiêu NH₃, NO₂, H₂S. Hoàn thiện và chuẩn hóa hệ thống giám sát, cảnh báo tự động chất lượng nước phục vụ nuôi thâm canh tôm

nước mặn, lợ trong ao đất với các chỉ tiêu: DO, nhiệt độ, pH, độ mặn và có công tích hợp thêm các đầu dò đo các chỉ tiêu NH₃, NO₂, H₂S. Đào tạo, bồi dưỡng và chuyển giao hệ thống giám sát cho các doanh nghiệp hoặc các cơ sở sản xuất nuôi trồng thủy, hải sản. Tổ chức truyền thông theo chuyên đề về hệ thống giám sát, cảnh báo tự động một số chỉ tiêu môi trường nước phục vụ nuôi thâm canh tôm nước mặn, lợ trong ao đất tại khu vực đồng bằng sông Cửu Long.

Số hồ sơ lưu: 17208

76580. 04-2021 **Nghiên cứu thức ăn nuôi cua lột (Scylla sp.) năng suất cao trong hệ thống tuần hoàn/** TS.Nguyễn Thị Bích Ngọc, ThS. Nguyễn Cơ Thạch; ThS. Phạm Thị Kim Quyên; ThS. Lê Thị Nhàn; CN. Nguyễn Đình Huy; TS. Nguyễn Chí Thuận; ThS .Nguyễn Huyền Trang; ThS .Nguyễn Hoàng Uyên - Khánh Hòa - Viện Nghiên cứu Nuôi trồng Thủy sản III, 2020 - 01/2016 - 06/2018. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu thiết lập công thức thức ăn để sản xuất thức ăn nuôi cua lột. Xây dựng công thức thức ăn có tỷ lệ phối trộn phức hợp enzyme, cholesterol, chitosan và chất dẫn dụ phù hợp, hiệu quả nhằm kích thích cua lột đồng loạt, rút ngắn chu kì lột vỏ. Xây dựng quy trình công nghệ nuôi cua lột trong hệ thống tuần hoàn, sử dụng thức ăn viên (từ kết quả nghiên cứu tạo ra) đạt năng suất 1,0 – 1,5 kg/m². Xây dựng mô hình nuôi cua lột quy mô nông hộ đạt năng suất 1,0 – 1,5 kg/m².

Số hồ sơ lưu: 17296

406. Công nghệ sinh học nông nghiệp

40601. Công nghệ gen (cây trồng và động vật nuôi); nhân dòng vật nuôi;

74170. 04-2021 Nghiên cứu ảnh hưởng của bức xạ gamma Cobalt-60 lên sinh trưởng phát triển của rễ tơ cây bồ đề *Ficus religiosa* L. được cảm ứng và nuôi cấy bằng vi khuẩn *Agrobacterium rhizogenes*/ CN. Hà Thị Ngọc Trinh, ThS. Đoàn Phạm Ngọc Nga; CN. Cao Thị Bằng Giang - TP. Hồ Chí Minh - Trung tâm hạt nhân Thành phố Hồ Chí Minh, 2019 - 01/2018 - 12/2018. (Đề tài cấp Cơ sở)

Xác định một số điều kiện thích hợp cho nuôi cấy rễ tơ cây bồ đề được cảm ứng bằng vi khuẩn *A. Rhizogenes*. Đánh giá ảnh hưởng chiếu xạ gamma Cobalt-60 lên sự sinh trưởng, tích lũy các hợp chất phenolic có trong rễ tơ. Khảo sát điều kiện khử trùng mẫu tạo nguồn vật liệu cây bồ đề in vitro dùng cho chuyển gene, điều kiện thích hợp cảm ứng tạo rễ tơ bồ đề, ảnh hưởng của môi trường và nồng độ sucrose đến sự tăng trưởng của rễ tơ bồ đề, ảnh hưởng của các liều chiếu xạ gamma Cobalt-60 lên sự sinh trưởng và tích lũy hợp chất phenolic của rễ tơ bồ đề.

Số hồ sơ lưu: 16345

5. Khoa học xã hội

502. Kinh tế và kinh doanh

50201. Kinh tế học; Trắc lượng kinh tế học; Quan hệ sản xuất kinh doanh

76345. 04-2021 Nghiên cứu, đề xuất giải pháp thúc đẩy tiêu thụ hàng nội địa tại thị trường nông thôn đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030/ ThS. Trần Duy Đông, ThS.Lê Thu Hiền; TS.Lâm Việt Dũng; ThS.Nguyễn Thị Hồng; Cử nhân.Nguyễn Thanh Hương; ThS.Trần Diệu Hương - Hà Nội - Vụ Thị trường trong nước, 2019 - 01/2019 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Làm rõ cơ sở lý luận về thúc đẩy tiêu thụ hàng nội địa tại thị trường nông thôn. Khái quát chung về thị trường nông thôn và kinh nghiệm quốc tế về thúc đẩy tiêu thụ hàng nội địa tại thị trường nông thôn giai đoạn 2013-2018. Thực trạng tiêu thụ hàng nội địa tại thị trường nông thôn Việt Nam, hàng nội địa được tập trung nghiên cứu là các mặt hàng tiêu dùng nhanh và vật tư nông nghiệp. Rà soát, đánh giá hiện trạng chính sách thúc đẩy tiêu thụ hàng nội địa tại thị trường nông thôn.

Số hồ sơ lưu: 17217

76362. 04-2021 Nghiên cứu khai thác nguồn dữ liệu lớn (Big Data) phục vụ sản xuất chỉ số giá tiêu dùng/ ThS. Nguyễn Văn Thụy, ThS.Đỗ Thị Ngọc; KS.Nguyễn Công Hoan; CN.Đinh Bá Hiên; ThS.Vũ Thị Vân Anh; ThS.Nguyễn Thị Minh Ánh; ThS.Nguyễn Thanh

Bình; CN.Nguyễn Đình Dũng; ThS.Đỗ Trung Kiên; CN.Vũ Thị Thanh Thúy; KS.Nguyễn Thị Yên - Hà Nội - Viện Khoa học Thống kê, 2019 - 07/2018 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan nghiên cứu nguồn dữ liệu lớn phục vụ sản xuất chỉ số giá tiêu dùng. Nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế về khai thác dữ liệu lớn phục vụ sản xuất chỉ số giá tiêu dùng. Tập trung nghiên cứu về nhiệm vụ và các dự án của Nhóm làm việc toàn cầu về dữ liệu lớn, tuyên bố Bogota với chủ đề “Chung tay xây dựng cuộc cách mạng dữ liệu cho sự phát triển bền vững. Có thể coi tuyên bố này là xu hướng khai thác big data của Liên hợp quốc. Nghiên cứu kinh nghiệm của một số cơ quan thống kê quốc gia về khai thác, sử dụng dữ liệu giá bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng để sản xuất CPI và tập trung vào Hàn Quốc và Anh. Qua đó rút ra bài học kinh nghiệm khai thác, sử dụng big data cho Thống kê Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 17243

76424. 04-2021 **Đánh giá thực trạng và tiềm năng du lịch xanh tại Việt Nam/** TS. Nguyễn Văn Hà, TS.Nguyễn Thị Việt Hà; ThS.Nguyễn Thu Trâm - Hà Nội - Học viện Ngân hàng, 2019 - 10/2018 - 03/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Đánh giá thực trạng và tiềm năng của du lịch xanh tại Việt Nam từ đó đề xuất các giải pháp nhằm phát triển du lịch xanh tại Việt Nam. Chỉ rõ những bài học kinh nghiệm về phát triển du lịch

xanh tại Việt Nam từ những kinh nghiệm của các quốc gia đã triển khai du lịch xanh thành công. Phân tích và đánh giá thực trạng và tiềm năng du lịch xanh tại Việt Nam: nhận diện những thành công, hạn chế và nguyên nhân của những hạn chế đó. Đề xuất những khuyến nghị, giải pháp nhằm phát triển du lịch xanh tại Việt Nam thời gian tới.

Số hồ sơ lưu: 17262

76445. 04-2021 **Nghiên cứu rào cản thương mại của Ấn Độ và đề xuất giải pháp thúc đẩy xuất khẩu sang thị trường Ấn Độ/** TS. Lê Hoàng Oanh, ThS.Lê Thị Mai Anh; ThS.Đỗ Quốc Hưng; ThS.Nguyễn Phúc Nam; ThS.Nguyễn Thu Hương; Nguyễn Đương Kiên; CN.Hồ Đức Dũng; CN.Phan Thị Diệu Linh; ThS.Vũ Thị Thúy; CN.Nguyễn Thái Sơn - Hà Nội - Vụ Thị trường châu Á - châu Phi, 2019 - 07/2018 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Hệ thống rào cản thương mại Ấn Độ hiện đang áp dụng đối với hàng hóa nhập khẩu từ các nước nói chung, trong đó có Việt Nam. Đánh giá tác động của các rào cản thương mại, biện pháp phi thuế quan của Ấn Độ đối với hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam. Đề xuất các giải pháp nhằm ứng phó với các rào cản thương mại của Ấn Độ và tăng cường xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang thị trường này.

Số hồ sơ lưu: 17258

76813. 04-2021 **Nghiên cứu cơ chế quan hệ đối tác công tư và các**

chính sách, giải pháp thúc đẩy hoạt động khuyến công nghệ tại Việt Nam/ ThS. Nguyễn Võ Hưng, PGS.TS. Trần Ngọc Ca; ThS. Nguyễn Thanh Tùng; ThS. Nguyễn Thị Phương Mai; TS. Nguyễn Hà Thị Quỳnh Trang; CN. Phạm Thị Thắm; ThS. Đinh Tuấn Minh; TS. Nguyễn Ngọc Anh; TS. Nguyễn Thanh Hà; TS. Ngô Minh Tuấn - Hà Nội - Viện Chiến lược và Chính sách khoa học và công nghệ, 2019 - 04/2017 - 03/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Đề xuất thiết kế một số mẫu cơ chế quan hệ đối tác công tư thực hiện các hoạt động, cung cấp dịch vụ khuyến công nghệ nhằm khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) áp dụng các tiêu chuẩn kỹ thuật tiên tiến, thực hành chuẩn mực tốt; xác định rõ các vấn đề công nghệ cần giải quyết; tìm đúng, áp dụng thành công công nghệ phù hợp, sẵn có, hoặc nghiên cứu phát triển giải pháp riêng cho các vấn đề công nghệ đã xác định.

Số hồ sơ lưu: 17280

77138. 04-2021 **Liên kết các chủ thể trong sản xuất và tiêu thụ một số sản phẩm nông nghiệp có lợi thế vùng Tây Bắc/** TS. Nguyễn Đức Đồng, ThS. Nguyễn Thị Thục; ThS. Bùi Việt Cường; ThS. Trần Minh; TS. Bùi Quang Bình; ThS. Đỗ Thị Kim Anh; ThS. Nguyễn Hồng Anh - Hà Nội - Viện Nghiên cứu Phát triển bền vững Vùng, 2019 - 01/2017 - 12/2018. (Đề tài cấp Bộ)

Làm rõ những vấn đề về liên kết các chủ thể và đề xuất các giải pháp thúc đẩy liên kết các chủ thể

trong sản xuất và tiêu thụ một số sản phẩm nông nghiệp có lợi thế vùng Tây bắc. Làm rõ cơ sở khoa học về liên kết các chủ thể trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp. Làm rõ thực trạng, thuận lợi, khó khăn, cơ hội và thách thức về liên kết các chủ thể trong sản xuất và tiêu thụ một số sản phẩm nông nghiệp có lợi thế vùng Tây bắc. Đề xuất các giải pháp thúc đẩy liên kết các chủ thể trong sản xuất và tiêu thụ một số sản phẩm nông nghiệp có lợi thế vùng Tây bắc.

Số hồ sơ lưu: 17203

50202. Kinh doanh và quản lý

74269. 04-2021 **Nghiên cứu và đề xuất giải pháp xây dựng mạng lưới phân phối cho một số sản phẩm công nghiệp có thế mạnh của Việt Nam tại thị trường ASEAN/** ThS. Đinh Thị Bảo Linh, CN. Đỗ Thị Sa; CN. Tạ Thị Thanh Hằng; CN. Nguyễn Bích Thủy; CN. Nguyễn Trà Ly; CN. Vũ Thị Lan Anh; CN. Nguyễn Thùy Trang; CN. Phạm Thị Kim Ngân; CN. Trần Trung Kiên; CN. Lê Ngọc Lan - Hà Nội - Trung tâm Thông tin Công nghiệp và Thương mại, 2019 - 01/2018 - 12/2018. (Đề tài cấp Bộ)

Xác định được cơ sở lý luận và thực tiễn về vai trò của việc xây dựng mạng lưới phân phối đối với việc thúc đẩy tiêu thụ, xuất khẩu sản phẩm công nghiệp. Đánh giá được thực trạng và triển vọng mạng lưới phân phối cho một số sản phẩm công nghiệp có thế mạnh của Việt Nam tại thị trường ASEAN. Đề xuất giải pháp xây dựng mạng lưới phân phối

cho một số sản phẩm công nghiệp có thể mạnh của Việt Nam tại thị trường ASEAN.

Số hồ sơ lưu: 16382

75208. 04-2021 **Nghiên cứu, xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu chuẩn đối sánh và thực hành tốt nhất về năng suất để phục vụ doanh nghiệp/** KS. Hồ Vĩnh Lộc, KS. Hồ Vĩnh Lộc; ThS. Nguyễn Thị Lê Hoa; TS. Tăng Văn Khiên; ThS. Nguyễn Thị Hà Thu; ThS. Nguyễn Anh Tuấn; ThS. Cao Hoàng Long; ThS. Nguyễn Thị Phương Nhung; ThS. Lê Thị Phương Thúy; ThS. Vũ Thị Thu Hà; CN. Lê Xuân Biên; CN. Đỗ Đình Quân; ThS. Hà Mạnh Hùng - Hà Nội - Viện Năng suất Việt Nam, 2019 - 12/2017 - 12/2018. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng được cấu trúc và các chỉ tiêu của hệ thống cơ sở dữ liệu chuẩn đối sánh và thực hành tốt nhất về năng suất phục vụ doanh nghiệp. Thiết lập cấu trúc hệ thống chuẩn đối sánh và phương pháp thực hành tốt nhất về năng suất; Thiết lập hệ thống chỉ tiêu chuẩn đối sánh về năng suất áp dụng cho doanh nghiệp; Áp dụng thử nghiệm các chuẩn đối sánh và phương pháp thực hành tốt nhất về năng suất cho 3 ngành kinh tế cấp 2; Xây dựng các yêu cầu cụ thể về kiến trúc cơ sở dữ liệu để xây dựng phần mềm chuẩn đối sánh và phương pháp thực hành tốt nhất.

Số hồ sơ lưu: 16698

75209. 04-2021 **Áp dụng tích hợp hệ thống quản lý, công cụ cải tiến năng suất chất lượng phù hợp**

với các loại hình doanh nghiệp vừa và nhỏ khu vực miền Trung./ CN. Tôn Nữ Như Huyền, CN. Tôn Nữ Như Huyền; CN. Đỗ Thị Thu Hiền; ThS. Nguyễn Ngọc Thi; ThS. Cao Hoàng Long; CN. Huỳnh Ngọc Minh Hiền; KS. Lê Xuân Nhất; CN. Trần Sỹ Quân; CN. Nguyễn Thị Trà My; KS. Trương Quốc Anh - Hà Nội - Viện Năng suất Việt Nam, 2019 - 01/2016 - 06/2018. (Đề tài cấp Quốc gia)

Triển khai áp dụng tích hợp hệ thống quản lý và các công cụ cải tiến năng suất chất lượng giúp gia tăng lợi ích, phát huy tối đa mối quan hệ tương tác, hỗ trợ lẫn nhau giữa hệ thống và công cụ để cùng hướng tới mục tiêu chung là cải thiện hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp; Xây dựng mô hình điểm về áp dụng tích hợp các hệ thống quản lý và công cụ cải tiến năng suất chất lượng nhằm tạo cơ sở cho việc tuyên truyền, phổ biến và thúc đẩy áp dụng rộng rãi tại các tổ chức, doanh nghiệp.

Số hồ sơ lưu: 16699

75210. 04-2021 **Xây dựng mô hình điểm áp dụng Hệ thống quản lý năng lượng (ISO 50001), Hệ thống quản lý an toàn thông tin ISO 27000, Hệ thống quản lý tinh gọn Lean, Duy trì Hiệu suất thiết bị tổng thể TPM và Chỉ số đánh giá hoạt động chính KPIs/** ThS. Nguyễn Thế Cường, ThS. Nguyễn Thế Cường; TS. Nguyễn Thu Hiền; ThS. Nguyễn Thanh Hải; CN. Trần Sỹ Quân; CN. Vũ Thị Thu Hà; KS. Hồ Vĩnh Lộc; KS. Tô Thị Hương; ThS. Nguyễn Lê Duy; ThS. Lê Minh

Tuấn; ThS. Lê Công Đê - Hà Nội - Viện Năng suất Việt Nam, 2019 - 03/2015 - 08/2016. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng mô hình điểm về áp dụng các hệ thống quản lý và công cụ cải tiến năng suất chất lượng nhằm tạo cơ sở cho việc tuyên truyền phổ biến và thúc đẩy áp dụng rộng rãi tại các tổ chức, doanh nghiệp như ISO 50001, ISO/IEC 27001, Lean, TPM và KPIs; Tạo tiền đề thúc đẩy hoạt động nâng cao năng suất chất lượng tại các doanh nghiệp Việt Nam; Tạo sự thay đổi trong việc nhận thức về các phương pháp quản lý nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động và khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp.

Số hồ sơ lưu: 16700

75940. 04-2021 **Nghiên cứu đề xuất định hướng chính sách hỗ trợ nâng cao năng lực đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam/** ThS.Đinh Tuấn Minh, ThS.Đinh Tuấn Minh; TS.Nguyễn Quang Tuấn; ThS.Nguyễn Thanh Tùng; ThS.Hà Công Hải; ThS.Chu Thị Thu Hà; CN.Đoàn Thị Hoài Anh; CN.Phạm Thị Thắm; CN.Bùi Tô Tâm; PGS.TS.Trần Ngọc Ca - Hà Nội - Viện Chiến lược và Chính sách khoa học và công nghệ, 2019 - 06/2017 - 12/2018. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan làm rõ cơ sở lý luận về tiêu chí đánh giá năng lực đổi mới sáng tạo (NLĐMST) của doanh nghiệp. Xác định được phương pháp đánh giá và hệ các tiêu chí đánh giá năng lực đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp nhỏ và vừa. Bộ

tiêu chí này cần dựa trên một bảng hỏi được thiết kế sao cho doanh nghiệp không mất quá nhiều thời gian tự điền. Căn cứ vào hiện trạng của các chính sách hiện có liên quan đến hỗ trợ nâng cao năng lực đổi mới sáng tạo cho doanh nghiệp nhỏ và vừa và kết quả khảo sát thử, nghiên cứu sẽ đề xuất một số định hướng chính sách hỗ trợ nâng cao năng lực đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 17218

76153. 04-2021 **Ứng dụng quy trình đánh giá mức độ đầy đủ vốn nội bộ tại các ngân hàng thương mại Việt Nam theo Basel II/** TS. Nguyễn Thùy Dương, ThS.Đỗ Thu Hằng; TS.Phan Thị Hoàng Yến; TS.Phan Hữu Việt; ThS.Vũ Thị Thanh Hà; ThS.Nguyễn Thị Thu Trang; ThS.Nguyễn Bích Ngân - Hà Nội - Học viện Ngân hàng, 2019 - 12/2017 - 06/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Tìm hiểu về Basel và ICAAP. Kinh nghiệm các ngân hàng thương mại trên thế giới trong việc triển khai quy trình ICAAP. Xây dựng mô hình quy trình đánh giá mức độ đầy đủ vốn cho các ngân hàng thương mại Việt Nam. Đề xuất các khuyến nghị liên quan đến triển khai quy trình ICAAP. Tập trung nghiên cứu Basel và quy trình đánh giá đầy đủ vốn nội bộ ICAAP tại các ngân hàng; thực trạng triển khai quy trình ICAAP tại các ngân hàng thương mại Việt Nam; điều kiện để áp dụng ICAAP từ đó đưa ra các đề xuất và kiến nghị trong việc triển

khai ICAAP tại ngân hàng thương mại Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 17233

76221. 04-2021 **Áp dụng mô hình Nhóm huấn luyện (TWI) vào doanh nghiệp Việt Nam/** ThS. Tô Thị Hương, CN. Vũ Thị Thu Hà; ThS. Nguyễn Thị Phương Nhung; ThS. Nguyễn Thanh Hải; CN. Trần Sỹ Quân; CN. Mai Thùy Linh; CN. Nguyễn Minh Khang; ThS. Nguyễn Thái Thùy Hoa; CN. Lê Đình Khôi; CN. Nguyễn Thế Nam - Hà Nội - Viện Năng suất Việt Nam, 2019 - 01/2017 - 06/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng mô hình điểm về áp dụng Mô hình nhóm huấn luyện TWI vào Doanh nghiệp Việt Nam nhằm tạo tiền đề nhân rộng áp dụng TWI cho các Doanh nghiệp Việt Nam, góp phần nâng cao năng suất, chất lượng và khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp. Nhiệm vụ là cơ sở để tạo ra những thực hành tốt về áp dụng Mô hình nhóm huấn luyện TWI, từ đó các doanh nghiệp có thể chia sẻ, học hỏi kinh nghiệm thông qua các hội thảo, tài liệu áp dụng, bài báo, báo cáo..., từ đó tiếp tục nhân rộng một cách rộng rãi tới các doanh nghiệp trong cả nước.

Số hồ sơ lưu: 17122

76261. 04-2021 **Nghiên cứu đề xuất giải pháp thương mại hóa sản phẩm khoa học và công nghệ của khối các trường đại học kỹ thuật ở Việt Nam/** TS. Vũ Tuấn Anh, PGS. TS. Vũ Văn Tích; TS. Nghiêm Xuân Huy; PGS. TS. Nguyễn Tuấn Anh; PGS. TS. Lưu Ngọc Trinh; PGS. TS.

Đỗ Năng Toàn; TS. Đinh Thị Thanh Vân; ThS. Trần Văn Bình; ThS. Vũ Hồng Vân; ThS. Vũ Thị Mai Phương - Hà Nội - Viện Công nghệ Thông tin, 2019 - 11/2016 - 10/2018. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn về thương mại hóa (TMH) sản phẩm KH&CN của các trường đại học; Nghiên cứu, tổng hợp kinh nghiệm quốc tế về TMH sản phẩm Khoa học và công nghệ trong các trường đại học và rút ra bài học cho Việt Nam; Nghiên cứu, phân tích, tổng hợp, đánh giá những vấn đề liên quan đến hoạt động TMH sản phẩm KH&CN của các trường đại học kỹ thuật ở Việt Nam; Đề xuất một số mô hình TMH sản phẩm KH&CN của các trường ĐH kỹ thuật; thí điểm vận dụng triển khai trong thực tế.

Số hồ sơ lưu: 17115

76282. 04-2021 **Đánh giá tác động của thuế môi trường, thuế xăng dầu đến tiêu dùng hộ gia đình ở Việt Nam/** ThS. Nghiêm Thị Vân, ThS. Đặng Ngọc Tú; CN. Nguyễn Thị Thu Hương; PGS. TS. Nguyễn Thị Nguyệt; ThS. Nguyễn Diệu Huyền; ThS. Tăng Thị Thanh Hòa; ThS. Lộ Thị Đức; ThS. Trần Thị Thu; ThS. Hạ Thị Thu Thủy; CN. Vũ Thị Hải Anh; CN. Trần Việt Thúy; CN. Ngô Như Vẻ; CN. Nguyễn Mạnh Hùng; CN. Lê Thị Năm - Hà Nội - Vụ Hệ thống tài khoản quốc gia - Tổng cục Thống kê, 2019 - 07/2018 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Đo lường định lượng tác động của Thuế Bảo vệ môi trường, Thuế xăng dầu tới: chỉ số giá cả tiêu dùng hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng; Tỷ trọng tiêu dùng các nhóm hàng hóa/dịch vụ tiêu dùng ở Việt Nam; Tỷ trọng tiêu dùng các nhóm hàng hóa/dịch vụ tiêu dùng ở Việt Nam phân theo nhóm thu nhập; Tỷ trọng tiêu dùng các nhóm hàng hóa/dịch vụ tiêu dùng ở Việt Nam phân theo các đặc điểm của hộ (bao gồm phân theo giới tính, tuổi của chủ hộ, quy mô hộ); Tỷ trọng tiêu dùng các nhóm hàng hóa/dịch vụ tiêu dùng ở Việt Nam phân theo khu vực thành thị, nông thôn và phân theo 6 vùng kinh tế.

Số hồ sơ lưu: 17144

76336. 04-2021 Hoàn thiện hệ sinh thái Công nghệ tài chính (Fintech) ở Việt Nam giai đoạn 2018 - 2025/ ThS. Nghiêm Thanh Sơn, ThS.Ngô Văn Đức; ThS.Nguyễn Minh Đức; ThS.Nguyễn Thị Thúy Nga; KS.Phó Đức Tiến; ThS.Đặng Thu Hương; ThS.Hoàng Thanh Nhân; ThS.Phan Mạnh Cường; ThS.Nguyễn Huy Toàn; ThS.Thái Thu Hường - Hà Nội - Vụ Thanh toán, 2020 - 10/2018 - 04/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu và đề xuất những giải pháp nhằm hoàn thiện Hệ sinh thái Fintech nhằm tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp Fintech ở Việt Nam phát triển, phù hợp với chủ trương và định hướng của Chính phủ. Làm rõ cơ sở lý luận về Hệ sinh thái Fintech, các thành phần cấu tạo nên Hệ sinh thái Fintech và vai trò của chúng đối với sự phát triển của

Hệ sinh thái. Nêu bật được bài học rút ra từ kinh nghiệm hoàn thiện Hệ sinh thái Fintech của các nước trên thế giới; đánh giá những khó khăn, thách thức có thể xảy ra trong quá trình triển khai thực hiện tại Việt Nam. Xây dựng và đề xuất các giải pháp để hoàn thiện Hệ sinh thái Fintech tại Việt Nam bao gồm: Hoàn thiện về thể chế quản lý của các cơ quan quản lý. Nhà nước đối với lĩnh vực Fintech, hoàn thiện khuôn khổ pháp lý cho các lĩnh vực hoạt động của Fintech, hoàn thiện cơ chế hoạt động của các thành phần trong Hệ sinh thái Fintech.

Số hồ sơ lưu: 17206

76340. 04-2021 Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn để xây dựng dự thảo Đề án tăng cường hệ thống hàng rào kỹ thuật và biện pháp phòng vệ thương mại nhằm bảo đảm môi trường cạnh tranh bình đẳng cho doanh nghiệp trong nước/ ThS. Tôn Nữ Thục Uyên, ThS.Nguyễn Thị Mai Phương; ThS.Nguyễn Thị Ngọc Hòa; ThS.Nguyễn Trọng Nhân; ThS.Trần Thanh Tùng; ThS.Dương Văn Anh; ThS.Phạm Hương Giang - Hà Nội - Văn phòng Thông báo và Hỏi đáp Quốc gia về Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng, 2019 - 11/2018 - 10/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Đề xuất phương án, hoạt động cụ thể để hoàn thiện hệ thống hàng rào kỹ thuật trên cơ sở phù hợp với các cam kết quốc tế về hàng rào kỹ thuật trong thương mại mà Việt Nam là thành viên và hệ thống phòng vệ thương mại để bảo vệ hàng hoá trong nước, tạo môi trường cạnh

tranh bình đẳng cho doanh nghiệp. Đề xuất các nội dung, hoạt động cụ thể để xây dựng dự thảo Đề án về tăng cường hệ thống hàng rào kỹ thuật và biện pháp phòng vệ thương mại nhằm bảo đảm môi trường cạnh tranh bình đẳng cho doanh nghiệp trong nước, đảm bảo mục tiêu bảo vệ hàng hoá trong nước và phù hợp cam kết quốc tế về hàng rào kỹ thuật trong thương mại; chuẩn bị đầy đủ, chủ động đáp ứng quy định, nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp trên thị trường nội địa và quốc tế.

Số hồ sơ lưu: 17220

76346. 04-2021 **Phát triển hoạt động cho vay theo chuỗi giá trị đối với các sản phẩm nông nghiệp chủ yếu của Việt Nam/** ThS. Trần Văn Tân, ThS. Phạm Thị Thanh Tùng; ThS. Trần Thị Lan Anh; ThS. Trần Lê Hoàng An; CN. Trần Thị Minh Nhật; ThS. Trần Anh Quý; ThS. Phạm Toàn Vượng; ThS. Nguyễn Văn Sơn; CN. Nguyễn Văn Bách; ThS. Đặng Hoài Linh; TS. Trần Gia Long - Hà Nội - Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Vụ Tín dụng các ngành kinh tế, 2020 - 12/2017 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu một cách có hệ thống các cơ sở lý luận về chuỗi giá trị nông sản và hoạt động cho vay theo chuỗi giá trị đối với các sản phẩm nông nghiệp (làm rõ nội hàm chuỗi giá trị nông sản và cho vay theo chuỗi giá trị nông sản). Nghiên cứu các sản phẩm, dịch vụ ngân hàng nhằm phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động cho chuỗi giá

trị nông sản đã được áp dụng tại một số nước trên thế giới, từ đó rút ra các bài học kinh nghiệm cho Việt Nam. Phân tích đặc điểm và thực tiễn triển khai hoạt động cho vay theo chuỗi giá trị nông sản của các tổ chức tín dụng tại Việt Nam để nắm bắt những thuận lợi khó khăn khi triển khai cho vay lĩnh vực này. Đề xuất các giải pháp và đưa ra một số khuyến nghị nhằm phát triển hoạt động cho vay theo chuỗi giá trị đối với các sản phẩm nông nghiệp chủ yếu tại các tổ chức tín dụng Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 17221

76350. 04-2021 **Giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động mua bán và sáp nhập (M&A) ngân hàng tại Việt Nam/** TS. Nguyễn Trung Dũng, TS. Nguyễn Thị Gấm; PGS.TS. Lê Thanh Tâm; TS. Nguyễn Bình Giang; ThS. Nguyễn Văn Cửu; TS. Nguyễn Thị Thanh Hương; TS. Đặng Hoài Linh; CN. Đinh Quang Dân - Hà Nội - Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, 2020 - 12/2017 - 03/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu những vấn đề từ lý thuyết và thực tiễn kết hợp với phân tích và đánh giá hoạt động M&A trong lĩnh vực ngân hàng tại một số quốc gia (Mỹ, Hàn Quốc, Trung Quốc và Việt Nam) để từ đó đề xuất giải pháp nhằm góp phần hoàn thiện hoạt động M&A ngân hàng tại Việt Nam. Đề tài giải quyết các câu hỏi nghiên cứu chủ yếu sau: Cơ sở lý thuyết, hành lang pháp lý nào cho hoạt động M&A trong

lĩnh vực ngân hàng; Kinh nghiệm hoạt động M&A ngân hàng của một số nước trên thế giới giúp cho Việt Nam bài học gì trong hoạt động M&A ngân hàng; Những khó khăn, vướng mắc hoạt động M&A ngân hàng tại Việt Nam hiện gặp; Giải pháp nào góp phần hoàn thiện hoạt động M&A ngân hàng tại Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 17224

76357. 04-2021 **Xây dựng khuôn khổ pháp lý cho việc triển khai Chuẩn mực an toàn vốn theo Basel II trong hệ thống ngân hàng tại Việt Nam/** ThS. Lê Trung Kiên, ThS.Đoàn Thị Thương; ThS.Trần Thị Thu Hằng; TS.Phan Hữu Việt; TS.Bùi Văn Hải - Hà Nội - Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng - Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, 2019 - 12/2017 - 10/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Làm rõ những thành công, thất bại trong việc triển khai chuẩn mực vốn Basel II của một số quốc gia trên thế giới tương đồng với Việt Nam. Phân tích thực trạng của hệ thống ngân hàng thương mại Việt Nam, phân tích khoảng cách chênh lệch của ngân hàng thương mại Việt Nam về thực hiện 3 trụ cột của Basel II, khoảng cách chênh lệch về cơ sở dữ liệu, công nghệ thông tin. Phân tích thách thức trong việc thực hiện quy định về vốn theo trụ cột 1, trụ cột 2, trụ cột 3 của Basel II, công khai thông tin và thanh tra, giám sát hệ thống ngân hàng thương mại Việt Nam. Đề xuất các giải pháp về hoàn thiện cơ sở pháp lý để hệ thống ngân hàng thương mại Việt Nam có thể triển

khai chuẩn mực vốn Basel II phù hợp với khả năng nội tại của ngân hàng thương mại Việt Nam (khả năng về tài chính, nhân lực,...)

Số hồ sơ lưu: 17228

76360. 04-2021 **Nhân rộng áp dụng công cụ Hạch toán chi phí dòng nguyên liệu (MFCA) cho các doanh nghiệp Việt Nam/** Cử nhân.Nguyễn Minh Huệ, CN.Lê Minh Dung; ThS.Bùi Hồng Hà; ThS.Phạm Minh Chi; ThS.Nguyễn Phước Lộc; CN.Lê Đình Khôi; CN.Nguyễn Thị Thu Phương; KS.Phạm Bá Cứ; CN.Nguyễn Phương Thanh - Hồ Chí Minh - Trung tâm Hỗ trợ Phát triển Doanh nghiệp vừa và nhỏ 2, 2019 - 01/2017 - 12/2018. (Đề tài cấp Quốc gia)

Hướng dẫn doanh nghiệp áp dụng công cụ Hạch toán chi phí dòng nguyên liệu – MFCA để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và giảm thiểu tác động đến môi trường. Tư vấn hướng dẫn 40 doanh nghiệp áp dụng thành công công cụ Hạch toán chi phí dòng nguyên liệu - MFCA. Hoàn chỉnh 40 mô hình áp dụng MFCA. Phát triển mô hình điểm MFCA nhằm thúc đẩy và nhân rộng áp dụng công cụ MFCA cho doanh nghiệp tại các địa phương. Phát triển đội ngũ chuyên gia tư vấn MFCA.

Số hồ sơ lưu: 17239

76364. 04-2021 **Quản lý nhân lực theo KPI tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam/** ThS. Trần Hữu Thắng, ThS.Trần Thanh Nga; ThS.Phạm Minh Anh; TS.Đào Thị Huyền Anh; ThS.Sầm Thị Kim

Phương; ThS.Nguyễn Thị Vương Lê; ThS.Nguyễn Thị Lan Phương; ThS.Bùi Thị Thu Hoài - Hà Nội - Vụ Tổ chức Cán bộ, 2019 - 12/2018 - 06/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Đưa ra phương thức, trình tự các bước triển khai việc xây dựng hệ thống đo lường kết quả thực thi công việc (KPI) cho ngân hàng nhà nước Việt Nam nhằm tăng cường công tác quản lý nhân sự, đặc biệt là công tác đánh giá cán bộ. Từ đó, dự án sẽ (i) xây dựng bộ quy trình chung cho việc đánh giá kết quả thực thi cho từng nhóm vị trí công việc gắn với Đề án vị trí việc làm đã được phê duyệt trong đề án vị trí việc làm theo bản mô tả vị trí việc làm đã được phê duyệt tại Quyết định số 1690/QĐ-BNV ngày 28/6/2016 của Bộ Nội vụ và làm cơ sở cho việc xây dựng cơ chế đãi ngộ đặc thù của ngân hàng nhà nước; (ii) đề xuất các chỉ số đánh giá kết quả thực thi cho một số vị trí công việc tiêu biểu tại các đơn vị đại diện cho các khối nghiệp vụ của ngân hàng nhà nước dùng để triển khai thí điểm ở một số đơn vị của ngân hàng nhà nước.

Quản lý nhân lực theo KPI tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Số hồ sơ lưu: 17236

76394. 04-2021 **Sử dụng dữ liệu thay thế (alternative data) trong việc chấm điểm tín dụng đối với khách hàng cá nhân tại các tổ chức tín dụng/** TS. Nguyễn Thị Hiền, Cử nhân.Nguyễn Thùy Linh; ThS.Nguyễn Thị Hương Mai; CN.Nguyễn Đình Đức; ThS.Phạm Hà Phương; ThS.Nguyễn Hà

Phương; CN.Trần Cúc Phương; ThS.Nguyễn Thị Thanh Nhung; ThS.Nguyễn Nhật Tân - Hà Nội - Viện Chiến lược Ngân hàng, 2019 - 10/2018 - 04/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng kết cơ sở lý luận về dữ liệu thay thế (alternative data) và sử dụng dữ liệu thay thế trong chấm điểm tín dụng khách hàng cá nhân. Tiến hành nghiên cứu tổng kết một số kinh nghiệm quốc tế liên quan đến vấn đề này ở một số thị trường đặc trưng như Mỹ, Trung Quốc. Khảo sát, đánh giá thực tiễn hoạt động sử dụng dữ liệu đầu vào cho chấm điểm tín dụng khách hàng cá nhân tại các tổ chức tín dụng tại Việt Nam; Đánh giá tiềm năng, sử dụng dữ liệu thay thế (alternative data) trong chấm điểm tín dụng đối với khách hàng cá nhân tại các tổ chức tín dụng ở Việt Nam trong thời gian tới; Rà soát các khuôn khổ pháp luật hiện hành có liên quan; Đánh giá các cơ sở dữ liệu hiện có để xác định các nguồn dữ liệu có thể khai thác.

Số hồ sơ lưu: 17251

76395. 04-2021 **Giải pháp phát triển ngân hàng số tại Việt Nam/** ThS. Phan Ngọc Thắng, ThS.Phạm Hà Phương; ThS.Đỗ Thị Bích Hồng; ThS.Phạm Thúy Hạnh; CN.Vũ Tuấn Linh; ThS.Nguyễn Khánh Duyên; ThS.Phạm Hà Linh; CN.Lê Quang Trung - Hà Nội - Viện Chiến lược Ngân hàng, 2019 - 12/2017 - 06/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu lý luận về ngân hàng số, khái quát bức tranh toàn cảnh quá trình chuyển đổi sang ngân

hàng số ở các nước trên thế giới, từ đó rút ra bài học, kiến nghị đề xuất đối với các ngân hàng thương mại và các cơ quan quản lý nhà nước ở Việt Nam. Các vấn đề lý luận về công nghệ số, ngân hàng số; xu hướng phát triển ngân hàng số và quá trình chuyển đổi sang ngân hàng số ở các nước trên thế giới; Nghiên cứu thực tế triển khai áp dụng ngân hàng số ở Việt Nam, rút ra những thuận lợi và khó khăn làm cơ sở để đưa ra những kiến nghị, đề xuất đối với các ngân hàng thương mại và các cơ quan quản lý nhà nước ở Việt Nam hướng đến tạo điều kiện thuận lợi cho việc đầu tư, ứng dụng và phát triển ngân hàng số ở Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 17250

77078. 04-2021 **Nghiên cứu cơ sở lý luận và đề xuất khung chính sách hỗ trợ xây dựng năng lực học hỏi công nghệ của doanh nghiệp Việt Nam/** PGS. TS. Trần Ngọc Ca, ThS. Nguyễn Thanh Tùng; ThS. Nguyễn Thị Phương Mai; TS. Hà Thị Quỳnh Trang; ThS. Nguyễn Võ Hưng; CN. Phạm Thị Thắm; ThS. Nguyễn Quỳnh Anh; ThS. Chu Thị Thu Hà; CN. Bùi Tố Tâm; PGS.TS. Trần Ngọc Ca; ThS. Đoàn Quang Hưng - Hà Nội - Viện Chiến lược và Chính sách khoa học và công nghệ, 2019 - 06/2017 - 12/2018. (Đề tài cấp Bộ)

Tập trung làm rõ cơ sở lý luận về năng lực học hỏi công nghệ của doanh nghiệp, phân tích thực trạng hệ thống chính sách hỗ trợ xây dựng năng lực học hỏi công nghệ của Việt Nam và đưa ra khung chính sách hỗ trợ xây dựng năng lực học hỏi

công nghệ của doanh nghiệp. Đề tài sử dụng phương pháp nghiên cứu tài liệu thứ cấp, các ấn phẩm và báo cáo đã công bố của nhiều nghiên cứu khác. Đề tài cũng tổ chức điều tra nhanh, nghiên cứu trường hợp, phỏng vấn sâu đối với 43 doanh nghiệp trong các lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo (manufacturing). Đồng thời một số cuộc trao đổi, phỏng vấn cũng được thực hiện với các cơ quan quản lý, một số Viện nghiên cứu và trường đại học và các tổ chức hiệp hội chuyên môn nghề nghiệp có liên quan.

Số hồ sơ lưu: 17211

503. Khoa học giáo dục

50301. Khoa học giáo dục học nói chung, bao gồm cả đào tạo, sư phạm học, lý luận giáo dục,..

76333. 04-2021 **Nghiên cứu, phân tích, đánh giá những công nghệ căn bản của ngành logistics trong xu thế cách mạng công nghiệp 4.0, thiết kế và xây dựng 01 mô hình kho thông minh phục vụ cho công tác đào tạo nguồn nhân lực quản lý trong ngành logistics/** TS. Trần Anh Quân, ThS. Nguyễn Chí Cường; TS. Nguyễn Đức Minh; Kỹ sư. Trần Chí Dũng; TS. Đinh Văn Duy; ThS. Nguyễn Hoài Anh; ThS. Nguyễn Hữu Quang; ThS. Trần Tuấn Anh Long; ThS. Nguyễn Thị Tuyết Hạnh; Kỹ sư. Nguyễn Phương Chi - Hà Nội - Công ty cổ phần viện máy và dụng cụ công nghiệp, 2019 - 01/2018 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Cung cấp thông tin toàn diện, hữu ích về những công nghệ cốt lõi,

nền tảng trong ngành logistics. Cung cấp tổng quan những vấn đề cơ bản của logistics. Dự báo và phân tích xu thế phát triển về xã hội và kinh doanh của ngành logistics. Dự báo và phân tích xu thế phát triển về công nghệ của ngành logistics. Đề xuất một số giải pháp công nghệ cho hoạt động logistics trong quá trình phát triển theo xu thế cách mạng công nghiệp 4.0 của các doanh nghiệp quy mô vừa và nhỏ tại Việt Nam. Cung cấp các phân tích ban đầu về công nghiệp 4.0. Cung cấp các phân tích ban đầu về nhà máy tương lai (nhà máy thông minh). Cung cấp tổng quan về logistics phục vụ công nghiệp 4.0 và nền kinh tế số. Đề xuất một số giải pháp công nghệ về logistics ban đầu cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ (SMEs) trong nền kinh tế số, với đặc thù Việt Nam, trong bối cảnh toàn cầu hoá. Xây dựng và hoàn thiện giải pháp đồng bộ mô hình cất trữ và soạn hàng thông minh phục vụ cho công tác đào tạo, để tiến tới hoàn thiện sản phẩm thương mại đáp ứng nhu cầu của các doanh nghiệp trong nước và quốc tế. Thiết kế, chế tạo được 1 hệ thống thiết bị minh họa cho mô hình cất trữ soạn hàng thông minh, trên cơ sở làm chủ giải pháp tích hợp hệ thống. Nâng cao năng lực cán bộ kỹ thuật, tăng cường nội địa hoá sản phẩm. Mở ra một hướng sản phẩm mới, làm tiền đề để thương mại hoá kết quả khoa học và công nghệ.

Số hồ sơ lưu: 17201

76446. 04-2021 **Phát triển tư duy phê phán cho học sinh tiểu**

học thông qua bài học môn Giáo dục công dân được thiết kế theo quan điểm kiến tạo xã hội/ TS. Ngô Vũ Thu Hằng, TS. Nguyễn Thị Liên; TS. Hồ Thị Nhật; ThS. Nguyễn Thị Hằng; TS. Vũ Thị Ngọc Tú - Hà Nội - Trường Đại học sư phạm Hà Nội, 2019 - 11/2017 - 11/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu về tư duy phê phán và xây dựng các tiêu chí để xác định các mức độ tư duy phê phán và các yêu cầu cần đạt, các biểu hiện cần có ở học sinh tiểu học. Đánh giá thực trạng mức độ biểu hiện tư duy phê phán của học sinh tiểu học. Đánh giá hiệu quả chương trình và các bài học môn Giáo dục công dân hiện nay trong việc phát triển tư duy phê phán cho học sinh tiểu học. Quan điểm kiến tạo xã hội và sự vận dụng quan điểm này vào việc thiết kế các bài học Giáo dục công dân trên thế giới và ở Việt Nam. Thiết kế các bài học môn Giáo dục công dân theo quan điểm kiến tạo xã hội nhằm phát triển tư duy phê phán cho học sinh tiểu học. Nghiên cứu các hoạt động thực nghiệm, bao gồm các hoạt động bồi dưỡng giáo viên và tổ chức dạy học các bài học đã được thiết kế. Đánh giá về hiệu quả của các bài học Giáo dục công dân đã thiết kế trong việc phát triển tư duy phê phán cho học sinh tiểu học.

Số hồ sơ lưu: 17265

76511. 04-2021 **Nghiên cứu cập nhật, đổi mới chương trình đào tạo, bồi dưỡng theo vị trí việc làm đối với công chức, viên chức Bộ Giao thông vận tải giai đoạn 2020-2025 tầm nhìn 2030/ TS. Trần**

Thị Bích Ngọc, ThS. Ngô Anh Tuấn; ThS. Đinh Thị Hải Yên; ThS. Trần Thị Thủy; ThS. Hoàng Văn Thủy; ThS. Mai Thị Hồng Nhung; ThS. Lê Thanh Hà; ThS. Trần Trung Kiên; ThS. Vũ Thị Hương Thảo - Hà Nội - Trường cán bộ quản lý giao thông vận tải, 2019 - 01/2019 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu cơ sở khoa học và thực tiễn công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức Bộ Giao thông vận tải theo vị trí việc làm; đánh giá thực trạng đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức theo vị trí việc làm; đề xuất các giải pháp nâng cao chất lượng hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức theo vị trí việc làm tại Bộ Giao thông vận tải trong thời gian tới và xây dựng khung chương trình đào tạo, bồi dưỡng.

Số hồ sơ lưu: 17289

76576. 04-2021 **Nghiên cứu phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao ngành giao thông vận tải chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp 4.0/** ThS. Dương Thị Hòa, ThS. Ngô Anh Tuấn; ThS. Nguyễn Thị Cẩm Vân; ThS. Đinh Thị Hải Yên; Nguyễn Cao Hiến; Đinh Quang Toàn; Nguyễn Thị Thúy; Vũ Thanh Phương - Hà Nội - Trường cán bộ quản lý giao thông vận tải, 2019 - 01/2019 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Đánh giá xu thế tác động của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đến sự thay đổi về cơ cấu ngành nghề, cơ cấu và trình độ của nguồn nhân lực phục vụ công tác quản lý, sản xuất

kinh doanh của ngành giao thông vận tải. Đề xuất phương hướng, giải pháp có tính khả thi nhằm phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao ngành giao thông vận tải chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp 4.0. Dự thảo Kế hoạch phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao ngành giao thông vận tải chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp 4.0

Số hồ sơ lưu: 17295

76579. 04-2021 **Nâng cao khả năng tham gia của giáo dục nghề nghiệp vào chuỗi cung ứng nhân lực cho các nền kinh tế APEC/** TS. Nguyễn Quang Việt, ThS. Đặng Thị Huyền; PGS. TS. Mạc Văn Tiến; ThS. Lê Thị Thảo; CN. Phạm Thị Lan Hương; ThS. Hoàng Tùng Lâm; ThS. Từ Anh Tuấn; TS. Bùi Tôn Hiến; CN. Tạ Thị Thanh Thúy - Hà Nội - Viện Khoa học giáo dục nghề nghiệp, 2018 - 01/2017 - 12/2018. (Đề tài cấp Bộ)

Hệ thống hóa, phân tích làm rõ cơ sở lý luận về khả năng tham gia của giáo dục nghề nghiệp vào chuỗi cung ứng nhân lực cho các nền kinh tế APEC. Nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế về phát triển kỹ năng nghề nghiệp, nâng cao sự tham gia của giáo dục nghề nghiệp vào chuỗi cung ứng nhân lực trong phạm vi APEC. Đánh giá thực trạng khả năng tham gia của giáo dục nghề nghiệp Việt Nam vào chuỗi cung ứng nhân lực cho các nền kinh tế APEC. Phân tích điểm mạnh, yếu, cơ hội, thách thức và tác động của việc tham gia chuỗi cung ứng nhân lực APEC đối với sự phát triển giáo dục nghề

nghiệp Việt Nam. Đề xuất một số giải pháp nâng cao sự tham gia của giáo dục nghề nghiệp của Việt Nam đáp ứng yêu cầu của chuỗi cung ứng nhân lực cho các nền kinh tế APEC.

Số hồ sơ lưu: 17297

77172. 04-2021 **Nghiên cứu xác định nhu cầu, nội dung, phương pháp đào tạo nhằm xây dựng đội ngũ trí thức Dân tộc thiểu số/ PGS.TS. Phó Đức Hòa, TS. Phạm Thị Thúy Hồng; PGS.TS. Trần Trung; GS.TS. Trần Công Phong; PGS.TS. Trần Hồng Hạnh; PGS.TS. Ngô Thành Can; TS. Bùi Thị Bích Lan; TS. Nguyễn Thị Tám; ThS. Nguyễn Văn Chí; TS. Nguyễn Tiến phúc; ThS. Trịnh Thị Sợi; CN. Nguyễn Ngọc Diệp; CN. Lê Ngọc Tuấn; TS. Nguyễn Mạnh Hùng - Hà Nội - Trung tâm hỗ trợ đào tạo và phát triển nhân lực vùng dân tộc và miền núi, 2019 - 05/2017 - 09/2019. (Đề tài cấp Bộ)**

Làm rõ cơ sở lý luận, khung phân tích về xây dựng đội ngũ trí thức dân tộc thiểu số. Tìm hiểu kinh nghiệm quốc tế liên quan đến xây dựng đội ngũ trí thức dân tộc thiểu số. Đánh giá thực trạng đội ngũ các dân tộc thiểu số; thực trạng xác định nhu cầu, nội dung, phương pháp đào tạo, xây dựng đội ngũ trí thức dân tộc thiểu số. Đánh giá thực trạng chính sách xây dựng đội ngũ các dân tộc thiểu số từ đổi mới đến nay. Xác định nhu cầu về đào tạo, xây dựng đội ngũ trí thức dân tộc thiểu số. Đề xuất nội dung, phương pháp đào tạo và giải pháp tổ chức thực hiện nhằm xây dựng đội ngũ trí thức dân tộc thiểu số.

Số hồ sơ lưu: 17402

504. Xã hội học

50404. Dân tộc học

74205. 04-2021 **Nghiên cứu chính sách dân tộc thiểu số của một số quốc gia trên thế giới, đề xuất bổ sung, hoàn thiện chính sách dân tộc ở Việt Nam/ TS. Nguyễn Đình Cung, TS. Trần Văn Hà; TS. Đặng Thị Thu Hoài; ThS. Lê Thị Xuân Quỳnh; TS. Nguyễn Thị Thanh Bình; CN. Đinh Hồng Vân; TS. Trần Toàn Thắng; CN. Bê Thị Hồng Vân; TS. Nguyễn Xuân Cường; PGS. TS. Nguyễn Văn Sửu; TS. Lý Hành Sơn; TS. Nguyễn Hữu Thọ; ThS. Vũ Tuyết Lan; ThS. Vũ Đình Mười; ThS. Nguyễn Anh Tuấn; ThS. Nông Bằng Nguyên; ThS. Trần Thuỳ Dương; ThS. Đinh Xuân Nghiêm; ThS. Nguyễn Thị Lan Oanh; ThS. Hoàng Xuân Diễm; CN. Đỗ Thị Thu Thủy; ThS. Nguyễn Thị Phương Loan; ThS. Phạm Quang Trung; TS. Lưu Minh Đức; ThS. Trần Thị Thu Huyền - Hà Nội - Viện nghiên cứu quản lý kinh tế trung ương, 2019 - 10/2016 - 03/2019. (Đề tài cấp Bộ)**

Cập nhật và làm rõ quan điểm, cách tiếp cận và việc xây dựng chính sách dân tộc thiểu số (DTTS) của một số quốc gia trên thế giới; Phân tích thực trạng chính sách DTTS, tình hình thực hiện và kết quả thực hiện chính sách DTTS của các quốc gia được nghiên cứu; Làm rõ những vấn đề mới trong chính sách DTTS; phân tích những bài học kinh nghiệm thành công và thất bại trong việc thực hiện chính sách dân tộc ở

một số quốc gia, nhất là Trung Quốc và Đông Nam Á.

Số hồ sơ lưu: 16360

76281. 04-2021 **Cơ sở lý luận và thực tiễn để xây dựng Luật Hỗ trợ phát triển vùng dân tộc thiểu số và miền núi/** PGS.TS. Nguyễn Tất Viễn, ThS. Nguyễn Văn Giang; TS. Hoàng Xuân Lương; TS. Phạm Quý Ty; TS. Trần Văn Thuật; CN. Lý Anh Tuấn; ThS. Phan Hồng Thủy; CN. Nguyễn Chí Tuấn; TS. Nguyễn Hồng Vĩ; CN. Vũ Bá Thông - Hà Nội - Viện Chiến lược và Chính sách dân tộc, 2019 - 09/2017 - 03/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu cơ sở lý luận của việc xây dựng luật hỗ trợ phát triển vùng dân tộc thiểu số và miền núi; kinh nghiệm quốc tế về chính sách hỗ trợ vùng dân tộc thiểu số và miền núi; Đánh giá hệ thống chính sách, pháp luật hiện hành có liên quan đến hỗ trợ phát triển vùng dân tộc thiểu số và miền núi; đề xuất chính sách, nội hàm và dự báo hiệu quả chính sách trong luật hỗ trợ phát triển vùng dân tộc thiểu số và miền núi; Nghiên cứu đề xuất: phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng của luật; đề cương chi tiết, dự thảo của luật hỗ trợ phát triển vùng dân tộc thiểu số và miền núi; Đánh giá tác động của chính sách của luật hỗ trợ phát triển vùng dân tộc thiểu số và miền núi. Cung cấp thông tin, dữ liệu đầu vào phục vụ xây dựng dự thảo luật hỗ trợ phát triển vùng dân tộc thiểu số và miền núi của Ủy ban Dân tộc.

Số hồ sơ lưu: 17149

50405. Xã hội học chuyên đề; Khoa học về giới và phụ nữ; Các vấn đề xã hội Nghiên cứu gia đình và xã hội; Công tác xã hội

74169. 04-2021 **Những đặc điểm cơ bản của hôn nhân ở Việt Nam hiện nay và những yếu tố ảnh hưởng/** GS. TS. Nguyễn Hữu Minh, PGS. TS. Vũ Mạnh Lợi; ThS. Hoa Hữu Vân; PGS. TS. Trần Thị Minh Thi; TS. Lê Thúy Hằng; TS. Trần Thị Hồng; TS. Lê Ngọc Lan; ThS. Trần Quý Long; ThS. Trần Thị Cẩm Nhung; ThS. Hà Thị Minh Khương; TS. Võ Kim Hương; TS. Trương Thị Thu Thủy; CN. Đào Hồng Lê; ThS. Nguyễn Hồng Hạnh; ThS. Nguyễn Đức Tuyền; ThS. Lê Việt Nga; CN. Phan Thanh Mai; ThS. Phan Huyền Dân; ThS. Trần Thị Thanh Loan; CN. Đặng Thị Linh; ThS. Phạm Quốc Nhật; TS. Nguyễn Thế Anh; PGS. TS. Phan Thị Mai Hương; TS. Vũ Thị Thanh - Hà Nội - Viện Nghiên cứu gia đình và giới, 2019 - 04/2016 - 04/2018. (Đề tài cấp Bộ)

Phân tích những vấn đề lý luận và thực tiễn về hôn nhân, đặc điểm của hôn nhân ở Việt Nam, xác định những tác động của các điều kiện kinh tế, văn hoá, xã hội đến hôn nhân hiện nay và xu hướng biến đổi đặc điểm hôn nhân ở nước ta trong thời gian tới và những định hướng chính sách. Đánh giá tác động của các điều kiện kinh tế, văn hoá, xã hội đến hôn nhân hiện nay. - Dự báo xu hướng biến đổi đặc điểm hôn nhân ở nước ta trong thời gian tới và đề xuất những định hướng chính sách cho vấn đề hôn nhân.

Số hồ sơ lưu: 16346

505. Pháp luật**50501. Luật học**

76254. 04-2021 **Pháp luật về hợp đồng trong bối cảnh hội nhập quốc tế ở Việt Nam hiện nay/** TS. Hồ Ngọc Hiền, TS. Nguyễn Văn Quân; TS. Nguyễn Văn Cương; TS. Trần Kiên; TS. Nguyễn Bá Bình; ThS. Nguyễn Thị Hồng Hạnh - Hà Nội - Học viện Khoa học xã hội, 2019 - 07/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Xác định các yêu cầu đặt ra của của hội nhập quốc tế đối với pháp luật về hợp đồng ở Việt Nam hiện nay. Phân tích, làm sáng tỏ các nội dung lí luận về pháp luật về hợp đồng, phân tích các nội dung cơ bản về các lí thuyết, học thuyết, nguyên tắc pháp lí và các trường phái về hợp đồng và pháp luật hợp đồng trên thế giới để cung cấp kiến thức nền tảng, chuyên sâu và cập nhật các lí thuyết mới về hợp đồng cho học viên cao học và các nghiên cứu sinh; Đánh giá thực trạng pháp luật và thực tiễn áp dụng pháp luật về hợp đồng của Việt Nam hiện nay. Đề xuất những phương hướng và giải pháp đổi mới pháp luật hợp đồng của Việt Nam đáp ứng các yêu cầu hội nhập quốc tế.

Số hồ sơ lưu: 17158

76409. 04-2021 **Đảm bảo nguồn nhân lực phục vụ phát triển thể dục thể thao quần chúng đáp ứng nhu cầu xã hội/** PGS. TS. Nguyễn Thanh Tùng, TS. Nguyễn Thái Bền; TS. Nguyễn Nho Dũng; TS. Lê Tiến Hùng; ThS. Nguyễn Thị Hùng; PGS.TS. Lê Đức Chương;

TS. Nguyễn Ngọc Tuấn; TS. Nguyễn Việt Tuấn; ThS. Huỳnh Việt Nam - Đà Nẵng - Trường Đại học TĐTT Đà Nẵng, 2019 - 01/2018 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu về cấu trúc, đặc điểm, xác định tiêu chuẩn, phương pháp đánh giá chất lượng nguồn nhân lực phục vụ cho công tác phát triển thể dục thể thao quần chúng ở nước ta hiện nay; đồng thời tìm hiểu và xác định về nhu cầu xã hội, mô hình chất lượng nguồn nhân lực trong tương lai gần. Qua đó đề xuất những giải pháp có hiệu quả trong việc định hướng đào tạo nguồn nhân lực phục vụ phát triển thể dục thể thao quần chúng theo nhu cầu xã hội.

Số hồ sơ lưu: 17257

76465. 04-2021 **Nghiên cứu xây dựng quy trình, kỹ thuật điều tra, khảo sát và lập Khung chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông đường bộ/** KS. Phạm Thế Giang, ThS. Nguyễn Thanh Chính; ThS. Trần Tuấn Anh; KS. Nguyễn Thị Hồng Vân; CN. Trần Phương Lan - Hà Nội - Tổng Công ty tư vấn thiết kế giao thông vận tải - CTCP, 2020 - 01/2019 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Trình bày các nội dung yêu cầu trong đề cương nhiệm vụ được Bộ Giao thông vận tải phê duyệt số 2795/QĐ-BGTVT ngày 25/12/2018. Về tổng thể, từ năm 2014 khi Luật Đất đai số 45/2013/QH13 có hiệu lực, các dự án đầu tư xây dựng công trình

giao thông đường bộ do các đơn vị của Bộ Giao thông vận tải làm chủ đầu tư đã thực hiện triển khai công tác lập, phê duyệt Khung chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư. Từ kết quả nghiên cứu đề xuất Sổ tay quy trình kỹ thuật điều tra, khảo sát và lập Khung chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư phù hợp với yêu cầu của Luật đầu tư, Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 và luật đất đai và có tính khả thi.

Số hồ sơ lưu: 17271

506. Khoa học chính trị

50601. Khoa học chính trị

74215. 04-2021 **Biển Đông trong quan hệ Mỹ - Trung - Xô/LB Nga từ năm 1974 đến năm 2016/** TS. Vũ Thị Thu Giang, ThS. Nguyễn Thu Hạnh; PGS. TS. Võ Kim Cương; ThS. Lê Thị Thu Hằng; ThS. Đỗ Thị Thu Hà; ThS. Trần Nam Trung; CN. Hoàng Thị Thanh Nga - Hà Nội - Viện Sử học, 2019 - 01/2017 - 12/2018. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu một cách hệ thống, toàn diện về vấn đề Biển Đông trong quan hệ tam giác Mỹ - Trung - Xô/LB Nga từ năm 1974 đến năm 2016. Đề tài thực hiện dựa trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về các vấn đề lịch sử. Ngoài ra, công trình nghiên cứu này còn vận dụng lý thuyết về quan hệ tam giác trong quan hệ quốc tế để phân tích quan hệ giữa Mỹ, Trung Quốc, Liên Xô/LB Nga đối với vấn đề Biển Đông.

Số hồ sơ lưu: 16366

76227. 04-2021 **Đặc điểm, động thái và xu hướng của nền kinh tế thế giới giai đoạn 2015-2020 và tầm nhìn đến năm 2030/** PGS. TS. Chu Đức Dũng, TS. Hoàng Xuân Long; PGS. TS. Nguyễn Thanh Đức; TS. Phạm Mạnh Hùng; ThS. Phan Anh Tuấn; TS. Nghiêm Tuấn Hùng; ThS. Võ Hải Minh; ThS. Lê Thu Hương; ThS. Hoàng Thị Hồng Minh - Hà Nội - Viện kinh tế và chính trị thế giới, 2019 - 01/2015 - 12/2016. (Đề tài cấp Bộ)

Nhận diện, phân tích và đánh giá các đặc điểm, động thái của nền kinh tế thế giới giai đoạn 2010-2019, xu hướng phát triển của nền kinh tế thế giới giai đoạn 2020-2030, từ đó đánh giá những tác động có thể của chúng đến Việt Nam, những vấn đề đặt đối với Việt Nam và một số đề xuất định hướng chính sách cho Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 17105

50602. Hành chính công và quản lý hành chính

74295. 04-2021 **Nghiên cứu, xây dựng tiêu chí đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ và chất lượng dịch vụ của các đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực khoa học và công nghệ ở Việt Nam/** TS. Phạm Xuân Thảo, TS. Trần Hậu Ngọc; ThS. Nguyễn Thị Hà; ThS. Phạm Quỳnh Anh; ThS. Nguyễn Quỳnh Nga; ThS. Nguyễn Ngọc Chiến; ThS. Nguyễn Văn Tuấn; ThS. Nguyễn Bảo Ngọc; ThS. Hồ Thị Tuyết Thanh - Hà Nội - Viện Đánh

giá khoa học và Định giá công nghệ, 2019 - 06/2018 - 03/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Phân tích thực tế việc thực hiện nhiệm vụ và hoạt động dịch vụ của các đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực KH&CN ở Việt Nam. Tích hợp lý thuyết chung và đặc trưng thực tế ở Việt Nam. Đề xuất hệ thống tiêu chí, phương pháp và quy trình đánh giá phù hợp với các tổ chức/đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực KH&CN ở Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 16392

76355. 04-2021 **Nghiên cứu xây dựng hệ thống thi tuyển công chức, viên chức trong ngành thống kê trên hệ thống máy tính/** ThS. Đồng Nguyễn Lệ Hằng, PGS.TS. Tăng Văn Khiên; TS. Đào Thị Hương; ThS. Hoàng Văn Thức; ThS. Phan Thị Ngọc; ThS. Phạm Anh Tuấn; KS. Đỗ Thị Ngát; KS. Nguyễn Công Hoan; CN. Hoàng Thị Ngọc Bích - Hà Nội - Trung tâm Đào tạo, bồi dưỡng Thống kê, Viện Khoa học Thống kê, 2019 - 06/2018 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Đề xuất các nội dung về nghiệp vụ thi trắc nghiệm trên máy (danh mục khối kiến thức, phần thi, sơ đồ kho câu hỏi thi trắc nghiệm môn chuyên ngành thống kê; khung/ma trận đề thi trắc nghiệm môn chuyên ngành thống kê...); Đề xuất các yêu cầu về kỹ thuật, công nghệ của hệ thống thi trắc nghiệm trên máy (Đề xuất các yêu cầu/đầu bài cụ thể cho việc thiết kế phần mềm thi trắc nghiệm, như các chức năng, giao

diện của phần mềm; các yêu cầu về hạ tầng công nghệ thông tin để xây dựng và vận hành phần mềm).

Số hồ sơ lưu: 17232

50603. Lý thuyết tổ chức; Hệ thống chính trị; Đảng chính trị

76423. 04-2021 **Vấn đề kiểm soát quyền lực trong hệ thống chính trị ở Việt Nam hiện nay: Thực trạng, vấn đề và định hướng chính sách/** PGS. TS. Phạm Minh Tuấn, TS. Nguyễn Thị Tuyết Mai; TS. Võ Thành Khối; TS. Nguyễn Thị Oanh; TS. Lê Thị Anh Đào; PGS. TS. Nguyễn Tất Viễn; ThS. Nguyễn Đức Cường; PGS. TS. Lê Thanh Sang; PGS. TS. Huỳnh Văn Thới; PGS. TS. Nguyễn Văn Mạnh - Hồ Chí Minh - Học viện Chính trị khu vực II, 2020 - 01/2017 - 12/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Làm rõ yêu cầu cấp bách của kiểm soát quyền lực trong toàn bộ hệ thống chính trị, xây dựng khung lý thuyết về kiểm soát quyền lực giữa các thiết chế trong hệ thống chính trị, đảm bảo tính thống nhất của hệ thống chính trị nhất nguyên; phản ánh các giá trị phổ biến của kiểm soát quyền lực trong hệ thống chính trị; đồng thời, phản ánh các yếu tố đặc thù của kiểm soát quyền lực trong hệ thống chính trị ở Việt Nam. Trong đó, các yếu tố đặc thù không phủ định những giá trị phổ biến trong kiểm soát quyền lực chính trị.

Số hồ sơ lưu: 17259

507. Địa lý kinh tế và xã hội**50702. Địa lý kinh tế và văn hoá**

76510. 04-2021 **Nghiên cứu các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ logistics của Việt Nam/** TS. Đinh Quang Toàn, TS. Nguyễn Mạnh Hùng; TS. Nguyễn Hoàng Lâm; TS. Nguyễn Việt Thắng; TS. Trần Thế Tuấn; ThS. Bùi Bá Nghiêm; ThS. Dương Thị Hòa; TS. Nguyễn Thị Thanh Quý - Hà Nội - Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải, 2020 - 01/2019 - 03/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Các tiêu chí, mô hình đánh giá chất lượng dịch vụ và chi phí logistics (tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu thuần; tỷ suất lợi nhuận trên chi phí) và mô hình định tính. Phân tích thực trạng chất lượng dịch vụ logistics Việt Nam giai đoạn 2012-2019 trên cơ sở đó chỉ ra nguyên nhân của hiện trạng làm hạn chế chất lượng dịch vụ logistics của Việt Nam. Đề xuất nhóm giải pháp nâng cao chất lượng dịch vụ logistics Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế - thời kỳ cách mạng công nghiệp 4.0.

Số hồ sơ lưu: 17287

77001. 04-2021 **Nghiên cứu, đề xuất chính sách đẩy mạnh xuất khẩu các mặt hàng công nghiệp của Việt Nam sang thị trường các nước Mercosur/** TS. Ngô Văn Phong, CN. Ngô Mạnh Khôi; ThS. Chủ Hương Lan; ThS. Phạm Hồng Trang; ThS. Lê Hồng Quang; CN. Khổng Thanh Phong; ThS. Trần Minh Toàn; CN. Dương Quang; ThS. Nguyễn Bá Sơn; ThS. Cao

Phương Lan; CN. Đỗ Việt Hà; ThS. Ngô Xuân Ty - Hà Nội - Vụ Thị trường châu Âu - châu Mỹ, 2019 - 01/2019 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Khái quát về lý luận, thực tiễn về xuất khẩu hàng công nghiệp vào thị trường các nước khối MERCOSUR. Tìm hiểu về chính sách nhập khẩu của các nước Khối MERCOSUR và thực trạng xuất khẩu hàng công nghiệp của Việt Nam sang thị trường các nước Khối MERCOSUR. Từ đó, đề xuất giải pháp đẩy mạnh xuất khẩu hàng công nghiệp của Việt Nam vào thị trường các nước MERCOSUR.

Số hồ sơ lưu: 17399

77004. 04-2021 **Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn của việc kết nối kinh tế giữa Việt Nam và Nhật Bản trong bối cảnh hội nhập kinh tế khu vực/** PGS.TS. Phạm Hồng Chương, PGS.TS. Phạm Thị Huyền; PGS.TS. Lê Hà Thanh; PGS.TS. Trương Đình Chiến; TS. Trịnh Mai Vân; TS. Đồng Xuân Đảm; TS. Lương Minh Huân; TS. Trần Công Thắng; PGS.TS. Phạm Thị Bích Chi; TS. Hoàng Xuân Hòa; PGS.TS. Vũ Huy Thông; TS. Nguyễn Hữu Đồng; PGS.TS. Đỗ Thị Phi Hoài; TS. Cao Thị Thanh; TS. Lê Thùy Hương; ThS. Nguyễn Văn Khoa; TS. Nguyễn Diệu Hằng; TS. Trịnh Chi Mai; ThS. Vũ Thu Trang; ThS. Hoàng Thị Hà; TS. Phạm Văn Tuấn; GS.TS. Kenichi Ohno - Hà Nội - Trường Đại học kinh tế Quốc dân, 2020 - 06/2017 - 05/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu những vấn đề lý luận về kết nối kinh tế giữa các nước. Tổng quan kinh nghiệm thực tế kết nối kinh tế giữa các nước trong khu vực với Nhật Bản và rút ra bài học cho Việt Nam. Tiến hành đánh giá trình độ, cơ cấu, tiềm năng kết nối kinh tế của hai nước Việt Nam và Nhật Bản. Từ đó, đề xuất các giải pháp thúc đẩy kết nối kinh tế giữa Việt Nam và Nhật Bản nhằm tận dụng hiệu quả nguồn lực của hai nước trong thời gian tới.

Số hồ sơ lưu: 17396

50703. Nghiên cứu quy hoạch, phát triển đô thị

76262. 04-2021 **Nghiên cứu đề xuất giải pháp quản lý tổng hợp đới bờ phục vụ phát triển bền vững vùng duyên hải Bắc Bộ - thí điểm tại tỉnh Thái Bình.**/ TS. Nguyễn Hoàng Giang, ThS. Nguyễn Việt Hiến; PGS. TS. Đặng Văn Bào; TS. Nguyễn Khắc Bằng; PGS. TSKH. Nguyễn Văn Cư; TS. Tô Văn Trường; TS. Bùi Thị Thanh Hương; PGS. TS. Đinh Xuân Thành; TS. Nguyễn Lập Dân; TS. Nguyễn Thị Kim Lý; TS. Trần Thị Hòa; ThS. Bùi Văn Năm; TS. Phan Thị Thanh Hằng; PGS. TS. Nguyễn Văn Tuấn; PGS. TS. Bùi Nam Sách; TS. Trần Xuân Quang; ThS. Trần Thị Thu Hương; ThS. Phạm Tô Minh Tuấn; ThS. Nguyễn Văn Nhã - Thái Bình - Trường Đại học Thái Bình, 2019 - 11/2016 - 10/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Đánh giá thực trạng phát triển kinh tế xã hội và quản lý tổng hợp đới bờ vùng duyên hải Bắc Bộ. Đề

xuất các giải pháp về khoa học và công nghệ; thể chế, chính sách cho QLTHĐB phục vụ phát triển bền vững vùng duyên hải Bắc Bộ - thí điểm tại tỉnh Thái Bình. Xây dựng được mô hình tích hợp trong khai thác, sử dụng hợp lý và quản lý tài 3 nguyên vùng duyên hải Bắc Bộ - thí điểm tỉnh Thái Bình.

Số hồ sơ lưu: 17117

76299. 04-2021 **Nghiên cứu cơ sở khoa học và thực tiễn để xây dựng định hướng quy hoạch phát triển bền vững các tiểu vùng Tây Bắc/** PGS. TS. Nguyễn Ngọc Thanh, GS. TSKH. Phạm Hoàng Hải; PGS. TS. Bùi Quang Tuấn; TS. Trần Thị Mai Phương; TS. Nguyễn Việt Thành; ThS. Đỗ Như Hiệp; TS. Trương Văn Anh; TS. Nguyễn Thị Mỹ Vân; TS. Phùng Giang Hải; ThS. Trần Công Hòa - Hà Nội - Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội, 2019 - 07/2017 - 06/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu tích hợp, liên ngành, liên vùng đảm bảo cung cấp các thông tin, dữ liệu toàn diện phục vụ các mục đích nghiên cứu khoa học, quản lý lãnh thổ, đầu tư phát triển kinh tế (KT-XH), bảo vệ môi trường (BVMT) và an ninh, quốc phòng theo các tiểu vùng Tây Bắc. Làm chủ công nghệ xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu và hệ thống bản đồ chuyên đề phục vụ định hướng phát triển bền vững các tiểu vùng Tây Bắc và cho tỉnh Bắc Kạn.

Số hồ sơ lưu: 17160

76585. 04-2021 **Định lượng giá trị của hệ thống cây xanh công cộng phục vụ quản lý và thích ứng với biến đổi khí hậu/** PGS. TS. Chế Đình Lý, - TP. Hồ Chí Minh - Viện Môi trường và Tài nguyên, 2017 - 11/2014 - 11/2016. (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)

Đề tài nghiên cứu phương pháp thực hiện đánh giá định lượng giá trị bằng tiền của hệ thống cây xanh công cộng, định lượng lợi ích về tiềm năng lưu giữ các bon và cải thiện môi trường của cây đô thị, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý hạ tầng xanh đô thị trong điều kiện biến đổi khí hậu tại TP. HCM.

Số hồ sơ lưu: HCM-052-2020

6. Khoa học nhân văn

601. Lịch sử và khảo cổ học

60199. Các vấn đề lịch sử và khảo cổ học khác

74216. 04-2021 **Lịch sử giao thông vận tải Việt Nam từ năm 1884 đến năm 1945/** TS. Nguyễn Lan Dung, ThS. Bùi Thị Hà; ThS. Trương Thị Hải; ThS. Trần Thị Thanh Huyền; ThS. Trương Thị Phương - Hà Nội - Viện Sử học, 2019 - 01/2017 - 12/2018. (Đề tài cấp Bộ)

Làm rõ mục tiêu chính trị, kinh tế của thực dân Pháp trong việc phát triển hệ thống giao thông và dịch vụ vận tải ở Việt Nam qua các thời kỳ. Quá trình hình thành và phát triển của hệ thống giao thông, gồm: đường sắt, đường bộ, đường thủy và đường hàng không từ năm 1884 đến

năm 1945; đi liền với đó là sự phát triển của ngành dịch vụ vận tải trên các hệ thống giao thông được xây dựng ở trên cũng như trong khoảng thời gian trên. Tác động qua lại giữa sự phát triển hệ thống giao thông và ngành dịch vụ vận tải với đời sống chính trị, kinh tế xã hội ở Việt Nam thời kỳ cận đại trên cả những mặt tích cực và tiêu cực.

Số hồ sơ lưu: 16365

602. Ngôn ngữ học và văn học

60201. Nghiên cứu chung về ngôn ngữ

76283. 04-2021 **Xây dựng bộ tiêu chí đánh giá ngôn ngữ cho trẻ từ sơ sinh đến 36 tháng tuổi/** TS. Phạm Hiền, ThS. Nguyễn Thị Phương; ThS. Nguyễn Thị Giang; ThS. Đinh Thị Hằng; ThS. Trần Thùy An; ThS. Văn Tú Anh; ThS. Đàm Thị Thúy - Hà Nội - Viện Ngôn Ngữ Học, 2018 - 01/2017 - 12/2018. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu cơ sở lí luận liên quan đến đề tài như vấn đề thụ đắc ngôn ngữ của trẻ em, vấn đề từ vựng, vốn từ vựng của trẻ, vấn đề phương pháp phát triển ngôn ngữ của trẻ. Khảo sát về các đặc điểm ngôn ngữ (ngôn ngữ tiếp nhận, ngôn ngữ diễn đạt) của trẻ giai đoạn từ sơ sinh đến 36 tháng tuổi. Phân tích và đưa ra những nhận định về đặc điểm ngôn ngữ của trẻ. Chỉ ra những tiêu chí để đánh giá ngôn ngữ của trẻ trong giai đoạn từ sơ sinh đến 36 tháng tuổi. Xây dựng bộ tiêu chí đánh giá ngôn ngữ của trẻ trong giai đoạn từ sơ sinh đến 36 tháng tuổi.

Số hồ sơ lưu: 17145

60205. Nghiên cứu văn học Việt Nam, văn học các dân tộc ít người của Việt Nam

74180. 04-2021 **Nghiên cứu văn bản, biên dịch dân ca nghi lễ và truyện thơ Nôm dân tộc Tày (tập 20, tập 21)/** PGS. TS. Trịnh Khắc Mạnh, TS. Trần Thị Thu Hương; ThS. Nguyễn Văn Tuấn; TS. Phạm Hoàng Giang; TS. Trương Đức Quả; CN. Hoàng Văn Nam - Hà Nội - Viện Nghiên cứu Hán Nôm, 2019 - 01/2017 - 12/2018. (Đề tài cấp Bộ)

Văn bản dân ca nghi lễ (Hát đám cưới, Then cấp sắc) và truyện thơ Nôm của dân tộc Tày hiện lưu giữ tại kho sách VNCHN có nhiều văn bản khác nhau, việc khảo sát và so sánh các bản để tìm ra bản đáng tin cậy nhất là việc làm hết sức quan trọng và cần thiết. Xác định công tác bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống Việt Nam nói chung và của các dân tộc thiểu số nói riêng, là một trong những nhiệm vụ quan trọng trong thời kỳ hội nhập.

Số hồ sơ lưu: 16350

60207. Lý luận văn hoá; Nghiên cứu văn hoá nói chung

74168. 04-2021 **Khảo sát, sưu tầm, tuyển dịch và bước đầu nghiên cứu đánh giá giá trị di sản mộc bản Hán Nôm tại địa bàn tỉnh Bắc Ninh và tỉnh Hải Dương/** PGS. TS. Nguyễn Công Việt, TS. Trương Thị Thủy; ThS. Thái Trung Sử; TS. Phạm Văn Tuấn; ThS. Nguyễn Quốc Khánh; CN. Bùi Duy Nguyễn; KS.

Ngô Thế Lâm - Hà Nội - Viện Nghiên cứu Hán Nôm, 2018 - 01/2017 - 12/2018. (Đề tài cấp Bộ)

Khảo sát điều tra, sưu tầm thu thập tư liệu ván in từ các di tích lịch sử, bước đầu nghiên cứu đánh giá giá trị di sản mộc bản Hán Nôm trên địa bàn hai tỉnh Bắc Ninh và tỉnh Hải Dương. Xét ở khía cạnh vật chất, mộc bản là một loại hình cổ vật được định bản trong bối cảnh văn hóa in ấn thời Trung đại, đó là các ván khắc âm bản các bộ sách quan trọng của văn hóa truyền thống, từ các bộ sử của triều đình, các kinh điển của Nho giáo của đạo Phật, Đạo Giáo, và các loại hình dân gian khác. Ở khía cạnh phi vật thể, mộc bản chứa đựng nhiều giá trị quý giá về văn hóa khoa cử, văn hóa tôn giáo, văn hóa làng xã... Tính chất đa giá trị này của mộc bản cùng với những nhận định của các nhà nghiên cứu trong và ngoài nước đã khiến cho chúng ta cần có một cách tiếp cận đa chiều.

Số hồ sơ lưu: 16342

74273. 04-2021 **Vai trò của vốn xã hội trong bảo tồn văn hóa truyền thống ở Nhật Bản và Hàn Quốc - Kinh nghiệm đối với Việt Nam/** TS. Ngô Hương Lan, TS. Phan Cao Nhật Anh; TS. Nguyễn Thị Thu Phương; TS. Trần Quang Minh; TS. Hoàng Minh Lợi; ThS. Phùng Diệu Anh; ThS. Nguyễn Ngọc Long - Hà Nội - Viện Nghiên cứu Đông Bắc Á, 2019 - 01/2017 - 12/2018. (Đề tài cấp Bộ)

Làm rõ định nghĩa “vốn xã hội” trong mối tương quan với “vốn con

người”, “vốn văn hóa”...làm rõ khái niệm văn hóa truyền thống và bảo tồn văn hóa truyền thống, giới hạn phạm vi nghiên cứu của đề tài là trường hợp bảo tồn lễ hội Gion, lễ hội Onbashira của Nhật Bản, lễ hội Gangneung Danoje của Hàn Quốc và nghề nhuộm thủ công truyền thống Kagayuzen Nhật Bản. Tìm hiểu vai trò của vốn xã hội (mối quan hệ, sự cộng tác giữa các cá nhân và các tổ chức xã hội, sự tổ chức, phân công lao động, sự hỗ trợ của nhà nước...) trong việc bảo tồn văn hóa truyền thống như: các nghi lễ, lễ hội, nghề thủ công truyền thống... ở Nhật Bản và Hàn Quốc.

Số hồ sơ lưu: 16378

77000. 04-2021 **Nghiên cứu xây dựng văn hóa khởi nghiệp dựa trên đổi mới sáng tạo ở Việt Nam/** TS. Nguyễn Hà Thị Quỳnh Trang, PGS.TS. Trần Ngọc Ca; ThS. Nguyễn Võ Hưng; ThS. Nguyễn Thị Phương Mai; TS. Đỗ Hương Lan; ThS. Nguyễn Quỳnh Anh; CN. Phạm Thị Thắm; CN. Lương Thị Bình; ThS. Chu Thị Thu Hà; TS. Phạm Dũng Nam - Hà Nội - Viện Chiến lược và Chính sách khoa học và công nghệ, 2019 - 06/2017 - 06/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn về văn hóa khởi nghiệp dựa trên đổi mới sáng tạo. Phân tích và đánh giá văn hoá khởi nghiệp dựa trên đổi mới sáng tạo ở Việt Nam hiện nay, các yếu tố cấu thành, sự ảnh hưởng của các nhân tố đến văn hóa khởi nghiệp dựa trên đổi mới sáng tạo ở Việt Nam hiện nay. Đề xuất các giải pháp xây dựng văn hóa khởi nghiệp

dựa trên đổi mới sáng tạo phù hợp với điều kiện Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 17398

60210. Ngôn ngữ học ứng dụng

76270. 04-2021 **Đặc điểm của ngôn ngữ cử chỉ trong giao tiếp của người Việt hiện nay/** TS. Nguyễn Thị Phương, ThS. Trần Thuỳ An; ThS. Nguyễn Thị Phương; ThS. Nguyễn Thị Giang; ThS. Nguyễn Thị Thuỳ; ThS. Lê Thanh Hương - Hà Nội - Viện Ngôn Ngữ Học, 2019 - 01/2017 - 12/2018. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan tình hình nghiên cứu về ngôn ngữ cử chỉ trên thế giới và ở Việt Nam. Xác lập cơ sở lý thuyết về ngôn ngữ cử chỉ và các vấn đề có liên quan. Chỉ ra và phân tích các đặc điểm cấu trúc - hệ thống của ngôn ngữ cử chỉ. Chỉ ra và phân tích các đặc điểm của ngôn ngữ cử chỉ được sử dụng trong giao tiếp của người Việt hiện nay với tư cách là phương tiện giao tiếp độc lập và với tư cách là thành phần kèm lời. Xây dựng một số mô hình cử chỉ - ngữ nghĩa điển hình người Việt thường sử dụng trong giao tiếp hiện nay. Chỉ ra và phân tích các đặc điểm văn hóa, xã hội tác động đến sự hình thành và sử dụng ngôn ngữ cử chỉ của người Việt hiện nay (có so sánh với ngôn ngữ cử chỉ của người Việt thời phong kiến và ngôn ngữ cử chỉ của một số nền văn hóa khác).

Số hồ sơ lưu: 17131

603. Triết học, đạo đức học và tôn giáo**60302. Lịch sử và triết học của khoa học và công nghệ**

74288. 04-2021 **Nghiên cứu, đề xuất phương thức và quy trình đánh giá hồ sơ đăng ký, đề nghị quỹ hỗ trợ hoạt động nâng cao năng lực KH&CN Quốc gia/** ThS. Trần Tuấn Thanh, ThS. Nguyễn Thị Phương; ThS. Vũ Văn Minh; ThS. Nguyễn Hải Yến; ThS. Nguyễn Thị Linh Chi - Hà Nội - Phòng KHTN&KT-Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia, 2019 - 08/2018 - 12/2018. (Đề tài cấp Cơ sở)

Nghiên cứu các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đối với việc nâng cao năng lực khoa học và công nghệ quốc gia. Nghiên cứu tài liệu trong và ngoài nước về hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ quốc gia. Đánh giá kết quả: triển khai các chương về nội dung nghiên cứu của đề án.

Số hồ sơ lưu: 16393

76172. 04-2021 **Nghiên cứu mô hình tăng trưởng kinh tế dựa trên khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (Innovation) của Việt Nam thời kỳ đến năm 2030/** GS. TS. Nguyễn Đông Phong, PGS.TS.Phan Thị Bích Nguyệt; PGS.TS.Đỗ Kim Hào; PGS.TS.Nguyễn Khắc Quốc Bảo; TS.Trần Mai Đông; PGS.TS.Trần Thị Hải Lý; PGS.TS.Đào Ngọc Tiên; TS.Phùng Đức Nam; TS.Bùi Quang Hùng; PGS.TS.Vương Đức Hoàng Quân; GS.TS.Kenichi Ohno;

PGS.TS.Nguyễn Hữu Huy Nhựt; GS.TSKH.Lê Du Phong; PGS.TS.Nguyễn Ngọc Định; PGS.TS.Trần Thị Vân Hoa; TS.Trịnh Mai Vân; PGS.TS.Nguyễn Thanh Hà; TS.Võ Tất Thắng; TS.Trịnh Chi Mai; TS.Nguyễn Ngọc Hòa; TS.Vũ Quang Lãm; TS.Nguyễn Tấn Khuyên; TS.Phạm Dương Phương Thảo; TS.Trịnh Ngọc Tuấn; ThS.Lê Hoàng Yên Khanh - Hồ Chí Minh - Trường đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh, 2019 - 09/2017 - 08/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu lý thuyết về mô hình tăng trưởng kinh tế dựa trên khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (STI); Phân tích các mô hình tăng trưởng kinh tế dựa trên khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (STI) ở những trình độ phát triển khác nhau của một số quốc gia lựa chọn; bài học cho Việt Nam. Đánh giá thực trạng tăng trưởng dựa trên khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo ở Việt Nam; Phân tích những hạn chế hệ thống luật pháp, chính sách khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam. Đề xuất khung chính sách và giải pháp nhằm xây dựng và phát triển mô hình tăng trưởng kinh tế dựa trên khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của Việt Nam giai đoạn đến năm 2030.

Số hồ sơ lưu: 17234

76256. 04-2021 **Cuộc cách mạng công nghiệp thế hệ thứ 4 - xu hướng phát triển sản phẩm, dịch vụ ngân hàng và khuyến nghị chính sách đối với Ngân hàng Nhà**

nước Việt Nam/ ThS. Lê Phương Lan, ThS. Đỗ Thị Bích Hồng; TS. Đặng Thu Thủy; ThS. Thái Thị An Hoa; ThS. Ngô Văn Đức; ThS. Trần Ngọc Linh; ThS. Dương Hải Yến; ThS. Nguyễn Minh Tiến; ThS. Ngô Thị Huyền Linh; ThS. Nguyễn Phương Lê; CN. Nguyễn Văn Tâm; CN. Lê Thu Hằng - Hà Nội - Viện Chiến lược Ngân hàng, 2018 - 12/2017 - 03/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Đánh giá những tác động dự kiến của cuộc cách mạng công nghiệp thế hệ thứ 4 đến xu hướng phát triển sản phẩm, dịch vụ ngân hàng Việt Nam và đưa ra các đề xuất, kiến nghị mang tính chiến lược về phương thức tiếp cận xây dựng cơ chế, chính sách quản lý và điều hành của Ngân hàng nhà nước. Nâng cao nhận thức của người dân và tạo lòng tin của người dân đối với hệ thống ngân hàng Việt Nam. Tăng cường năng lực nghiên cứu của các thành viên trong đề tài, đặc biệt là lĩnh vực quản trị ngân hàng.

Số hồ sơ lưu: 17142

76284. 04-2021 **Nghiên cứu, đánh giá tác động của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4 đối với ngành dệt may Việt Nam nhằm đề xuất định hướng chiến lược, chính sách và các giải pháp phát triển trong giai đoạn 2019-2030/** ThS. Lê Tiên Trường, ThS. Đỗ Phương Nga; ThS. Cao Hữu Hiếu; TS. Hoàng Xuân Hiệp; TS. Nguyễn Sỹ Phương; ThS. Nguyễn Thanh Ngân; TS. Tạ Văn Cảnh; CN. Hoàng Ngọc Ánh; TS. Nguyễn Danh Nguyên; TS. Trần Thị Hương - Hà Nội - Tập đoàn Dệt may Việt Nam,

2019 - 11/2018 - 10/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nhận diện, đánh giá được thành tựu, xu hướng phát triển của công nghiệp 4.0 trong ngành dệt may thế giới; Đánh giá thực trạng ngành dệt may Việt Nam trong bối cảnh công nghiệp 4.0; Đánh giá được tác động của công nghiệp 4.0 tới ngành dệt may Việt Nam; Đánh giá được các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển ngành dệt may Việt Nam trong bối cảnh Công nghiệp 4.0; Đề xuất định hướng chiến lược, chính sách và các giải pháp phát triển

Số hồ sơ lưu: 17140

77078. 04-2021 **Nghiên cứu cơ sở lý luận và đề xuất khung chính sách hỗ trợ xây dựng năng lực học hỏi công nghệ của doanh nghiệp Việt Nam/** PGS. TS. Trần Ngọc Ca, ThS. Nguyễn Thanh Tùng; ThS. Nguyễn Thị Phương Mai; TS. Hà Thị Quỳnh Trang; ThS. Nguyễn Võ Hưng; CN. Phạm Thị Thắm; ThS. Nguyễn Quỳnh Anh; ThS. Chu Thị Thu Hà; CN. Bùi Tố Tâm; PGS.TS. Trần Ngọc Ca; ThS. Đoàn Quang Hưng - Hà Nội - Viện Chiến lược và Chính sách khoa học và công nghệ, 2019 - 06/2017 - 12/2018. (Đề tài cấp Bộ)

Tập trung làm rõ cơ sở lý luận về năng lực học hỏi công nghệ của doanh nghiệp, phân tích thực trạng hệ thống chính sách hỗ trợ xây dựng năng lực học hỏi công nghệ của Việt Nam và đưa ra khung chính sách hỗ trợ xây dựng năng lực học hỏi công nghệ của doanh nghiệp. Đề tài sử dụng phương pháp nghiên cứu tài

liệu thứ cấp, các ấn phẩm và báo cáo đã công bố của nhiều nghiên cứu khác. Đề tài cũng tổ chức điều tra nhanh, nghiên cứu trường hợp, phỏng vấn sâu đối với 43 doanh nghiệp trong các lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo (manufacturing). Đồng thời một số cuộc trao đổi, phỏng vấn cũng được thực hiện với các cơ quan quản lý, một số Viện nghiên cứu và trường đại học và các tổ chức hiệp hội chuyên môn nghề nghiệp có liên quan.

Số hồ sơ lưu: 17211

60305. Nghiên cứu tôn giáo

74264. 04-2021 **Biến đổi của Công giáo trong phát triển bền vững ở Việt Nam hiện nay/** TS. Nguyễn Thị Quế Hương, ThS. Dương Văn Biên; TS. Ngô Quốc Đông; ThS. Nguyễn Thế Nam; ThS. Nguyễn Thị Bích Ngoan; ThS. Nguyễn Thị Thảo - Hà Nội - Viện Nghiên cứu Tôn giáo, 2019 - 01/2017 - 12/2018. (Đề tài cấp Bộ)

Phân tích cơ sở lý luận và thực tiễn về biến đổi tôn giáo, biến đổi Công giáo ở Việt Nam..Nêu thực trạng biến đổi của Công giáo trong quá trình phát triển bền vững đất nước ở Việt Nam hiện nay. Đưa ra những xu hướng biến đổi của Công giáo ở Việt Nam, từ đó định hướng chính sách tôn giáo trong quá trình phát triển bền vững đất nước thời gian tới.

Số hồ sơ lưu: 16380

74265. 04-2021 **Biến đổi của tôn giáo truyền thống trong phát**

triển bền vững ở Việt Nam hiện nay/ TS. Nguyễn Ngọc Mai, ThS. Nguyễn Nguyệt Oanh; ThS. Đỗ Duy Hưng; ThS. Phạm Quang Tùng; ThS. Phạm Minh Phương; ThS. Vũ Thanh Bằng; CN. Lê Đức Hiền - Hà Nội - Viện Nghiên cứu Tôn giáo, 2019 - 01/2017 - 12/2018. (Đề tài cấp Bộ)

Làm rõ những biến đổi của giá trị tôn giáo và tác động của biến đổi giá trị tôn giáo tới phát triển bền vững ở Việt Nam; đưa ra một số khuyến nghị giải pháp nhằm phát huy sản nghiệp giá trị tôn giáo trong điều kiện phát triển bền vững của đất nước. Làm rõ tình hình biến đổi tôn giáo truyền thống ở VN từ năm 2004 - đến nay; nêu những ảnh hưởng của biến đổi giá trị tôn giáo đến phát triển bền vững ở Việt Nam; Đề xuất các khuyến nghị giải pháp nhằm phát huy sản nghiệp giá trị tôn giáo trong phát triển bền vững ở Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 16379

74291. 04-2021 **Biến đổi của Phật giáo trong phát triển bền vững ở Việt Nam hiện nay/** PGS. TS. Chu Văn Tuấn, ThS. Nguyễn Văn Quý; ThS. Hoàng Thị Thu Hương; ThS. Phạm Thị Chuyên; CN. Nguyễn Thị Trang; CN. Nguyễn Hữu Sử; ThS. Nguyễn Thế Nam; CN. Lý Trọng Cường - Hà Nội - Viện Nghiên cứu Tôn giáo, 2019 - 01/2017 - 12/2018. (Đề tài cấp Bộ)

Phân tích cơ sở của biến đổi Phật giáo, góp phần làm rõ sự biến đổi Phật giáo trên các phương diện khác nhau với tính cách là một thực

thể xã hội, thực thể tôn giáo; chỉ ra tác động của biến đổi phật giáo đối với phát triển bền vững ở Việt Nam hiện nay; cung cấp cơ sở khoa học cho việc hoạch định chính sách đối với tôn giáo nói chung, phật giáo nói riêng cho mục tiêu phát triển bền vững trong bối cảnh hội nhập.

Số hồ sơ lưu: 16389

74292. 04-2021 **Biến đổi quyền tự do tôn giáo trong phát triển bền vững ở Việt Nam hiện nay/** TS. Hoàng Văn Chung, ThS. Trương Thúy Trinh; TS. Ngô Quốc Đông; ThS. Trần Anh Đào; ThS. Phạm Thị Chuyên; ThS. Phạm Quang Tùng; ThS. Phạm Thị Thu Huyền; CN. Cao Thị Lệ Hằng - Hà Nội - Viện Nghiên cứu Tôn giáo, 2019 - 01/2017 - 12/2018. (Đề tài cấp Bộ)

Nhận diện và phân tích những biến đổi về nội dung và thực tiễn thực hiện quyền tự do tôn giáo ở Việt Nam từ năm 2004 đến nay và chỉ ra tác động hai chiều giữa biến đổi quyền tự do tôn giáo và phát triển bền vững; trên cơ sở chỉ ra những điều đã và chưa thực hiện được, cũng như những thách thức đặt ra, luận giải yêu cầu về xây dựng chính sách nhằm hướng biến đổi nội dung và thực thi quyền tự do tôn giáo vào chiến lược phát triển đất nước bền vững nói chung.

Số hồ sơ lưu: 16388

Phu lục: THỦ TỤC ĐĂNG KÝ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KH&CN

1. Tên thủ tục hành chính: Thủ tục đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặc biệt, nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia, cấp bộ, cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ và nhiệm vụ khoa học và công nghệ do các quỹ của Nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ cấp Trung ương, cấp bộ tài trợ.

2. Trình tự thực hiện:

- Bước 1:

+ *Đối với kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không có nhu cầu đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp hoặc đã đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp trước khi nghiệm thu chính thức*

Trong thời hạn 30 ngày kể từ khi nhiệm vụ khoa học và công nghệ được nghiệm thu chính thức, tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặc biệt, cấp quốc gia, cấp bộ, nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ và nhiệm vụ khoa học và công nghệ do các quỹ của Nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ cấp Trung ương, cấp bộ tài trợ phải thực hiện đăng ký và giao nộp kết quả thực hiện nhiệm vụ tại Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ.

+ *Đối với kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp sau khi nghiệm thu chính thức*

Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ khi nộp đơn đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, nhưng không muộn hơn 60 ngày kể từ ngày được nghiệm thu chính thức, tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặc biệt, cấp quốc gia, cấp bộ, nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước, nhiệm vụ khoa học và công nghệ do các quỹ của Nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ cấp Trung ương, cấp bộ tài trợ phải thực hiện đăng ký và giao nộp kết quả thực hiện nhiệm vụ tại Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ.

- Bước 2:

Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia có trách nhiệm kiểm tra, xác nhận tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ và ghi vào giấy biên nhận hồ sơ đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia có trách nhiệm thông báo bằng văn bản tới tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ yêu cầu bổ sung. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia có trách nhiệm cấp 01 Giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cho tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

3. Cách thức thực hiện:

- Đăng ký trực tuyến tại trang thông tin điện tử: <http://dangkykqnv.vista.gov.vn/>;
- Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa, Phòng Quản lý Thông tin, Thống kê KH&CN, Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia;
- Gửi bảo đảm theo đường bưu chính về Bộ phận Một cửa, Phòng Quản lý Thông tin, Thống kê KH&CN, Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia.

4. Thành phần, số lượng hồ sơ: 01 bộ

- 01 Phiếu đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước (Phiếu đăng ký để rời, đóng dấu giáp lai nếu 2 tờ, không đóng vào báo cáo tổng hợp).
- 01 bản giấy Báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ (đã hoàn thiện sau khi nghiệm thu chính thức), báo cáo đóng bìa cứng, gáy vuông (in tên chủ nhiệm vụ, và mã số nhiệm vụ), trên trang bìa lót bên trong có xác nhận của tổ chức chủ trì nhiệm vụ về việc đã hoàn thiện kết quả thực hiện nhiệm vụ sau khi nghiệm thu chính thức.
- 01 bản điện tử Báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ (file hoàn chỉnh, không tách riêng các file chương, mục,...); 01 bản điện tử Báo cáo tóm tắt kết quả thực hiện nhiệm vụ; 01 bản điện tử phụ lục tổng hợp số liệu điều tra, khảo sát, bản đồ, bản vẽ, ảnh, sách chuyên khảo, bài tạp chí... tài liệu đa phương tiện, phần mềm (nếu có). Bản điện tử phải sử dụng định dạng Portable Document (.pdf) và phải sử dụng phông chữ tiếng Việt Unicode (Time New Roman) theo tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN 6909:2001), bản điện tử phải thể hiện đúng với bản giấy, được ghi trên đĩa quang và không được đặt mật khẩu.

- 01 bản sao Biên bản họp Hội đồng nghiệm thu chính thức kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (biên bản không đóng kèm vào báo cáo tổng hợp); văn bản xác nhận về sự thỏa thuận của các tác giả về việc xếp thứ tự tên trong danh sách tác giả thực hiện nhiệm vụ (nếu có).

- 01 Bản sao đơn đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp (nếu có) kèm theo bản chính để đối chiếu khi giao nộp.

- 01 Phiếu mô tả công nghệ (theo mẫu) đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ mà sản phẩm bao gồm quy trình công nghệ.

5. Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

7. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia.

8. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

9. Lệ phí: Không.

10. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Phiếu đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước.

- Phiếu mô tả công nghệ.

- Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

11. Yêu cầu điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

12. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật khoa học và công nghệ ngày 18/6/2013.

- Nghi định số 11/2014/NĐ-CP ngày 18/2/2014 của Chính phủ về hoạt động thông tin khoa học và công nghệ.

- Thông tư số 14/2014/TT-BKHHCN ngày 11/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định về việc thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

13. Thời gian và địa chỉ tiếp nhận hồ sơ:

Thời gian: Các ngày làm việc trong tuần (trừ ngày Lễ, Tết)

Sáng: từ 8h30 đến 11h30

Chiều: từ 13h30 đến 16h30

Địa chỉ: Bộ phận Một cửa - Phòng Quản lý Thông tin, Thống kê khoa học và công nghệ, Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia.

Phòng 308 (tầng 3), 24 Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: 024.39349116; Fax: 024.39349127.

Email: dangky@vista.gov.vn

** Mọi ý kiến phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân liên quan đến thủ tục đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ gửi về địa chỉ: Bộ phận Kiểm soát thủ tục hành chính, Phòng 207b, tầng 2, 24 Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm, Hà Nội, điện thoại: 04.39349119*